

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN
(1943 - 2019)

1972

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PHYSICS DEPARTMENT

1155 EAST 58TH STREET, CHICAGO, ILLINOIS 60637

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN



Kính Biểu

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN
(1943 - 2019)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TRUNG ƯƠNG

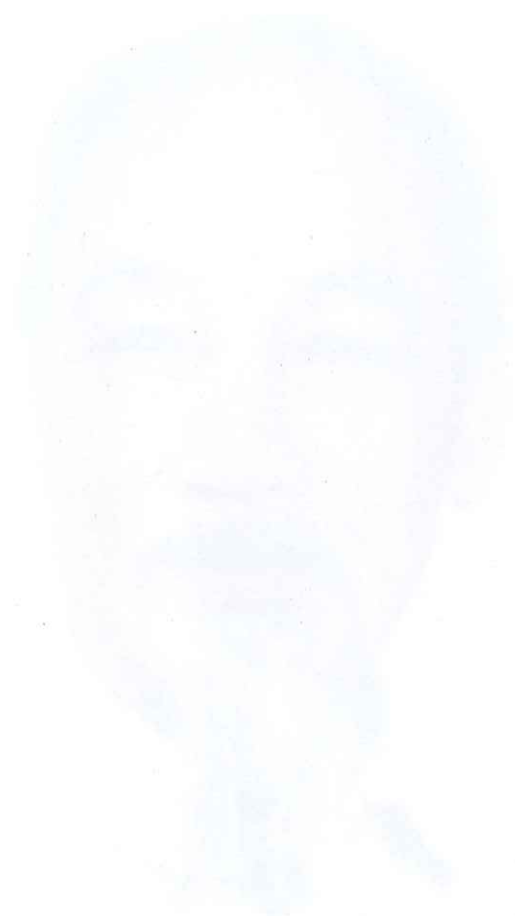
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(1945 - 2015)



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

(1890 - 1969)



THE UNIVERSITY OF CHICAGO

(1991 - 1992)

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Bắc Kạn

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Ban Thường vụ Thành ủy Bắc Kạn

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Trưởng ban:	Cù Ngọc Cường	Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy;
Phó Trưởng ban:	Trịnh Đình Sinh	Phó Bí thư Thường trực Thành ủy (đến tháng 6/2020);
Phó Trưởng ban:	Dương Hữu Bường	Phó Bí thư; Chủ tịch UBND thành phố;
Phó Trưởng ban Thường trực:	Phạm Quyết Chiến	Ủy viên BTV, Trưởng Ban Tuyên giáo kiêm Giám Đốc Trung tâm Chính trị.

CÁC THÀNH VIÊN

- 1 Vũ Quang Huy Ủy viên BTV, Trưởng Ban Tổ chức Thành ủy;
- 2 Lèng Hoàng Diệu Ủy viên BTV, Chủ nhiệm UBKT Thành ủy;
- 3 Đinh Thị Hạt Ủy viên BTV, Phó Chủ tịch phụ trách HĐND thành phố (đến tháng 6/2020);
- 4 Đặng Văn Lê Ủy viên BTV, Trưởng Ban Dân vận, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố;
- 5 Cù Thị Huệ Thành ủy viên, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố;
- 6 Phan Minh Lý Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy.

BAN BIÊN SOẠN

- 1 **PGS.TS. Trần Viết Khanh** Phó Giám đốc Đại học Thái Nguyên.
- 2 **PGS.TS. Đàm Thị Uyên** Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ Đại học Thái Nguyên.
- 3 **TS. Phạm Quốc Tuấn** Giám đốc Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên.
- 4 **TS. Đỗ Hằng Nga** Giảng viên Lịch sử Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên.
- 5 **TS. Mai Thị Hồng Vĩnh** Giảng viên Lịch sử Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên.
- 6 **ThS. Dương Minh Nhật** Chuyên viên Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên.
- 7 **ThS. Lục Thúy Hằng** Hiệu trưởng Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc.
- 8 **ThS. Hoàng Thị Kiên** Giáo viên Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc.

Wörterverzeichnis

1. Die Bedeutung des Wortes	1
2. Die Wortbildung	2
3. Die Wortarten	3
4. Die Wortveränderung	4
5. Die Wortverwendung	5
6. Die Wortentwicklung	6
7. Die Wortfamilie	7
8. Die Wortartikulation	8
9. Die Wortakzentuierung	9
10. Die Wortfuge	10
11. Die Wortbildung	11
12. Die Wortarten	12
13. Die Wortveränderung	13
14. Die Wortverwendung	14
15. Die Wortentwicklung	15
16. Die Wortfamilie	16
17. Die Wortartikulation	17
18. Die Wortakzentuierung	18
19. Die Wortfuge	19
20. Die Wortbildung	20
21. Die Wortarten	21
22. Die Wortveränderung	22
23. Die Wortverwendung	23
24. Die Wortentwicklung	24
25. Die Wortfamilie	25
26. Die Wortartikulation	26
27. Die Wortakzentuierung	27
28. Die Wortfuge	28
29. Die Wortbildung	29
30. Die Wortarten	30
31. Die Wortveränderung	31
32. Die Wortverwendung	32
33. Die Wortentwicklung	33
34. Die Wortfamilie	34
35. Die Wortartikulation	35
36. Die Wortakzentuierung	36
37. Die Wortfuge	37
38. Die Wortbildung	38
39. Die Wortarten	39
40. Die Wortveränderung	40
41. Die Wortverwendung	41
42. Die Wortentwicklung	42
43. Die Wortfamilie	43
44. Die Wortartikulation	44
45. Die Wortakzentuierung	45
46. Die Wortfuge	46
47. Die Wortbildung	47
48. Die Wortarten	48
49. Die Wortveränderung	49
50. Die Wortverwendung	50
51. Die Wortentwicklung	51
52. Die Wortfamilie	52
53. Die Wortartikulation	53
54. Die Wortakzentuierung	54
55. Die Wortfuge	55
56. Die Wortbildung	56
57. Die Wortarten	57
58. Die Wortveränderung	58
59. Die Wortverwendung	59
60. Die Wortentwicklung	60
61. Die Wortfamilie	61
62. Die Wortartikulation	62
63. Die Wortakzentuierung	63
64. Die Wortfuge	64
65. Die Wortbildung	65
66. Die Wortarten	66
67. Die Wortveränderung	67
68. Die Wortverwendung	68
69. Die Wortentwicklung	69
70. Die Wortfamilie	70
71. Die Wortartikulation	71
72. Die Wortakzentuierung	72
73. Die Wortfuge	73
74. Die Wortbildung	74
75. Die Wortarten	75
76. Die Wortveränderung	76
77. Die Wortverwendung	77
78. Die Wortentwicklung	78
79. Die Wortfamilie	79
80. Die Wortartikulation	80
81. Die Wortakzentuierung	81
82. Die Wortfuge	82
83. Die Wortbildung	83
84. Die Wortarten	84
85. Die Wortveränderung	85
86. Die Wortverwendung	86
87. Die Wortentwicklung	87
88. Die Wortfamilie	88
89. Die Wortartikulation	89
90. Die Wortakzentuierung	90
91. Die Wortfuge	91
92. Die Wortbildung	92
93. Die Wortarten	93
94. Die Wortveränderung	94
95. Die Wortverwendung	95
96. Die Wortentwicklung	96
97. Die Wortfamilie	97
98. Die Wortartikulation	98
99. Die Wortakzentuierung	99
100. Die Wortfuge	100

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN





THE BRITISH EMPIRE IN 1914

BRITISH TERRITORIES
PROTECTORATES
TERRITORIES UNDER BRITISH PROTECTION
TERRITORIES UNDER BRITISH INFLUENCE
TERRITORIES NOT UNDER BRITISH CONTROL

LỜI GIỚI THIỆU

Thành phố Bắc Kạn là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh, với lịch sử hình thành và phát triển hơn 100 năm. Phát huy truyền thống quê hương cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang và Nhân dân các dân tộc thành phố đã có những đóng góp quan trọng vào công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cùng với sự phát triển của tỉnh, sau 30 năm tái thành lập và 23 năm là trung tâm tỉnh lỵ, thành phố đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; góp phần xây dựng thành phố Bắc Kạn ngày càng phát triển.

Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng”, nhân dịp Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Bắc Kạn lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Bắc Kạn biên soạn, xuất bản cuốn **LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)**. Cuốn sách là kết quả nghiên cứu, tái bản, bổ sung từ cuốn “Lịch sử Đảng bộ thị xã Bắc Cạn (1943 - 1995)” có điều chỉnh, bổ sung thêm: Phần mở đầu (Lịch sử và truyền thống), Phần nội dung (từ năm 1996 đến năm 2019) và phần Phụ lục với nhiều tư liệu mới.

Cuốn sách ghi lại chặng đường lịch sử hình thành, phát triển của Đảng bộ; vai trò lãnh đạo của Tổ chức Đảng ở địa phương từ khi ra đời đến nay; khẳng định những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử của Nhân dân

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

song hết sức vẻ vang. Đây là việc làm thiết thực nhằm củng cố lòng tin, khơi dậy niềm tự hào về lịch sử của mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân; đồng thời góp phần giáo dục truyền thống, lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho các thế hệ mai sau.

Trong quá trình biên soạn và xuất bản cuốn sách mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc sưu tầm, nghiên cứu, biên tập nhưng chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố rất mong nhận được ý kiến đóng góp, phê bình, bổ sung của cán bộ, đảng viên, Nhân dân và bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần xuất bản lần sau.

Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố trân trọng cảm ơn sự tư vấn, giúp đỡ, tạo điều kiện của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo, các đồng chí lãnh đạo thành phố qua các thời kỳ; sự tham gia nhiệt tình, trách nhiệm, tâm huyết của Ban Biên soạn, Tổ Sưu tầm tư liệu, tài liệu và các đồng chí cán bộ, đảng viên các cơ quan, đơn vị đã phối hợp, tạo mọi điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện biên soạn, xuất bản cuốn sách.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
THÀNH PHỐ BẮC KẠN**

MỞ ĐẦU

THÀNH PHỐ BẮC KẠN - LỊCH SỬ VÀ TRUYỀN THỐNG

Thành phố Bắc Kạn là tỉnh lỵ của tỉnh Bắc Kạn¹, nằm trong giới hạn tọa độ địa lý từ 22°8'5" đến 22°9'23" vĩ độ Bắc, từ 105°49'30" đến 105°51'15" kinh độ Đông. Phía bắc giáp xã Cẩm Giàng, Hà Vị (nay là xã Quân Hà) - huyện Bạch Thông; phía nam giáp xã Thanh Vân, Hoà Mục - huyện Chợ Mới; phía đông giáp xã Mỹ Thanh - huyện Bạch Thông; phía tây giáp xã Quang Thuận, Đôn Phong - huyện Bạch Thông.

Nằm dọc theo Quốc lộ 3, đi lên phía bắc qua đèo Giàng, đèo Gió đến Cao Bằng, biên giới Việt - Trung; xuôi về phía nam, đến thành phố Thái Nguyên và Thủ đô Hà Nội, thành phố Bắc Kạn có vị trí chiến lược quan trọng về nhiều mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa và quân sự. Thành phố là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh Bắc Kạn, đầu mối trung chuyển thuận lợi giữa miền ngược, miền xuôi; giữa Cao Bằng với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh trung du, đồng bằng Bắc Bộ. Xưa kia, đây là miền núi rừng hẻo lánh thuộc thượng du Bắc Kỳ. Ngày nay, từ thành phố Bắc Kạn có thể đi lại dễ dàng, nhanh chóng tới các miền trong cả nước.

Địa hình thành phố Bắc Kạn mang đặc trưng chung của địa hình khu vực miền núi phía bắc. Đặc điểm nổi bật của khu vực này là cấu tạo địa hình dạng cánh cung với hai cánh cung Ngân Sơn và Sông Gâm. Cánh cung Ngân Sơn nối liền một dải, chạy từ Nặm Quét (Cao Bằng) dịch theo phía đông tỉnh Bắc Kạn đến Lang Hít (phía bắc tỉnh Thái Nguyên) uốn thành hình cánh cung rõ rệt. Đây là cánh cung đóng

¹ Địa danh Bắc Kạn - Bắc Cạn trước năm 1997 được viết chưa thống nhất. Để thống

vai trò quan trọng trong địa hình của tỉnh, đồng thời là ranh giới khí hậu điển hình. Cánh cung Sông Gâm chạy dọc theo phía tây của tỉnh. Cấu tạo chủ yếu là đá phiến thạch anh, đá vôi, có lớp dài là đá kết tinh rất cổ. Xen vào giữa các cánh cung là những dải trũng rộng với các dòng sông. Là thung lũng lòng chảo nằm theo hai bờ sông Cầu, xung quanh thành phố Bắc Kạn có các dãy núi bao bọc, hướng dốc từ tây sang đông, độ cao trung bình từ 150 m đến 200 m. Đỉnh núi cao nhất là Khau Nang (xã Dương Quang) 746 m, Nậm Dắt (phường Xuất Hóa) 728 m. Thành phố có ba dạng địa hình: Địa hình núi đá vôi phức tạp tập trung ở phía nam phường Xuất Hóa; địa hình núi đất cao từ 150 m đến 160 m so với mực nước biển phân bố ở hầu hết các xã, phường và địa hình thung lũng tương đối bằng phẳng ở các phường nội thành.

Với địa hình dạng cánh cung mở ra đón hướng gió nên thành phố Bắc Kạn là nơi tiếp nhận sớm và chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa Đông Bắc. Bên cạnh đó, sự chi phối của núi cao khiến cho đặc điểm khí hậu của thành phố Bắc Kạn mang yếu tố á nhiệt đới nhiều hơn yếu tố nhiệt đới. Sử sách xưa ghi chép rằng vùng đất thành phố Bắc Kạn có *“Khí trời nhiều lạnh rét, khí đất ẩm ướt, cuối xuân còn lạnh, đến mùa hạ mới hơi nóng, đầu thu đã rét, đến mùa đông rét đậm. Mùa đông và mùa xuân sương mù khí núi che phủ bầu trời, trước giờ Tý sau giờ Thân từ phía nhìn quanh không thấy núi”*¹. Được hình thành từ một nền nhiệt cao của đới chí tuyến và sự thay thế của các hoàn lưu lớn theo mùa, kết hợp với điều kiện địa hình nên mùa nóng bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 9, trong mùa trời nắng gắt, độ dài ngày lớn, lượng mưa tập trung kéo theo sự dư thừa độ ẩm, đôi khi gây ra úng, lụt. Mùa lạnh từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau, có lượng mưa ít, thời tiết hanh khô, sương muối.

Đặc điểm địa hình núi cao và khí hậu khắc nghiệt vừa là trở ngại thử thách Nhân dân các dân tộc thành phố Bắc Kạn trong quá trình từng bước chế ngự thiên nhiên, tạo dựng cuộc sống ấm no, vừa có lợi thế để phát triển một nền nông nghiệp sinh thái, với các cây trồng, vật nuôi đa dạng, đặc biệt là cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, tạo ra các sản phẩm phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

Là địa bàn trung tâm của tỉnh, trước yêu cầu của việc đô thị hóa cao, phần diện tích đất nông nghiệp trước đây của thành phố Bắc Kạn dần dần thu hẹp nhanh chóng. Tính đến năm 2019, thành phố Bắc Kạn có tổng diện tích tự nhiên 13.699,98 ha. Trong đó, đất nông nghiệp chiếm 88,47%; đất phi nông nghiệp chiếm 10,78%; đất chưa sử dụng chiếm 0,75%¹. Đánh giá theo địa hình và mức độ thích nghi đối với cây trồng, vật nuôi, đất đai của thành phố Bắc Kạn được chia thành năm nhóm. Đất phù sa sông nằm trên các khu vực có địa hình thấp, nơi tích tụ phù sa do xói mòn từ đồi núi dọc theo triền sông Cầu và phân bố dọc theo các triền suối. Đây là loại đất tốt nhất cho canh tác, phù hợp với nhiều cây trồng. Đất phù sa ngòi suối có tỷ lệ mùn ở mức trung bình, đất có phản ứng chua, chất dinh dưỡng trung bình. Đất dốc tụ trồng lúa nước phân bố xen kẽ, rải rác khắp các đồi núi, chứa nhiều sỏi cát. Đất feralit nâu vàng phát triển trên phù sa cổ, phân bố rải rác ven sông suối của địa hình đồi núi thoải. Đất feralit vàng đỏ phát triển trên đá granit, phân bố ở độ cao 200 m - 700 m, tầng đất từ trung bình đến dày, có nhiều đá lộ đầu, thích hợp cho phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lâm nghiệp.

Thành phố Bắc Kạn chịu ảnh hưởng của chế độ thủy văn sông Cầu. Trên địa phận tỉnh Bắc Kạn, sông Cầu dài 103 km, lưu lượng nước bình quân trong năm là 65,5 m³/s (mùa lũ là 123 m³/s, mùa khô là 8,05 m³/s). Dòng sông uốn khúc quanh co, hệ số uốn khúc lớn (>2,0),

★ LỊCH SỬ ĐĂNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

độ dốc đáy sông đạt trên 10%. Đoạn sông Cầu qua địa phận thành phố Bắc Kạn dài 20 km, chiều rộng trung bình 40 m. Là con sông lớn và quan trọng bậc nhất ở thành phố, sông Cầu tiếp nhận nguồn nước chủ yếu từ sườn phía tây cánh cung Ngân Sơn, khu nam - đông nam cánh cung sông Gâm cùng thu vào vùng võng trung tâm của tỉnh, dốc từ bắc xuống nam. Sông Cầu cung cấp nước canh tác cho nông, lâm nghiệp, nước cho các cơ sở công nghiệp và nước sinh hoạt cho dân cư.

Thuộc hệ thống sông Cầu có các phụ lưu quan trọng như suối Đôn Phong và Nặm Cắt. Suối Nặm Cắt (tiếng Tày nghĩa là suối Nước Lạnh) có diện tích lưu vực 110 km², chiều dài nhánh chính 25 km, lưu lượng nước trung bình là 1,43 m³/s. Ngoài ra, các suối chảy qua địa bàn thành phố còn có suối Nông Thượng, suối Pá Danh, suối Xuất Hóa.

Sông suối trên địa bàn thành phố Bắc Kạn có độ dốc, bị bồi lắng do đất đá ở thượng nguồn trôi về làm cho dòng chảy của sông, suối bị thu hẹp lại, mùa mưa thường gây úng ngập hai bên bờ. Công trình Hồ chứa nước Nặm Cắt thuộc xã Dương Quang khi đưa vào sử dụng hứa hẹn không những cung cấp đủ nước tưới tiêu cho các cánh đồng lúa, màu xã Dương Quang và phường Huyền Tung mà còn điều tiết nước các sông, suối chảy qua địa bàn thành phố.

Với hệ thống sông suối gồm sông Cầu và các suối nhỏ, cát, sỏi phục vụ xây dựng của thành phố Bắc Kạn được đánh giá có trữ lượng khá lớn. Bên cạnh đó, các dãy núi đá vôi cũng hình thành nhiều mỏ khoáng sản đá xây dựng. Thành phố còn có mỏ sét làm gạch ngói, đã được khai thác với công nghệ lộ thiên, công suất 10.000 - 30.000 m³/năm.

Nằm trong khu vực có diện tích rừng tự nhiên vào loại lớn nhất vùng Đông Bắc, tài nguyên rừng của thành phố Bắc Kạn phong phú, đa dạng ở cả hệ động vật và thực vật. Ngoài khả năng cung cấp gỗ, tre, nứa, rừng còn nhiều loại động vật, thực vật quý hiếm, có giá trị. Khu

Khu cảnh quan Thác Giềng có hệ sinh thái rừng trên núi đá vôi với loài cây có giá trị nguồn gen cao là nghiến. Rừng Nà Noọc có 345 cây nghiến và 11 cây gỗ trai quý hiếm cùng nhiều cây gỗ từ nhóm III đến nhóm VIII. Hầu hết các cây đều có tuổi đời hàng trăm năm. Rừng còn có nhiều loài thú, chim, bò sát... rất đa dạng, cần được bảo tồn.

Là đô thị tỉnh lỵ, giao thông của thành phố từng bước được mở mang. Nơi đây có tuyến Quốc lộ 3 chạy qua, nối liền với tỉnh Cao Bằng, tỉnh Thái Nguyên và Thủ đô Hà Nội. Nhánh Quốc lộ 3B và Quốc lộ 279 nối liền với tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Lạng Sơn. Các tuyến đường phố chính của thành phố Bắc Kạn là Trường Chinh, Trần Hưng Đạo, Võ Nguyên Giáp, Chiến Thắng Phủ Thông, Phùng Chí Kiên, Đức Xuân, Đội Kỳ, Nguyễn Thị Minh Khai, Hùng Vương, Thái Nguyên, Kon Tum, Hoàng Trường Minh, Nguyễn Văn Tố, Thanh Niên, Dương Mạc Hiếu, Nguyễn Văn Thoát...

Điều kiện tự nhiên và hạ tầng giao thông là cơ sở để thành phố Bắc Kạn phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và du lịch, dịch vụ. Thành phố có các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, chợ mua bán với nguồn hàng phong phú. Các ngành chế biến, xây dựng tập trung ở thành phố từ nhiều năm trước đã được phát triển trong những năm gần đây. Là trung tâm thương mại của tỉnh, thành phố Bắc Kạn phân phối, trung chuyển hàng hóa đến các huyện; đồng thời là trung tâm trao đổi hàng hóa từ các nơi trong tỉnh tập trung về, trong đó nhiều sản phẩm nông, lâm sản có thương hiệu nổi tiếng như: gạo bao thai Chợ Đồn, quýt, hồng không hạt, miến dong, bột nghệ,...

Nằm trong tiểu vùng du lịch miền núi Đông Bắc, thành phố Bắc Kạn có vị trí quan trọng trong phát triển du lịch chung của tỉnh và tiểu vùng. Thành phố có tiềm năng du lịch phong phú với một quần thể di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh đẹp, với các lễ hội văn hóa

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

cấp sắc của người Dao,... Những điểm du lịch và hoạt động văn hóa đang ngày càng thu hút nhiều khách du lịch trong nước và quốc tế. Thành phố phát triển nhiều khách sạn, nhà hàng và các cơ sở dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế và du lịch, tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ, du lịch. Với bao thăng trầm trong lịch sử, thành phố Bắc Kạn đang ngày một đông vui, sầm uất trên bước đường đổi mới cùng đất nước.

Nhìn lại các thời kỳ lịch sử, địa danh, địa giới vùng đất thành phố Bắc Kạn có nhiều thay đổi. Từ xa xưa, Bắc Kạn đã là một trong những cái nôi sinh sống của người Việt. Những dấu tích được khoa học khảo cổ khẳng định qua các lần khai quật ở Tổng Cổ (Chợ Mới), Bản Thi (Chợ Đồn), Nà Cù (Bạch Thông), Phiêng Chì (Chợ Rã),... đã cho thấy điều đó. Việc tìm thấy trống đồng ở Sáu Hai và trống đồng trên địa bàn thành phố chứng tỏ tỉnh Bắc Kạn nói chung, địa bàn thành phố Bắc Kạn nói riêng đã có lịch sử phát triển lâu đời.

Thời dựng nước, khi Nhà nước Văn Lang ra đời, các vua Hùng chia nước thành 15 bộ. Cùng với các địa phương khác của tỉnh, vùng đất thành phố Bắc Kạn nằm trong bộ Vũ Định. Dưới thời thuộc Đường, nơi đây là một phần đất của châu Võ Nga¹.

Thời phong kiến độc lập, các triều đại quân chủ từng bước xây dựng bộ máy Nhà nước, khẳng định chủ quyền lãnh thổ.

Cuối năm 1010, nhà Lý cho đổi 10 đạo thời Đinh - Tiền Lê làm 24 phủ - lộ; châu Hoan, châu Ái đặt làm trại; dưới phủ - lộ là huyện và hương. Tùy theo địa bàn miền núi hay miền xuôi mà tên gọi đơn vị hành chính khác nhau. Nhà Trần chia lại cả nước thành 12 lộ, miền núi đặt các trấn. Theo sử sách, vùng đất thành phố Bắc Kạn thuộc về “huyện Vĩnh Thông”², nằm trong trấn Thái Nguyên.

¹ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, 2000, tr.7

Thời thuộc Minh, nhà Minh đặt cả nước ta là quận Giao Chỉ. Bên dưới quận Giao Chỉ có các cấp phủ, châu, huyện. Vùng đất thành phố Bắc Kạn thuộc về châu Vĩnh Thông, phủ Thái Nguyên¹.

Đầu thời Lê sơ, cả nước được chia thành 5 đạo: Đông đạo, Tây đạo, Nam đạo, Bắc đạo và Hải Tây đạo. Vùng đất thành phố Bắc Kạn thuộc về Bắc đạo. Năm 1466, vua Lê Thánh Tông chia cả nước thành 12 đạo thừa tuyên, đổi trấn thành châu, đổi lộ thành phủ. Phần lớn địa bàn Bắc Kạn ngày nay nằm trong Thái Nguyên thừa tuyên, rồi Ninh Sóc thừa tuyên (1469). Thái Nguyên thừa tuyên có ba phủ: phủ Phú Bình, phủ Bắc Bình và phủ Thông Hóa. “Phủ Thông Hóa lãnh 1 huyện là Cẩm Hóa và 1 châu là Bạch Thông”². Vùng đất thành phố Bắc Kạn thuộc về châu Bạch Thông, phủ Thông Hóa.

Địa danh Bắc Kạn xuất hiện trong các văn bản lần đầu vào khoảng thế kỉ XVII. Theo Nhân dân địa phương, từ “Bắc Kạn” được gọi chệch từ chữ “Pác Cáp” (tiếng Tày), có nghĩa là nơi hợp lưu của các dòng chảy; hay “Pác Cạm”, có nghĩa là cửa ngõ, cánh cổng.

Vào buổi sơ khai, địa phận thành phố Bắc Kạn chỉ trong một phạm vi rất hẹp, lúc gọi là phố, lúc gọi là trại và chủ yếu tương ứng với trung tâm của thành phố bây giờ. Nhà cửa thưa thớt, dân cư rất ít. Đầu thế kỉ XIX, nhà Nguyễn (triều vua Minh Mệnh) đặt đơn vị hành chính cấp tỉnh. Năm 1831, xứ Thái Nguyên đổi gọi là tỉnh Thái Nguyên, gồm hai phủ: Phú Bình và Thông Hóa. Sau đó, chính quyền phong kiến nhà Nguyễn tách một số châu, huyện thuộc phủ Phú Bình, lập thêm phủ mới là Tông Hóa.

Phủ Thông Hóa có “Phủ hạt phía đông giáp huyện Vũ Nhai phủ Phú Bình và các châu huyện Văn Uyên, Thất Khê tỉnh Lạng Sơn, phía tây giáp

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2003), *Đông Khê địa dư chí*, Nxb. Thế giới, (soạn giả Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin), tr.818.

hai châu huyện Chiêm Hóa, Vĩnh Điện tỉnh Tuyên Quang, phía nam giáp các châu huyện Định Châu, Phú Lương phủ Tông Hóa và huyện Động Hỷ phủ Phú Bình, phía bắc giáp hai huyện Thạch An, Nguyên Bình tỉnh Cao Bằng”. Phủ Thông Hóa cai quản huyện Cẩm Hóa và châu Bạch Thông. Phủ lỵ đặt ở “đồn Bắc Kạn, châu Bạch Thông”¹. Như thế, vùng đất thành phố Bắc Kạn thuộc về châu Bạch Thông, phủ Thông Hóa và được nhắc đến là trung tâm hành chính nhà nước của phủ Thông Hóa.

Châu Bạch Thông “cách phủ 41 dặm về phía tây, đông tây cách nhau 271 dặm, nam bắc cách nhau 283 dặm; phía đông đến địa giới châu Vũ Nhai phủ Phú Bình 188 dặm, phía tây đến địa giới châu Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang 83 dặm, phía nam đến địa giới huyện Phú Lương và châu Định phủ Tông Hóa 100 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Vĩnh Điện tỉnh Tuyên Quang 103 dặm”².

“Đông Khánh địa dư chí” cho biết rằng châu Bạch Thông có 9 tổng: Nông Thượng, Nông Hạ, Côn Minh, Nhu Viễn, Quảng Khê, Đông Viên, Hà Vị, Thượng Giáo và Hạ Hiệu. Trong đó, tổng Nông Thượng có 6 xã: Nông Thượng, Dương Quang, Huyền Tụng, Xuất Hóa, Hòa Mục và Hòa Bình³. Xã Dương Quang thuộc tổng Nông Thượng là trung tâm chính trị - hành chính - “lỵ sở” của châu Bạch Thông⁴.

Sau khi chiếm các tỉnh Bắc Kỳ, thực dân Pháp dùng chính sách chia nhỏ các tỉnh, huyện, phủ cũ, thành lập thêm các tỉnh có phạm vi

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2003), *Đông Khánh địa dư chí*, Nxb. Thế giới, (soạn giả Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin), tr.814.

² Quốc sử quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr.161.

³ Tài liệu *Địa danh và tài liệu lưu trữ về làng xã Bắc Kỳ* của Vũ Thị Minh Hương, Philippe Papin, Nguyễn Văn Nguyên (Nxb. Văn hóa Thông tin, 1999) cũng ghi: Tổng Nông Thượng có 6 xã, nhưng trong đó không có xã Hòa Bình, mà thay vào đó là xã Đôn Phong.

nhỏ hơn để dễ bề cai trị và đàn áp các cuộc phản kháng của Nhân dân ta. Do đó, tỉnh Bắc Kạn cùng với một loạt các tỉnh mới khác trong cả nước đã ra đời.

Ngày 11/4/1900, ngay sau khi chiếm vùng đất Bắc Kạn, toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ra nghị định thành lập tỉnh Bắc Kạn, tách khỏi tỉnh Thái Nguyên. Lúc mới thành lập, tỉnh Bắc Kạn có các châu: Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa (sau gọi là Ngân Sơn), Cẩm Hóa (tức Na Rì). Năm 1916, thực dân Pháp cắt một phần đất phía tây châu Bạch Thông và phần đất phía nam châu Chợ Rã để lập ra châu Chợ Đồn. Vào thời gian đó, tỉnh Bắc Kạn có 5 châu, 20 tổng và 103 xã, bản, với số dân 36.000 người.

Ngày 22/01/1901, thị xã Bắc Kạn được thành lập, vừa là tỉnh lỵ của tỉnh Bắc Kạn, vừa là châu lỵ của châu Bạch Thông. Theo Quyết định số 70 ngày 22/01/1901 của Thống sứ Bắc Kỳ Augustin Julien Fourès, địa giới của thị xã Bắc Kạn được xác định như sau: “phía bắc: sông Cầu; phía đông: cánh đồng của làng Dương Quang và đường từ Bắc Kạn đi Chợ Mới; phía nam: một đường tưởng tượng bắt đầu từ đường Bắc Kạn đi Chợ Đồn chạy qua rừng đến đồn lính khố xanh; phía tây: đường từ Bắc Kạn đi Chợ Đồn”¹.

Thị xã trở thành trung tâm hành chính, kinh tế, quân sự, văn hóa của tỉnh Bắc Kạn. Các cơ quan đầu não của bộ máy chính quyền thực dân, phong kiến đều đóng ở đây.

Lúc mới thành lập, quy mô thị xã nhỏ hẹp, từ đầu phố đến cuối phố dài gần 1 km, chiều rộng khoảng 500 m với hơn 100 người sinh sống. Mấy năm sau, theo quy định của chính quyền thực dân, phong kiến, thị xã Bắc Kạn có ba phố chính: Định Bình (nay là khu vực Đức

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

Xuân), Hoài Ân (nay là khu vực Phùng Chí Kiên) và Tòng Hóa (nay là khu vực sông Cầu) với dân số khoảng 200 người, chủ yếu làm ruộng, nương và buôn bán nhỏ.

Năm 1932, khu vực địa lý và bộ máy hành chính tương đối hoàn chỉnh của tỉnh Bắc Kạn gồm có 5 châu, 500 xã, dân cư 53.000 người thuộc năm dân tộc: Tày, Dao, Kinh, Nùng, Hoa. Thị xã Bắc Kạn cũng được mở rộng và phát triển thêm một số phố mới.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhất là sau ngày giải phóng (1949), thị xã Bắc Kạn được mở rộng. Lúc này, thị xã gồm sáu phố và lấy tên các chiến sĩ cộng sản, các nhà yêu nước đã anh dũng hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc đặt tên cho các phố. Sáu phố là: Đội Kỳ, Đội Thân, Minh Khai, Chí Kiên, Đức Xuân, Nà Mày.

Ngày 21/4/1965, theo chủ trương của Đảng, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 103-NQ/TVQH “Phê chuẩn việc thành lập các tỉnh Bắc Thái, Nam Hà, Hà Tây và việc sáp nhập xã An Hòa thuộc huyện Thạch Thất tỉnh Sơn Tây (cũ) vào xã Tiên Xuân thuộc huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình”. Theo đó, hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên hợp nhất thành một đơn vị hành chính mới, lấy tên là tỉnh Bắc Thái. Đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh Bắc Thái gồm thành phố Thái Nguyên, thị xã Bắc Kạn và 12 huyện (Bạch Thông, Chợ Đồn, Chợ Rã, Na Rì, Ngân Sơn, Đại Từ, Định Hóa, Đông Hỷ, Phổ Yên, Phú Bình, Phú Lương, Võ Nhai).

Ngày 14/4/1967, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 50-CP “Về việc đặt thị xã Bắc Kạn thành thị trấn Bắc Kạn, trực thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái”. Thị xã Bắc Kạn trở thành thị trấn huyện lỵ của huyện Bạch Thông. Trong suốt thời kỳ cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, công cuộc kiến thiết thị trấn Bắc Kạn chưa được chú

Ngày 16/7/1990, đáp ứng nguyện vọng của Nhân dân và nhu cầu phát triển kinh tế xã hội miền núi phía bắc, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 262/HĐBT “Về việc thành lập thị xã Bắc Kạn thuộc tỉnh Bắc Thái”. Theo Quyết định này, thị trấn Bắc Kạn được giải thể để thành lập thị xã Bắc Kạn trực thuộc tỉnh Bắc Thái trên cơ sở các phố Nà Mày, Đội Thân, Đức Xuân, Đội Kỳ, Phùng Chí Kiên của thị trấn Bắc Kạn; các xóm bản Phiêng Luông, Tổng Tỏ, Khuổi Rờm, Nà Rào của xã Dương Quang; và Bản Áng của xã Huyền Tung thuộc huyện Bạch Thông. Thị xã gồm 3 đơn vị hành chính (Đức Xuân, Phùng Chí Kiên, Sông Cầu) với 1.307 ha diện tích tự nhiên và 9.468 nhân khẩu.

Ngày 06/11/1996, đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng của Nhân dân các dân tộc và yêu cầu sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX thông qua Nghị quyết “Về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh”, trong đó chia tỉnh Bắc Thái thành hai tỉnh là tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên. Ngày 01/01/1997, tỉnh Bắc Kạn chính thức được tái lập và đi vào hoạt động. Tỉnh Bắc Kạn có thị xã Bắc Kạn và 5 huyện (Ba Bể, Bạch Thông, Chợ Đồn, Na Rì, Ngân Sơn). Thị xã Bắc Kạn trở thành tỉnh lỵ của tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 31/5/1997, Chính phủ ra Nghị định số 56-CP “Về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bạch Thông và thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn”. Theo Nghị định, sáp nhập các xã Huyền Tung, Dương Quang, Nông Thượng, Xuất Hóa và thị trấn Minh Khai thuộc huyện Bạch Thông vào thị xã Bắc Kạn; thành lập phường Nguyễn Thị Minh Khai thuộc thị xã Bắc Kạn trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của thị trấn Minh Khai. Phường Nguyễn Thị Minh Khai có 110 ha diện tích tự nhiên và 2.100 nhân khẩu. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thị xã Bắc Kạn có 12.972 ha diện tích tự nhiên và 28.053 nhân

Từ sau khi tái lập tỉnh và thị xã Bắc Kạn trở thành tỉnh lỵ, thị xã Bắc Kạn đã tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, ngày càng khẳng định vị trí đầu tàu trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Từ một đô thị nhỏ bé, thị xã Bắc Kạn được mở rộng về quy mô và tăng về dân số. Đặc biệt, kết cấu hạ tầng đô thị được đầu tư nâng cấp, đường phố được mở rộng, nhiều công trình lớn, trọng điểm của tỉnh được xây dựng trên địa bàn đã tạo điểm nhấn, làm cho bộ mặt đô thị ngày càng khởi sắc, xứng đáng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh. Với những thành quả ấy, ngày 02/8/2012, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 713/QĐ-BXD công nhận thị xã Bắc Kạn là Đô thị loại III trực thuộc tỉnh Bắc Kạn. Đây là tiền đề quan trọng để thị xã Bắc Kạn hướng tới phát triển một đô thị văn minh, giàu mạnh, tương xứng với vị trí địa - chính trị, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh. Từ đây, cán bộ, đảng viên và Nhân dân thị xã nỗ lực phấn đấu đưa thị xã trở thành thành phố trực thuộc tỉnh.

Ghi nhận quá trình nỗ lực không ngừng của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc Bắc Kạn, ngày 11/3/2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 892/NQ-UBTVQH13 về việc thành lập các phường Xuất Hóa, Huyện Tụng thuộc thị xã Bắc Kạn và thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Địa giới phường Xuất Hóa được hình thành trên cơ sở toàn bộ 4.804,9 ha diện tích tự nhiên và 3.461 nhân khẩu của xã Xuất Hóa. Địa giới phường Huyện Tụng hình thành trên cơ sở toàn bộ 2.735,6 ha diện tích tự nhiên và 4.769 nhân khẩu của xã Huyện Tụng. Địa giới thành phố Bắc Kạn hình thành trên cơ sở toàn bộ 13.688 ha diện tích tự nhiên, 56.818 nhân khẩu và 8 đơn vị hành chính cấp xã, phường của thị xã Bắc Kạn¹.

¹ Ủy ban Thường vụ Quốc hội. *Nghị quyết số 892/NQ-UBTVQH13 ngày 11/3/2015 về*

Hiện nay, thành phố Bắc Kạn có 6 phường: Đức Xuân, Huyền Tung, Nguyễn Thị Minh Khai, Phùng Chí Kiên, Sông Cầu, Xuất Hóa và 2 xã Dương Quang, Nông Thượng với 117 thôn, tổ dân phố. Với vị trí là trung tâm chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa của tỉnh, thành phố Bắc Kạn được Trung ương và tỉnh Bắc Kạn quan tâm đầu tư. Cùng với sự cố gắng nỗ lực của Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc, sau hơn 20 năm tái lập tỉnh, thành phố Bắc Kạn đã có bước phát triển khá toàn diện. Chính trị ổn định, kinh tế phát triển, cơ sở hạ tầng đô thị được quy hoạch theo hướng hiện đại, văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng lên, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị chuyển biến tích cực.

Trong quá trình phát triển, dân cư vùng đất thành phố Bắc Kạn có nhiều biến đổi. Thời phong kiến, cư dân của vùng đất Bắc Kạn nói chung, cư dân vùng đất thành phố Bắc Kạn nói riêng rất thưa thớt. Lúc mới thành lập, thị xã có một cụm dân cư sống trong một dãy phố nhỏ. Đầu thế kỉ XX, dân số từng bước phát triển, một phần do sự gia tăng dân số địa phương, phần khác do thực dân Pháp đưa người các nơi khác đến khai thác hầm mỏ ở Bắc Kạn.

Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, có một số đợt di cư của Nhân dân các tỉnh đến vùng đất thành phố Bắc Kạn. Thực hiện chủ trương của Chính phủ trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Nhân dân nhiều tỉnh đồng bằng Bắc Bộ tản cư lên Bắc Kạn tránh giặc và tham gia kháng chiến. Năm 1965, trước thời điểm hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái, dân số tỉnh Bắc Kạn có 112.500 người, trong đó dân số thị xã chiếm khoảng 1/10.

Từ khi thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước, nhất là những năm cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI, vùng đất thành phố Bắc Kạn là địa bàn trung tâm của tỉnh thuận lợi cho việc giao thương buôn

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

nước có chủ trương đưa đồng bào miền xuôi lên miền núi xây dựng quê hương mới, dân cư trên địa bàn không ngừng tăng nhanh. Năm 1990, khi tái lập thị xã, thị xã Bắc Kạn có 9.468 nhân khẩu. Đến năm 2019, dân số toàn thành phố là 45.036 người. Mật độ dân số khoảng 329 người/km². Dân số đô thị là 38.510 người, chiếm 85,5%; dân số nông thôn là 6.526 người, chiếm 14,5%¹.

Cán bộ, đồng bào các dân tộc bản địa cùng cán bộ, đồng bào các địa phương khác đến sinh sống, lập nghiệp, hoạt động cách mạng ở vùng đất thành phố Bắc Kạn đã đoàn kết, gắn bó, yêu thương nhau như anh em một nhà, cả trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, giành chính quyền, cả trong chiến đấu bảo vệ và xây dựng quê hương. Đoàn kết rộng rãi và bền chặt là một truyền thống lâu đời, quý báu của Nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Trong cộng đồng cư dân địa phương, nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống. Xưa kia, “Người Thổ (Tày), người Nùng, người Mán ở xen nhau”². Ngày nay, cơ cấu cư dân thành phố Bắc Kạn gồm các dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, Hoa. Trong đó, người Tày và người Kinh chiếm đa số.

Theo số liệu thống kê năm 2018, trên địa bàn thành phố Bắc Kạn, dân tộc Tày có 22.492 người, chiếm 51,81% dân số thành phố. Người Tày phân bố hầu khắp các xã, phường trong thành phố. Dòng họ người Tày ở thành phố Bắc Kạn có nhiều nguồn gốc khác nhau. Phần lớn là các họ gốc Tày, một số ít là các họ gốc Nùng và Kinh, chiếm số đông là các họ: Nông, Hà, Ma, Hoàng. Không có dòng họ nào cư trú riêng biệt tại một địa bàn. Trong các phường xã, nhiều dòng họ người Tày cùng

¹ Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, *văn bản số 83/BCĐTW-VPhCĐTW về việc cung cấp số liệu dân số cấp huyện, cấp xã Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*.

cư trú, gắn bó, đoàn kết với nhau. Là nhóm cư dân chiếm số đông và có trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao tại địa phương, ngôn ngữ Tày cùng với tiếng phổ thông đóng vai trò quan trọng trong giao tiếp giữa các tộc người trên địa bàn thành phố.

Dân tộc Nùng ở thành phố Bắc Kạn có 1.526 người, chiếm 3,52% dân số thành phố, gồm nhiều ngành tộc. Các nhóm ngành Nùng vừa có nhiều nét tương đồng trong cuộc sống sinh hoạt và tập quán; vừa hình thành những đặc trưng riêng, làm cho văn hóa của người Nùng trên địa bàn thành phố thêm đa dạng, phong phú. Người Nùng ở thành phố Bắc Kạn sống hòa thuận, gắn bó với các dân tộc, chung tay xây dựng cuộc sống ấm no. Cùng chung ngữ hệ Tày - Thái nên văn hóa, phong tục tập quán của hai dân tộc Tày, Nùng có sự giao thoa, ảnh hưởng lẫn nhau.

Cũng như người Nùng, dân tộc Dao có nhiều ngành, tuy về cơ bản tiếng nói giống nhau, nhưng khác nhau từ tên gọi đến ăn mặc, tập quán, sinh hoạt. Các ngành dân tộc Dao gồm: Dao đỏ, Dao tiền, Dao quần chẹt, Dao quần trắng, Dao thanh y, Dao làn tẻ, Dao lô gang... Người Dao ở thành phố Bắc Kạn chủ yếu là người Dao đỏ, Dao tiền. Họ cư trú nhiều ở các xã Nông Thượng, Dương Quang, có những "thôn người Dao" như Tân Thành, Bản Bung. Một số cư trú ở Tân Cư (phường Xuất Hóa), Khuổi Pái (phường Huyền Tụng)...

Người Kinh có mặt trên đất Bắc Kạn vào thời Nam - Bắc triều và được bổ sung vào đầu thế kỉ XX khi thực dân Pháp tiến hành khai thác khoáng sản ở đây. Thập kỉ 30 của thế kỉ XX, trong tổng số 53.000 người dân Bắc Kạn chỉ có 3.900 người Kinh. Số người Kinh này cư trú chủ yếu ở thị xã. Từ sau Cách mạng tháng Tám, trước yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc và sự phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Kạn, số lượng người Kinh tăng lên nhanh chóng, làm phong phú thêm bức tranh đa dân tộc ở vùng đất thành phố Bắc Kạn và

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

Nằm ở trung tâm miền Đông Bắc và trung tâm tỉnh Bắc Kạn, nơi có điều kiện thuận lợi về tiếp xúc dân cư, giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc, đời sống xã hội của thành phố Bắc Kạn vừa có những nét tương đồng khu vực, vừa có những sắc thái riêng độc đáo. Là địa bàn sinh sống của nhiều dân tộc anh em, nên đặc điểm nổi bật về văn hóa của thành phố Bắc Kạn là sự hội tụ và đan xen. Từ phong tục thờ cúng đến tập quán sinh hoạt đều có sự ảnh hưởng, giao thoa giữa các dân tộc.

Trong quá trình đô thị hóa, cộng đồng các dân tộc thiểu số trên địa bàn vẫn lưu giữ được những nét văn hóa bản làng. Đó là những ngôi nhà sàn cổ xen lẫn hiện đại ở Nông Thượng, Xuất Hóa, Huyện Tụng; các sinh hoạt văn hóa truyền thống như hát Then của người Tày; lễ cấp sắc của người Dao... thường xuyên diễn ra trong các dịp lễ hội và Tết cổ truyền dân tộc.

Nhà sàn đã có từ lâu đời ở Bắc Kạn. Những người cao niên cũng không nhớ nhà sàn có từ bao giờ, chỉ biết lúc nhỏ đã thấy nhà sàn tồn tại và lớn lên thì biết lấy gỗ làm nhà. Trên địa bàn thành phố, nhà sàn còn nhiều ở các xã, phường: Nông Thượng, Xuất Hóa, Huyện Tụng. Nhà sàn truyền thống được làm tương đối cao, có kết cấu chắc chắn, gồm hai loại: loại 42 cột, 6 gian và 36 cột, 5 gian. Mỗi gian đều có chức năng riêng: Gian giữa dùng làm bàn thờ, để cầu nguyện ông bà tổ tiên phù hộ cho gia đình an lành, hạnh phúc. Các gian phụ được dùng để sinh hoạt, phơi thóc lúa, quần áo... Phần gầm phía dưới có chức năng tránh thú dữ, chăn nuôi, làm cho ngôi nhà cao ráo và thoáng mát. Ngày nay, nhà sàn trên địa bàn thành phố đã thay đổi về kết cấu và kiến trúc, đẹp hơn và phù hợp hơn, vừa thể hiện được tư duy của người xưa, lại cho thấy sự tiếp nối của thế hệ trẻ.

Cùng với nếp nhà sàn, then là sinh hoạt văn hóa tâm linh bao đời

mỹ thuật, múa, diễn xướng dân gian, có giá trị về lịch sử, văn hóa, xã hội. Đồng bào các dân tộc Tày, Nùng thành phố Bắc Kạn thường sử dụng then vào những dịp trọng đại như lễ hội, cầu đảo của gia đình, dòng họ vào dịp năm mới, sinh con đầu lòng, giải trừ tà ma và chữa bệnh. Về mặt nghi lễ, then chứa đựng trong mình những tín ngưỡng, tôn giáo nguyên thủy. Thông qua các nghi thức then văn, then tướng và nhiều hình thức khác, bà Then ông Bụt được coi là chiếc cầu nối giữa thế giới thần tiên và nhân gian, bày tỏ lòng thành kính, biết ơn tới các vị thần đã phù hộ, che chở cho gia đình, cộng đồng tránh khỏi những thiên tai, dịch bệnh, đem lại cuộc sống no đủ, hạnh phúc... Về mặt nghệ thuật dân gian, then được thể hiện sinh động bằng lời ca, tiếng nhạc, điệu múa hết sức phong phú và hấp dẫn. Trong xã hội hiện đại, then ở thành phố Bắc Kạn có nhiều biến đổi. Ngoài các làn điệu then cổ được trình diễn ở các buổi lễ tín ngưỡng với các nghi thức nhất định thì đã xuất hiện nhiều làn điệu cải biên phù hợp với sinh hoạt văn nghệ cộng đồng. Thành phố Bắc Kạn là một trong những nơi nghệ thuật trình diễn hát then được quan tâm bảo tồn và phát triển. Trong hầu hết các chương trình văn hóa, văn nghệ quần chúng ở địa phương, hát then là một trong những tiết mục không thể thiếu. Các nghệ nhân cao tuổi như nghệ nhân Lưu Đình Bạo ở xã Dương Quang am hiểu về đàn tính - hát then là những hạt nhân tham gia gìn giữ, truyền dạy then cho thế hệ trẻ thành phố.

Nếu như then là nét đặc trưng nổi bật trong văn hóa dân tộc Tày, thì lễ cấp sắc là giá trị văn hóa lâu đời của đồng bào người Dao Bắc Kạn. Theo tiếng địa phương, cấp sắc là nghi lễ “quá tãng” hay “quá tang”. “Quá” nghĩa là từng trải hoặc qua thử thách, “tang” là đèn hoặc vật dụng dùng để soi sáng. Bởi vậy, tên gọi “quá tang” có nghĩa là trải

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

trải qua lễ cấp sắc mới được cộng đồng công nhận đã trưởng thành, được tham gia các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng của dòng họ. Lễ cấp sắc là một nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng của người Dao ở thành phố Bắc Kạn nói riêng và của cộng đồng người Dao nói chung, thể hiện những khát khao, mơ ước của con người về một thế giới tươi đẹp, ấm no hạnh phúc. Hiện nay, trong cộng đồng người Dao ở các xã Dương Quang, Nông Thượng, lễ cấp sắc vẫn được bảo tồn và phát triển.

Cùng với các giá trị văn hóa phi vật thể, trên địa bàn thành phố Bắc Kạn còn có nhiều di tích và công trình văn hóa tiêu biểu được xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh.

Động Áng Toòng nằm ngay ta-luy dương tuyến Quốc lộ 3B qua đèo Áng Toòng, thuộc địa phận phường Xuất Hóa. Đây là hang động tự nhiên được phát hiện ngày 26/7/2011, có giá trị thẩm mỹ độc đáo. Hệ thống hang chia thành hai tầng. Tầng một chạy theo hướng bắc - nam, có chiều dài 120 m, chỗ hẹp, chỗ rộng, tạo thành ba động liên tiếp. Tầng hai chạy theo hướng đông - tây có chiều dài 350 m. Toàn tuyến hang là một hệ thống thạch nhũ đa dạng về màu sắc, phong phú về hình dáng; chỗ thì thạch nhũ có màu vàng nhạt tạo thành hình như dải lụa, như bãi nấm; chỗ thì thạch nhũ lại có màu vàng xen lẫn trắng được đùn ra từ các kẽ đá chảy lên láng khắp mặt động trông như dòng sông băng tinh khiết; trên trần, các thạch nhũ chảy xuống như những bông hoa thủy tinh rục rỡ. Cả không gian động Áng Toòng như một công trình nghệ thuật hoàn hảo, đẹp đến mê đắm lòng người. Ngày 12/11/2013, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định số 3993/QĐ-BVHTTDL xếp hạng di tích quốc gia đối với danh lam thắng cảnh động Áng Toòng.

Thác Nà Noọc (hay còn gọi là Thác Bạc) là thác nước tự nhiên,

khoảng 5 km, bắt nguồn từ hai dòng suối là Nặm Dắt và Nà Khu thuộc xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới. Toàn bộ hệ thống thác gồm 5 ngọn thác có độ cao 300 m so với mực nước biển. Vào mùa nước nhiều, thác trông xa như một chiếc khăn lụa trắng mềm mại mà nàng tiên nữ vì mãi mê với vẻ đẹp nhân gian đã bỏ quên. Khu vực thác Nà Noọc chủ yếu là rừng nguyên sinh với thảm thực vật, động vật phong phú, không chỉ có giá trị về nghiên cứu địa chất, địa mạo mà còn là một địa điểm du lịch sinh thái hấp dẫn, sơn thủy hữu tình, khí hậu trong lành, mát mẻ quanh năm. Năm 2010, thác Nà Noọc được công nhận là di tích danh thắng cấp tỉnh.

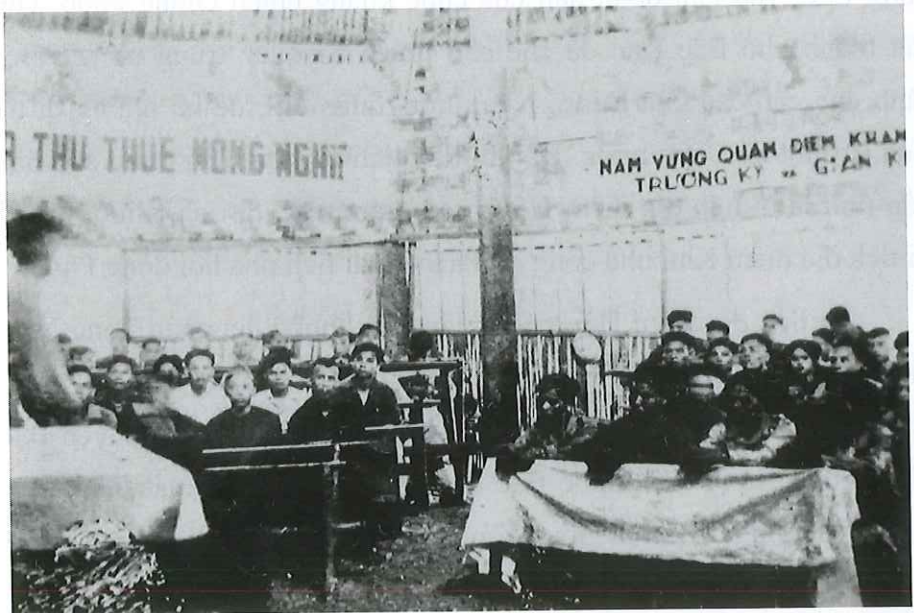
Cùng với di tích danh thắng động Áng Toòng và thác Nà Noọc, thành phố Bắc Kạn còn có nhiều di tích lịch sử. Nằm trong thung lũng sông Cầu, vào giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, vùng đất thành phố Bắc Kạn đã che chở nhiều cơ quan trung ương và các lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, quân đội, để lại những di tích lịch sử một thời cứu nước. Bốn di tích lịch sử tiêu biểu được xếp hạng cấp tỉnh là di tích địa điểm Hội trường tám mái, di tích Khuổi Cuồng, di tích địa điểm Khu nhà công sứ Pháp và di tích nhà hội đồng Pháp.

Di tích địa điểm Hội trường tám mái thuộc địa phận Tổng Nặng, phường Huyền Tung. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Tỉnh ủy Bắc Kạn đã sơ tán vào xóm Tổng Nặng, xã Huyền Tung, huyện Bạch Thông (nay thuộc thành phố Bắc Kạn) để hoạt động bí mật. Tỉnh ủy đã dựng một khu nhà gọi là Hội trường tám mái làm nơi bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện chính trị cho cán bộ, đảng viên. Tại hội trường này, liên tục diễn ra các cuộc hội họp trong phạm vi toàn tỉnh. Hội nghị diễn ra vào ngày 27/10/1951 vinh dự được đón Bác Hồ đến thăm và nói chuyện về chính sách thuế nông nghiệp, về công tác phục vụ kháng

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

làm được hai việc lớn là cố gắng sửa chữa cầu đường và sản xuất vụ mùa thắng lợi. Người căn dặn: “Từ Chủ tịch toàn quốc đến Chủ tịch huyện, xã cho đến cán bộ các cấp đều là đầy tớ cho Nhân dân, cho đồng bào chứ không phải làm quan. Nên bất kỳ việc lớn, việc nhỏ, cán bộ phải bàn bạc với đồng bào, lấy ý kiến chung mà làm, như thế mới là dân chủ”.

Những lời dặn ân cần của Bác đến ngày hôm nay vẫn luôn được các thế hệ cán bộ, đảng viên và Nhân dân thành phố Bắc Kạn khắc sâu ghi nhớ và làm theo. Hội trường tám mái trở thành điểm di tích lịch sử cấp tỉnh. Vị trí Hội trường tám mái nay nằm trong khuôn viên Trường Tiểu học Huyền Tung A, được thầy, cô giáo và học sinh của nhà trường gìn giữ.



Hội trường tám mái thôn Tổng Ngeng, xã Huyền Tung - nơi diễn ra Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ III, tháng 6/1951

Di tích Khuổi Cuồng thuộc thôn Khuổi Cuồng, xã Nông Thượng. Trong những năm 1950 - 1951, các cơ quan huyện Bạch Thông sơ tán về Khuổi Cuồng. Trên đường đi công tác, Bác Hồ đã dừng chân tại đây và hai lần tổ chức nói chuyện với cán bộ, Nhân dân Khuổi Cuồng. Năm tháng trôi qua, câu chuyện Bác về thăm cùng những ký ức lịch sử hào hùng vẫn lưu truyền như một niềm tự hào của các thế hệ người dân sinh sống trên mảnh đất này. Ngày đó về Khuổi Cuồng, trước mặt Bác là một hàng rào ngăn bằng dây sắn, Bác bảo các chú cảnh vệ nhỏ cọc bỏ dây rào đi để cho người dân vào gần với Bác. Trong khi nói chuyện, Bác kể về cuộc kháng chiến của Nhân dân ta chống lại thực dân Pháp. Bác nói: Bắc Kạn mới được giải phóng, đồng bào còn nghèo, do đó phải đoàn kết giúp nhau vỡ đất khai hoang, phục hóa, tăng gia sản xuất để “com đủ ăn, áo đủ mặc”, đóng góp cho kháng chiến. Cùng với việc “diệt giặc đói” thì “diệt giặc dốt” cần được chú trọng, bà con cần tích cực học chữ để biết đọc, biết viết, biết sách báo, từ đó biết chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước mà noi theo... Cuối cùng, Bác căn dặn cán bộ, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc Bắc Kạn xây dựng hậu phương vững mạnh, chi viện cho tiền tuyến để diệt giặc ngoại xâm.

Ngoài ra, di tích được xếp hạng cấp tỉnh trên địa bàn thành phố còn có Khu nhà công sứ Pháp và Nhà Hội đồng Pháp. Khu nhà công sứ Pháp (tổ 5, phường Phùng Chí Kiên) là địa điểm thực dân Pháp đặt trụ sở Công sứ để cai trị Nhân dân Bắc Kạn từ năm 1891 đến năm 1945. Nhà Hội đồng Pháp (tổ 10A, phường Đức Xuân) là nơi hội họp của bộ máy chính quyền thực dân Pháp và phong kiến tay sai tỉnh Bắc Kạn từ năm 1943 đến năm 1945.



*Nhà Hội đồng Pháp xây dựng và hoàn thành năm 1943
(nay thuộc phường Đức Xuân)*



Dấu tích khu vườn hoa của gia đình Chánh và Phó sứ nhìn từ hướng đông

Thành phố Bắc Kạn có một số đền chùa với kiến trúc nghệ thuật, cảnh quan thiên nhiên thu hút như đền Mẫu, đền Cô, đền Thác

thần. Đèn mở cửa quanh năm, đón người dân địa phương và du khách các nơi đến dâng lễ. Các ngày lễ lớn tại đền Cô gồm: lễ Thượng nguyên ngày 01/02 âm lịch; lễ Khánh hạ ngày 15/3 âm lịch; lễ Tán hạ ngày 01/7 âm lịch; và lễ Tất niên ngày 15/12 âm lịch. Đền Mẫu tọa lạc tại khu vực đồi thông, thuộc tổ 1, phường Phùng Chí Kiên. Đền được xây dựng năm 1831 và trùng tu năm 1990. Đền thờ Mẫu và các vị thần. Đền là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của Nhân dân địa phương và du khách thập phương.

Việc các di tích lịch sử và công trình văn hóa được xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh là cơ sở quan trọng để thành phố Bắc Kạn tiến hành tu bổ, tôn tạo, biến các di tích và công trình văn hóa của thành phố trở thành điểm đến hấp dẫn trong tuyến du lịch trải nghiệm, sinh thái, tâm linh của du khách gần xa.

Ngoài các di tích trên địa bàn thành phố, từ thành phố Bắc Kạn có thể dễ dàng đến các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, du lịch sinh thái trong và ngoài tỉnh. Hồ Ba Bể (huyện Ba Bể) là một trong 20 hồ nước ngọt đẹp nhất thế giới, di tích danh thắng đặc biệt cấp quốc gia. Các khu di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến như: di tích lịch sử Nà Tu (huyện Bạch Thông) - nơi Bác Hồ đến thăm và tặng Liên phân đội Thanh niên xung phong 312 bốn câu thơ sau này trở thành khẩu hiệu hành động của thanh niên Việt Nam “Không có việc gì khó/Chỉ sợ lòng không bền/Đào núi và lấp biển/Quyết chí ắt làm nên”; di tích đồn Phủ Thông (huyện Bạch Thông); các di tích lịch sử ATK (huyện Chợ Đồn); khu di tích lịch sử Pác Bó (Cao Bằng); khu ATK (Định Hóa, Thái Nguyên); khu di tích lịch sử cách mạng Tân Trào (Tuyên Quang),... Các công trình văn hóa tín ngưỡng như: đền Thắm, chùa Thạch Long (huyện Chợ Mới), đền An Mã, chùa Phố Cũ (huyện Ba Bể),...

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

Thành phố Bắc Kạn còn là miền đất của các lễ hội truyền thống. Hằng năm, vào tháng Giêng, thành phố tổ chức Hội Xuân. Phần lễ được tổ chức trang nghiêm cầu cho mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an, mùa màng tươi tốt, vạn vật sinh sôi nảy nở; cổ vũ, động viên Nhân dân, đặc biệt là những người trực tiếp tham gia lao động, sản xuất. Sau phần lễ, phần hội diễn ra sôi nổi với các trò chơi dân gian và các hoạt động thể thao như: tung còn, bóng chuyền hơi, thi giã bánh dày, cắm trại, cờ bỏi, chọi gà, bịt mắt đập niêu, kéo co, đi cà kheo, giao lưu văn nghệ và đốt lửa trại. Hội Xuân không chỉ là một sự kiện mang tính tín ngưỡng, mà còn là dịp để mọi người gặp gỡ, bàn chuyện làm ăn, trai gái giao duyên... Qua đó, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa tộc người, giáo dục thế hệ trẻ trân trọng những giá trị cha ông để lại, gắng sức xây dựng một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Là cư dân từ nhiều vùng miền tụ cư về trong những thời điểm khác nhau, nhưng Nhân dân các dân tộc trên địa bàn thành phố Bắc Kạn đều mang trong mình truyền thống cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất. Dưới bàn tay lao động của Nhân dân, những dải đồi bãi hoang sơ xưa kia dần dần trở thành những thửa ruộng, nương, bãi cấy trồng lương thực nuôi sống con người. Trong nền văn minh rực rỡ của dân tộc qua các thời đại, có phần đóng góp của đồng bào các dân tộc Bắc Kạn. Cộng đồng dân cư ở đây sống đoàn kết bên nhau, chung lưng đấu cật, chia sẻ ngọt bùi, cay đắng, gian lao để khai sơn, lập địa, xây thành lũy, làng bản, ruộng đồng. Truyền thống lao động cần cù, đoàn kết thủy chung là kết tinh từ những đức tính tốt đẹp của con người Bắc Kạn nói chung và con người thành phố Bắc Kạn nói riêng.

Cùng với truyền thống cần cù, sáng tạo trong lao động là truyền thống anh dũng bất khuất chống áp bức bóc lột và sự nô dịch của ngoại bang. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, Nhân dân các dân tộc thành phố Bắc Kạn luôn sát cánh cùng Nhân dân cả nước đánh

tự hào với truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ quê hương đất nước.

Thời cổ trung đại, trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược phương Bắc từ Tần, Hán, đến Tống, Nguyên, Minh, Thanh... các thế hệ người dân vùng đất thành phố Bắc Kạn luôn có mặt trong những đội quân chống xâm lược.

Thời Lý - Trần, trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược phương Bắc, từ cuộc kháng chiến chống nước Tống hùng mạnh đến đối đầu với đế chế Mông Cổ làm mưa làm gió từ Á sang Âu, các thế hệ người dân Bắc Kạn luôn có mặt trong những đội quân chống xâm lược, chiến đấu anh dũng bảo vệ quê hương.

Đầu thế kỉ XV, lợi dụng tình hình bất ổn của Đại Việt, nhà Minh đem quân sang xâm lược nước ta (1406). Nhà Hồ chống đỡ nhưng do không dựa vào sức dân nên đã thất bại. Nhân dân ta sống trong cảnh lầm than suốt 20 năm (1407 - 1427). Không cam chịu cuộc đời nô lệ, khắp nơi Nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. Năm 1410, ở miền núi rừng biên cương trong đó có Bắc Kạn, đội nghĩa binh “áo đỏ” đã hăng hái đứng lên chống giặc. Phong trào nhanh chóng phát triển, lan tới vùng Tây Bắc, tới cả các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An. Đến những năm 1419 - 1420, đồng bào các dân tộc Bắc Kạn hưởng ứng nghĩa quân Lê Ngã; hưởng về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn ở miền tây Thanh Hóa do Lê Lợi lãnh đạo. Từ thế kỉ XVI, triều Lê suy vi, các tập đoàn phong kiến Mạc, Trịnh giao tranh gay gắt trong một thời gian dài làm cho đồng bào các dân tộc vùng núi phía bắc vô cùng khốn đốn. Trong hoàn cảnh đó, đến thế kỉ XVIII, Nhân dân Bắc Kạn đã đặt niềm tin và hướng sự ủng hộ vào phong trào Tây Sơn; đóng góp sức người, tài vật cho cuộc kháng chiến chống quân Thanh, diệt thù trong, đuổi giặc ngoại, thống nhất giang sơn gấm vóc.

Đầu thế kỉ XIX, nhà Nguyễn đánh bại Tây Sơn, thiết lập chế độ phong kiến chuyên chế khắc nghiệt trên phạm vi cả nước. Bắc Kạn cùng Việt Bắc, Tây Bắc là địa bàn kiên cường của các cuộc khởi nghĩa nông dân chống phong kiến nhà Nguyễn, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa do Nông Văn Vân cầm đầu. Cuộc khởi nghĩa của Nông Văn Vân bùng nổ năm 1833 từ đất Bảo Lạc (Cao Bằng). Từ Bảo Lạc, quân khởi nghĩa tiến công chiếm đồn Ninh Biên. Thừa thắng, tiến đánh xuống Bắc Kạn, Thái Nguyên. Cả một dải Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn chấn động. Lợi dụng địa hình núi non hiểm trở, quân khởi nghĩa lúc ẩn lúc hiện, thường xuyên phục kích, gây nhiều tổn thất cho các đạo quân của triều đình vốn không quen thủy thổ. Cuối năm 1833, khi đội quân chủ lực của cuộc khởi nghĩa đang bận ở mặt trận thành Tuyên, thì Nông Văn Sĩ nhận lệnh của Nông Văn Vân, đem một đội quân khác đi đánh châu Bạch Thông, nhanh chóng chiếm cứ được Chợ Rã và Chợ Mới. Nhân dân ở đây theo vào nghĩa quân “đến hơn nghìn người”¹. Quyết tâm dập tắt cuộc khởi nghĩa, nhà Nguyễn đã huy động lực lượng và vũ khí tối đa, cử nhiều tướng giỏi trực tiếp thống lĩnh, ra sức đàn áp. Đầu năm 1835, cuộc khởi nghĩa về cơ bản chấm dứt. Trong 3 năm diễn ra cuộc khởi nghĩa, một bộ phận Nhân dân các dân tộc Bắc Kạn đã tham gia vào đội nghĩa quân, vùng đất thành phố Bắc Kạn và nhiều địa bàn của tỉnh Bắc Kạn ngày nay đã chứng kiến những sự kiện lớn liên quan đến cuộc khởi nghĩa của Nông Văn Vân.

Trong cuộc khủng hoảng ngày càng trầm trọng của chế độ phong kiến nhà Nguyễn, năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Năm 1870, lợi dụng thực dân Pháp chiếm đóng các tỉnh Nam Kỳ, phong kiến nhà Thanh (Trung Quốc) lấy cớ truy kích tàn quân phong trào nông dân “Thái Bình thiên quốc”, đã cho quân tràn qua biên giới

phía bắc nước ta, cướp bóc Nhân dân trong vùng. Để chống lại, dân binh các dân tộc vùng đất Bắc Kạn đã tự vũ trang đứng lên bảo vệ quê hương, làng bản.

Ngày 19/3/1884, Pháp chiếm thành Thái Nguyên. Từ đó, chúng đánh tóa ra các châu, huyện trong tỉnh. Bị Nhân dân kháng cự mạnh mẽ nên mấy năm sau Pháp mới chiếm được Bắc Kạn. Tuy vậy, thực dân Pháp vẫn nơm nớp lo sợ. Nhân dân các dân tộc Bắc Kạn liên tục hưởng ứng các cuộc khởi nghĩa, đứng lên đánh Pháp.

Ở Bắc Kạn, lực lượng nghĩa quân do Phùng Bá Chỉ (Ba Kỳ) chỉ huy đã giáng cho quân Pháp nhiều đòn đích đáng. Trong trận Chợ Mới (17/01/1889), sau khi gây kinh hoàng cho kẻ địch, tiêu diệt 100 lính và sĩ quan, nghĩa quân đã rút lui an toàn.

Năm 1897, khởi nghĩa của Mã Sinh Long (Mã Mang) nổ ra, lực lượng có đến 300 người. Nghĩa quân đã tổ chức đánh địch nhiều trận ở phía bắc Chợ Mới, trong huyện lỵ Phú Lương và phía nam Giang Tiên, đe dọa cả thị xã Thái Nguyên, gây cho Pháp nhiều thiệt hại. Trong đó, trận phục kích một đoàn vận tải của Pháp từ Thái Nguyên ngược sông Cầu lên Chợ Mới, thu nhiều vũ khí, hàng hóa.

Những năm đầu thế kỉ XX, để đẩy mạnh cuộc khai thác, bóc lột thuộc địa một cách hệ thống, quy mô lớn, tốc độ nhanh, thực dân Pháp tăng cường bộ máy kìm kẹp, áp bức Nhân dân. Trong cả nước, phong trào kháng Pháp nổi lên mạnh mẽ. Đồng bào các dân tộc vùng đất thành phố Bắc Kạn (ngày nay) cũng có những đóng góp tích cực.

Năm 1904, đồng bào Dao ở hai xã Tân Sơn và Cao Sơn (Bạch Thông) nổi dậy chống chính sách sưu thuế nặng nề của đế quốc, phong kiến. Năm 1914, ngay tại vùng đất thành phố Bắc Kạn, các tù nhân yêu nước cùng với binh lính khổ xanh có tinh thần dân tộc do Lý Thảo Long

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

tiêu diệt bộ máy thống trị của Pháp trong thị xã, nên nghĩa quân phải rút lui về vùng núi cao Na Rì. Đây là cuộc nổi dậy có tiếng vang, thúc giục lòng yêu nước, tinh thần quật khởi của Nhân dân trong vùng.

Ba năm sau, ngày 31/8/1917, tại thị xã Thái Nguyên, cuộc khởi nghĩa yêu nước của binh lính do Lương Ngọc Quyến và Trịnh Văn Cấn chỉ huy đã làm chủ thị xã Thái Nguyên 5 ngày đêm.

Trong phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX, điều đặc biệt mới mẻ ở Bắc Kạn, Thái Nguyên là đã có sự tham gia của công nhân. Trong số 600 quân khởi nghĩa ở Thái Nguyên thì có hơn một nửa là công nhân khai thác mỏ ở Thái Nguyên và Bắc Kạn. Trong những năm 1920 - 1925, với chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, Bắc Kạn trở thành một trong những nơi đứng đầu về khai thác mỏ ở Bắc Kỳ, nơi tập trung nhiều công nhân, đóng góp cho sự ra đời của giai cấp công nhân hiện đại Việt Nam. Việc có vùng mỏ và đội ngũ công nhân khai mỏ ở Bắc Kạn là điều kiện để nhiều người yêu nước tới đây hoạt động. Phạm Hồng Thái, trước khi ném tạc đạn mưu sát toàn quyền Đông Dương Martial Merlin ở Sa Diện (Quảng Châu) làm nên sự kiện bất tử, đã từng là công nhân khai thác mỏ ở Bắc Kạn, Thái Nguyên.

Cần cù lao động trong hòa bình; bất khuất, kiên cường trong đấu tranh chống kẻ thù là truyền thống của đồng bào các dân tộc tỉnh Bắc Kạn nói chung và thành phố Bắc Kạn nói riêng. Truyền thống yêu nước bất khuất của nông dân, công nhân, của đồng bào các dân tộc bản địa là điều kiện thuận lợi để tiếp thu tư tưởng cách mạng, tiến tới thành lập tổ chức cơ sở Đảng - hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở thành phố Bắc Kạn trong gần một thế kỉ qua.

Chương I

TIỀN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN, THÀNH LẬP CHI BỘ ĐẢNG Ở THỊ XÃ (1943 - 1946)

I. Ánh sáng cách mạng của Đảng đến Bắc Kạn

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930) và lãnh đạo phong trào cách mạng trong cả nước, ánh sáng đường lối cách mạng dân tộc dân chủ của Đảng dần dần chiếu rọi tới Bắc Kạn. Đảng ra đời là một sự kiện vĩ đại, mở ra bước ngoặt mới cho cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện xã hội thuộc địa nửa phong kiến ở Việt Nam, kế thừa và phát huy những tinh hoa, truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng đã xác định đúng đắn đường lối và phương pháp của cách mạng dân tộc dân chủ Nhân dân ở Việt Nam. Mục tiêu chiến lược của đường lối là đánh đuổi đế quốc xâm lược, đánh đổ phong kiến tay sai, làm cho nước nhà độc lập, Nhân dân được tự do, hạnh phúc để đi tới chủ nghĩa xã hội. Đảng xác định rõ nhiệm vụ tuyên truyền, vận động, tổ chức công nhân, nông dân, các dân tộc thiểu số đoàn kết, tranh thủ các giai cấp, tầng lớp Nhân dân khác có tinh thần dân tộc vào mặt trận chung chống đế quốc do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Đảng ra đời với đường lối đúng đắn đã đáp ứng yêu cầu lịch sử và nguyện vọng thiết tha của Nhân dân ta, nên ảnh hưởng của Đảng nhanh chóng lan tỏa. Ngay sau khi Đảng ra đời, một cao trào cách mạng rộng lớn nổ ra trong phạm vi cả nước. Đó là phong trào 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh. Đế quốc Pháp đàn áp, khủng bố tàn khốc, cách mạng bị tổn thất nặng nề. Nhưng Đảng ta vẫn tồn tại, một số cơ sở Đảng ở Cao

Theo chỉ thị của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, của Quốc tế Cộng sản, những người cộng sản Đông Dương phải tích cực vận động trong thanh niên các dân tộc thiểu số. Những năm 1932 - 1934, Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng (làm nhiệm vụ Ban Chấp hành Trung ương lâm thời) đã chủ trương và tích cực đào tạo cán bộ đưa về nước, trước tiên là gây dựng cơ sở trong đồng bào các dân tộc dọc biên giới Việt - Trung; sau đó bắt liên lạc với tổ chức Đảng trong nước. Các đồng chí Lê Hồng Phong, Hoàng Đình Giông, Hoàng Văn Thụ đã về Cao Bằng, Lạng Sơn trực tiếp làm nhiệm vụ. Phong trào cách mạng và tổ chức Đảng ở vùng này khá vững. Có nhiều cuộc đấu tranh của người Tày chống Pháp. Trong Đảng bộ Bắc Kỳ, vào thời kỳ khôi phục tổ chức (1932 - 1935), “số lượng đảng viên thuộc dân tộc thiểu số Tày tăng lên rất nhiều”¹. Do ảnh hưởng của phong trào chung, đặc biệt là phong trào trong vùng, đồng bào ở hai tổng Hà Vị, Nông Thượng và vùng đất thị xã Bắc Kạn do ông Nguyễn Bông (ở Xuất Hóa) và ông Hoàng Văn Chi (ở Cao Kỳ, Chợ Mới) chỉ huy đã tổ chức làm đơn tập thể kiến lên phủ Toàn quyền Đông Dương về việc thực dân và quan lại địa phương ức hiếp dân chúng².

Năm 1935, Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Ma Cao (Trung Quốc) xác định đường lối cho thời kỳ đấu tranh mới khi Đảng đã phục hồi. Đại hội kiểm điểm phong trào và nhận xét: Cao trào cách mạng đã lan khắp các vùng thượng du Bắc Kỳ; nhiều người hăng hái trong đồng bào dân tộc thiểu số đã tham gia các cơ quan lãnh đạo của Đảng. Đồng chí Hoàng Đình Giông, dân tộc Tày, dẫn đầu đoàn đại biểu Xứ bộ Bắc Kỳ dự Đại hội I, được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ngày 28/3/1935, Đại hội ra Nghị quyết

¹ Văn kiện Đảng 1930 - 1945, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản,

về công tác trong các dân tộc thiểu số. Nghị quyết viết: “Chắc chắn rằng ở các xứ và các miền dân tộc thiểu số đã có điều kiện khách quan sẵn sàng cho sự phát triển cách mạng vận động, Đảng Cộng sản cần tổ chức công nông thêm vào hàng ngũ tranh đấu để nâng cao điều kiện chủ quan và làm cho quá trình phát triển cách mạng ấy mau tới trình độ rộng thêm”¹.

Tháng 7/1935, trong đoàn đại biểu Đảng ta tham dự Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản họp ở Mát-xcơ-va có đồng chí Văn Tân (tức Hoàng Văn Nọn). Ngày 11/8/1935, đồng chí đọc tham luận có nói tới phong trào cách mạng các dân tộc thiểu số ở phía bắc nước ta đã lên mạnh. Trong điều kiện ấy, khi cao trào dân chủ (1936 - 1939) phát triển rộng trong cả nước, tuy bị chính quyền thực dân phong kiến kìm kẹp, bung bít, nhưng một số người dân ở thị xã Bắc Kạn đã nhận được tin tức phong trào cách mạng đòi dân sinh, dân chủ ở Thái Nguyên, Hà Nội².

Như vậy, trong khoảng thời gian gần 10 năm sau khi Đảng ra đời, ánh sáng cách mạng của Đảng đã đến thị xã Bắc Kạn. So với một số tỉnh miền núi phía bắc như Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên thì ảnh hưởng của Đảng đến Bắc Kạn còn yếu. Trong khi chi bộ Đảng đã được thành lập ở Cao Bằng, Lạng Sơn từ tháng 4/1930, ở Thái Nguyên từ năm 1936, thì ở Bắc Kạn đến đầu thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai vẫn chưa có cán bộ, đảng viên đến tuyên truyền cách mạng. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng nói trên. Nguyên nhân chính là Bắc Kạn có nhiều khó khăn cho việc tuyên truyền, vận động cách mạng. Vùng cao của Bắc Kạn núi rừng hiểm trở, dân cư thưa thớt, đi lại khó khăn. Còn thị xã và các huyện nằm dọc đường số 3 thì bị chính quyền

¹ Văn kiện Đảng 1930 - 1945. Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản.

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

đế quốc phong kiến kiểm soát chặt chẽ. Pháp lập nhiều đồn binh không chế Nhân dân. Ba ngọn đồi cao giữa thị xã Bắc Kạn đã trở thành ba vị trí kim kẹp của thực dân Pháp: đồi Giám binh, đồi Chánh sứ và đồi Bộ chánh. Lô-mê, chánh sứ đầu tiên của Bắc Kạn, sau đó là Bơ-luy và những chánh sứ khác rất giống nhau về âm mưu, thủ đoạn cai trị. Bộ máy của chúng chỉ còn một số ít “quan Tây” điều hành, còn chủ yếu chúng dựa vào tay sai ở các châu, tổng. Lực lượng này có hàng trăm tên làm việc cần mẫn cho đế quốc. Bộ máy kim kẹp của địch ở thị xã rất khắc nghiệt, gồm lý trưởng, phó lý, chánh hội,... Cán bộ cách mạng có thể bí mật qua lại Bắc Kạn, nhưng không thể bám trụ lại địa bàn. Công nhân khai mỏ thì bị đế quốc bóc lột thậm tệ và đàn áp, kim kẹp gắt gao. Trong thời gian khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933, ở Bắc Kạn, sau khi đã vơ vét hàng ngàn tấn quặng kẽm, chì, hàng trăm tấn quặng mangan, hàng tạ vàng, chúng đã đình chỉ sản xuất, đóng cửa các hầm mỏ. Trong địa phận Bắc Kạn, hơn 1.000 công nhân thất nghiệp, phân tán. Với chính sách ngu dân, từ năm 1901 đến năm 1945, cả tỉnh Bắc Kạn có 50 người được Pháp đào tạo làm quan cai trị ở Bắc Kạn, Lạng Sơn, Cao Bằng. Đa số người dân bị kim hãm trong vòng ngu muội. Năm 1932, tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên chỉ có 5 trường tiểu học không toàn cấp. Năm 1935, tỷ lệ mù chữ ở vùng cao, vùng dân tộc Bắc Kạn là gần 100%. Ở thị xã, tỷ lệ người mù chữ cũng không nhỏ. Tất cả những điều đó đã giải thích vì sao phong trào cách mạng ở Bắc Kạn phát triển chậm. Mãi về sau, trong cuộc vận động giải phóng dân tộc 1939 - 1945, phong trào cách mạng ở Bắc Kạn mới chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Đảng cả bề rộng và chiều sâu, tiến lên những hình thức đấu tranh cao.

II. Chuẩn bị lực lượng cách mạng

Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Nước Pháp tham chiến. Là thuộc địa của Pháp, Đông Dương chịu tác động rất lớn

xâm lược và tay sai trở nên vô cùng gay gắt. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đặt ra cấp thiết.

Tháng 11/1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp hội nghị chủ trương huy động mọi lực lượng vào cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Nghị quyết của Trung ương được phổ biến tới đảng viên và quần chúng, đem lại ánh sáng, niềm tin mới cho phong trào cách mạng. Vượt qua những thử thách gay go do đế quốc Pháp khủng bố dã man, Đảng củng cố vững chắc thêm hàng ngũ của mình. Phong trào quần chúng ở thành thị và nông thôn lên cao.

Tháng 6/1940, nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng. Tay sai phát xít Đức lên cầm quyền ở Pháp. Chính quyền Pháp ở Đông Dương phát xít hóa bộ máy cai trị. Tháng 9/1940, Pháp ký hiệp ước rước Nhật vào chiếm đóng Đông Dương. Nhân dân ta một cổ hai tròng, bị hai tên phát xít Pháp - Nhật giày xéo. Kiên quyết không chịu ách nô lệ, Nhân dân Bắc Sơn (Lạng Sơn) khởi nghĩa. Đồng bào Thái Nguyên, Bắc Kạn hưởng ứng. Trong khói lửa khởi nghĩa và chống khủng bố, Đội du kích Bắc Sơn (về sau đổi thành Cứu quốc quân) ra đời, làm nòng cốt cho căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai. Khởi nghĩa Bắc Sơn có tiếng vang lớn. Xứ ủy Bắc Kỳ cử cán bộ lên Bắc Sơn trực tiếp chỉ đạo phong trào. Hội nghị Trung ương tháng 11/1940 thảo luận và quyết định duy trì, phát triển ảnh hưởng của Đội du kích Bắc Sơn; ra thông cáo cho các địa phương noi gương Bắc Sơn đặt mình vào thời kỳ vũ trang khởi nghĩa.

Ngày 23/11/1940, khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ, làm rung chuyển chính quyền đế quốc tay sai ở Sài Gòn, Nam Bộ. Tiếp đó, tháng 01/1941, khởi nghĩa của binh lính Đô Lương (Nghệ An) diễn ra. Chỉ trong vòng ba tháng, ba cuộc khởi nghĩa nổ ra ở cả ba miền đất nước, báo hiệu cuộc khởi nghĩa toàn quốc sắp đến. Những tin tức khởi nghĩa đã tới với đồng bào Bắc Kạn

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

Phong trào cách mạng sôi nổi tạo ra cơ hội mới. Tháng 12/1940, được Trung ương giao nhiệm vụ, đồng chí Hoàng Văn Thụ cùng hai cán bộ Xứ ủy Bắc Kỳ đóng giả những người lái buôn lên miền ngược mua trâu, xuất phát từ Hà Nội đi xe qua Thái Nguyên, Bắc Kạn lên Cao Bằng, sang Quảng Tây tìm gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Năm được tình hình trong nước, ngày 28/01/1941 lãnh tụ Hồ Chí Minh về nước, chọn Pác Bó (Cao Bằng) xây dựng trung tâm căn cứ địa cách mạng. Trước đó, Người chỉ thị triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng. Tháng 5/1941, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Hồ Chí Minh chủ trì đã xác định dứt khoát mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc và vạch ra những chủ trương, chính sách sát hợp để thực hiện mục tiêu đó. Phương pháp để thực hiện mục tiêu là động viên toàn dân, đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) phát động chiến tranh du kích cục bộ, đi từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa. Nghị quyết Hội nghị có tác dụng quyết định sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng nước ta, trực tiếp thúc đẩy phong trào cách mạng các tỉnh Việt Bắc sôi nổi hơn. Dưới ánh sáng nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 5/1941, cùng với Cao Bằng, Lạng Sơn, hai tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên là những nơi đi đầu trong phong trào Việt Minh, tích cực xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa cách mạng, chuẩn bị khởi nghĩa.

Giữa năm 1941, địch tăng cường lực lượng vây ráp căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai. Quân Pháp từ Thái Nguyên kéo sang, từ Lạng Sơn kéo về chốt chặn các ngã đường, đốt nhà cướp của, lùng bắt cán bộ, phá cơ sở Đảng, lừa hàng nghìn dân vào các trại tập trung. Ở Bắc Kạn, trước đó, Pháp tăng cường lính khố đỏ, lính lê dương, tập trung kho tàng, nhiên liệu, đạn dược để ngăn quân Nhật từ Trung Quốc tràn sang. Chúng cho nhiều toán lính phục kích đón lõng cán bộ, du kích. Trong

đề lên vùng biên giới Việt - Trung. Ngày 21/8/1941, cánh quân do đồng chí Phùng Chí Kiên, Lương Văn Tri chỉ huy đến xã Bằng Đức thì bị địch phục kích. Đồng chí Phùng Chí Kiên đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, bắn chặn địch để đồng đội thoát khỏi vòng vây. Đồng chí bị thương và bị địch bắt, tra tấn dã man. Ngày 22/8, chúng đã chặt đầu đồng chí mang bêu tại đầu cầu Ngân Sơn. Đồng chí Lương Văn Tri tiếp tục chỉ huy đồng đội tiến lên Cao Bằng. Tuy nhiên, sau đó đồng chí Tri bị địch bắt và qua đời tại nhà tù Cao Bằng.

Nhằm chống địch khủng bố trắng, bộ phận Cứu quốc quân bám trụ ở lại thực hiện vũ trang công tác, phát động chiến tranh du kích, tiêu hao địch. Cuộc chiến đấu kéo dài 8 tháng (8/1941 - 3/1942) ảnh hưởng mạnh đến Bắc Kạn, thúc đẩy thành lập các hội cứu quốc của Mặt trận Việt Minh ở vùng này.

Để đẩy mạnh phong trào Việt Minh về xuôi, Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng được chỉ định do đồng chí Lã làm Bí thư. Các đồng chí Phạm Văn Đồng, Vũ Anh, Võ Nguyên Giáp được giao nhiệm vụ giúp đỡ Liên Tỉnh ủy. Theo chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Liên Tỉnh ủy mở nhiều lớp huấn luyện chính trị, quân sự cho hội viên cứu quốc.

Bước sang năm 1943, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến đổi. Chiến thắng của Hồng quân Liên Xô tạo nên cục diện mới của Chiến tranh thế giới thứ hai. Ở trong nước, tổ chức Đảng và Mặt trận Việt Minh đã bắt rễ vào quần chúng, tạo ra những xung lực mới cho phong trào cách mạng. Nhận thấy điều đó, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng tháng 02/1943 đã chủ trương đẩy mạnh phong trào thành thị, kết hợp chặt chẽ phong trào thành thị với phong trào nông thôn.

Phong trào cách mạng phát triển, ngoài liên lạc bằng giao thông

"Con đường quần chúng cách mạng" xuất phát từ căn cứ Cao Bằng, gọi là Nam tiến. Theo chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh và quyết định của Liên Tỉnh ủy, công tác Nam tiến được đặt ra khẩn trương hơn. Cùng với các hướng "Đông tiến", "Tây tiến", Ban xung phong "Nam tiến" do đồng chí Võ Nguyên Giáp, Lê Thiết Hùng phụ trách được giao nhiệm vụ mở đường quần chúng từ Nguyên Bình (Cao Bằng) qua Ngân Sơn, Chợ Rã (Bắc Kạn) để nối liền với Chợ Chu, Đại Từ (Thái Nguyên). Sau khi được trao nhiệm vụ, Ban xung phong Nam tiến về tổng Kim Mã (châu Nguyên Bình) xúc tiến công việc. Chi bộ Nam tiến được thành lập gồm các đồng chí Nông Văn Quang, Nông Văn Lạc, Lê Thiết Hùng và Võ Nguyên Giáp. Đồng chí Nông Văn Quang làm Bí thư.

Giữa lúc đó, Hội nghị Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng họp ở Lũng Hoài (Hòa An, Cao Bằng) có đại diện hai khu căn cứ Cao Bằng, Bắc Sơn - Võ Nhai tham dự. Hội nghị trao đổi kinh nghiệm chống địch khủng bố và xây dựng phong trào. Hội nghị thống nhất nhận định cần phải xây dựng cơ sở Nhân dân, xây dựng con đường quần chúng tốt để địch không thể tiêu diệt được lực lượng cách mạng.

Trước lời kêu gọi của Đảng, Mặt trận Việt Minh, một phong trào rầm rộ xung phong tham gia "Nam tiến", "Bắc tiến". Hàng trăm thanh niên nam nữ tình nguyện thoát ly gia đình vào các đội xung phong. Mười chín đội xung phong Nam tiến được tổ chức. Mỗi đội được phân công về một địa phương, hoạt động theo phương pháp vũ trang tuyên truyền.

Năm 1943 là năm có ý nghĩa lớn đối với phong trào cách mạng Bắc Kạn. Cuối mùa hè năm 1943, các đội xung phong Nam tiến đã vào đến phía bắc tỉnh Bắc Kạn, theo hai hướng: Một hướng đi theo đường núi cao vào vùng đồng bào Dao, Mông; một hướng đi theo các thung lũng vùng thấp vào vùng đồng bào Tày, Nùng. Từ hai hướng đó, con

viên cứu quốc tiến sâu vào Bắc Kạn. Tháng 9/1943, đội Nam tiến đến Ngân Sơn, tổ chức cuộc mít tinh tại Khuổi Vài (xã Thượng Ân). Từ Ngân Sơn tiến về Phủ Thông, phía bắc thị xã Bắc Kạn, qua cánh đồng Hà Vị, qua dãy núi Phja Bjoóc, qua Chợ Đồn đến xã Nghĩa Tá. Núi Phja Bjoóc được đồng chí Văn (Võ Nguyên Giáp) đặt tên mới: núi Cứu Quốc. Trên dọc đường Nam tiến, đồng bào các dân tộc ở Bắc Kạn đón tiếp cán bộ cách mạng như những người ruột thịt đi xa lâu ngày trở về.

Cùng với các đội xung phong Nam tiến, đội “Bắc tiến” do đồng chí Chu Văn Tấn chỉ huy cử một tổ tiến lên củng cố phong trào quần chúng ở Na Rì, sau đó gây dựng cơ sở ở Bạch Thông; một tổ khác đi về Định Hóa rồi phát triển lên Chợ Đồn. Cuối năm 1943, đội Nam tiến do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy đã gặp đội Bắc tiến của đồng chí Chu Văn Tấn. Con đường liên lạc, con đường quần chúng giữa hai khu căn cứ cách mạng được nối liền. Để ghi nhớ sự kiện này, hai đồng chí nhất trí đổi tên xã Nghĩa Tá (Chợ Đồn), nơi gặp gỡ của hai đội Nam tiến và Bắc tiến, là xã Thắng Lợi. Tại đây, đồng chí Võ Nguyên Giáp viết cuốn *Kinh nghiệm Việt Minh tại Việt Bắc* phổ biến kịp thời tại Bắc Kạn. Phong trào cách mạng ở Bắc Kạn đã tương đối đều khắp. Một số chức dịch có cảm tình với Việt Minh. Chánh quản Triệu Du Nhuận ở xã Lương Yên, tổng Nghĩa Tá là người Dao tiên tìm cách liên hệ với cán bộ cách mạng và cử người đến vùng Dao châu Bắc Sơn để tìm hiểu tình hình phong trào cách mạng¹. Ngày 22/9/1943, Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của Bắc Kạn được thành lập ở thôn Bản Duôm, xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn mang tên Chi bộ Chí Kiên, gồm các đồng chí: Dương Mạc Hiếu, Đồng Văn Bằng, Doanh Thăng Hỷ (tức Doanh Hằng) do đồng chí Dương Mạc Hiếu làm Bí thư².

Cuối năm 1943 đầu năm 1944, Pháp và tay sai điên cuồng khủng bố phong trào đấu tranh của Nhân dân Bắc Kạn. Chúng lùng bắt và giết hại dã man cán bộ cách mạng. Nhiều tấm gương cán bộ, đảng viên hy sinh anh dũng. Tiêu biểu là gương hy sinh của đồng chí Đức Xuân. Đồng chí Đức Xuân quê ở Cao Bằng, là một trong những đảng viên cộng sản đầu tiên hoạt động ở Bắc Kạn, được giao nhiệm vụ làm đội trưởng Đội tuyên truyền xung phong Nam tiến, tổ chức phong trào tại tổng Hà Vị, gần Phủ Thông. Do hoạt động của đội, phong trào ở đó lên cao, tập hợp được một số đồng chí trung kiên và dự định tổ chức mít tinh, mời cán bộ cấp trên về nói chuyện cho đồng bào. Chưa kịp thực hiện kế hoạch, đồng chí Đức Xuân bị địch phục kích bắn chết. Kẻ địch dã man chặt đầu đồng chí Đức Xuân đem về treo tại chợ thị xã để khủng bố tinh thần Nhân dân trong tỉnh. Người dân thị xã đã bí mật đưa thi hài đồng chí Đức Xuân về mai táng. Đồng bào, đồng chí rất thương xót, vì đồng chí Đức Xuân “là một đảng viên rất tích cực, vận động quần chúng giỏi, có tài sáng tác những bài ca và hát lượn cách mạng, vui tính, được anh em quý mến”¹.

Sau đó, địch tiếp tục bắt thêm một số đồng chí đem về thị xã giam cầm, bắn giết, như các đồng chí Bàn Văn Hoan, Phan Văn Long, Bàn Văn Hồng,... Đây đều là những cán bộ xuất sắc của cách mạng. Đồng chí Bàn Văn Hoan là người Dao Tiên đầu tiên vào Đảng. Đồng chí là Phó Chủ nhiệm Việt Minh khu Quang Trung. Gia đình đồng chí là cơ sở cách mạng trung kiên ở Hà Hiệu (Chợ Rã). Ngày 14/02/1944, địch bắt được đồng chí, đưa về thị xã Bắc Kạn giam cầm, tra tấn dã man. Đồng chí quyết không khai một lời, cuối cùng đã bị địch bắn chết. Trước ngày bị bắn, người vợ lên thăm, đồng chí nói với vợ: “Có lẽ nó sắp bắn tôi, nhưng ở nhà đừng lo, cách mạng thế nào cũng thành công.

Ở nhà phải trung thành với đoàn thể cách mạng, giúp đỡ anh em cán bộ hoạt động”¹. Các đồng chí Đồng Văn Bằng (Chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh), Mỹ Thanh, Hồng Giang là cán bộ xung phong Nam tiến đã bị địch sát hại.

Do địch khủng bố, nhiều quãng đường Nam tiến bị đứt, nhiều cơ sở cách mạng bị phá. Trong đợt khủng bố này, Bắc Kạn có 9 cán bộ hy sinh, gần 200 người bị tù đày, hàng nghìn quần chúng bị cướp bóc và bị dồn vào các trại tập trung². Tuy vậy, phong trào vẫn được giữ vững, đồng bào vẫn một lòng một dạ đi theo cách mạng. Công sứ Bắc Kạn phải thú nhận: Không thể xóa được hành động tuyên truyền của Việt Minh trong tỉnh.

Mùa hè năm 1944, khí thế cách mạng sôi sục. Các tỉnh Việt Bắc đã bước vào thời kỳ tích cực sắm sửa vũ khí đuổi thù chung. Ở Bắc Kạn, một số cán bộ được đi dự lớp bồi dưỡng chính trị ở Nguyên Bình, Cao Bằng. Công tác chống khủng bố có kết quả. Cơ sở cứu quốc tiếp tục phát triển. Để phát triển chiến tranh du kích, căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai được mở rộng, gọi là chiến khu Hoàng Hoa Thám. Chiến khu Hoàng Hoa Thám được chia ra làm hai phân khu: Phân khu A (Quang Trung) và Phân khu B (Nguyễn Huệ). Trong Phân khu B (một vùng khá rộng tiếp giáp giữa ba tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang) có vùng đất phía nam Chợ Đồn, Chợ Mới và một phần thị xã Bắc Kạn. Đây là một thuận lợi cho phong trào cách mạng ở thị xã Bắc Kạn. Nhận thấy phong trào cách mạng đã có bước phát triển mới, Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng chủ trương phát động “chiến tranh du kích” trong liên tỉnh. Ở Thái Nguyên, khởi nghĩa Võ Nhai đã nổ ra. Ở Cao Bằng, tổ chức Đảng và quần chúng đang rục rịch khởi nghĩa. Xét thấy tình hình

¹ Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

chưa đủ điều kiện, lãnh tụ Hồ Chí Minh chỉ thị hoãn thực hiện chủ trương của Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng. Người chỉ ra phương thức thích hợp: Kết hợp chính trị với quân sự, nhưng hiện tại, chính trị quan trọng hơn quân sự. Tổ chức Đảng và Nhân dân Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn đã chấp hành nghiêm chỉ thị này.

Thực hiện chủ trương sáng suốt của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Đảng bộ và Nhân dân Bắc Kạn, đồng bào vùng cao cũng như đồng bào ở thị xã vừa tích cực chống khủng bố, vừa xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang (tự vệ thường và tự vệ chiến đấu), kết hợp hai hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, đưa phong trào tiến lên.

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối. Cách mạng Đông Dương có những điều kiện mới, tạo cơ hội cho dân tộc ta giải phóng. Tháng 02/1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh đi Côn Minh (Trung Quốc) để nắm thêm thái độ Đồng minh. Đầu tháng 3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng chuẩn bị họp để đánh giá thời cuộc.

Đêm ngày 09/3/1945, như dự đoán của Đảng ta, Nhật đảo chính Pháp. Cũng đêm đó, ngay trước lúc Nhật nổ súng, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng. Hội nghị có những nhận định đúng đắn về thời cuộc và đưa ra những chủ trương, biện pháp sáng suốt, táo bạo. Ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương ra chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*". Nhận được chỉ thị của Trung ương Đảng, Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng quyết định huy động lực lượng khởi nghĩa ở những nơi đủ điều kiện. Phong trào khởi nghĩa từng phần đã diễn ra ở các tỉnh Việt Bắc.

Trong tỉnh Bắc Kạn, khi Nhật đảo chính, quân Pháp có khoảng 5 trung đội do quan năm Pháp chỉ huy. Mặc dù quân Nhật chưa đến Bắc Kạn, nhưng quân Pháp đã hoảng sợ bỏ chạy khỏi thị xã. Các quan chức

quyền địch ở thị xã hoang mang, tan rã. Ta có chủ trương đề nghị quân Pháp cùng Việt Minh đánh Nhật với điều kiện phải tôn trọng chủ quyền của ta; binh lính họ không được quấy nhiễu Nhân dân; ta sẽ để cho Nhân dân bán lương thực, thực phẩm cho chúng. Do bản chất thực dân, lại rất sợ Nhật, nên quân Pháp không nhận lời mà hốt hoảng bỏ chạy sang Trung Quốc. Một số binh lính người Việt nộp súng cho ta và xin được về quê sinh sống.

Từ cuối tháng 3/1945, một số châu trong tỉnh Bắc Kạn được giải phóng. Ngày 21/3/1945, lực lượng vũ trang cách mạng và Nhân dân tổ chức mít tinh chiếm châu lỵ Ngân Sơn, quân địch ở đây nộp vũ khí. Ngày 23/3/1945, một lực lượng Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân tiến vào giải phóng châu lỵ Chợ Rã. Ngày 28/3/1945, ta giải phóng châu lỵ Na Rì. Ngày 29/3/1945, quân cách mạng tiến vào châu lỵ Chợ Đồn, làm chủ châu lỵ. Toàn bộ châu Chợ Đồn được giải phóng. Phong trào cách mạng Bạch Thông phát triển cả ở phía bắc và phía nam, góp phần tích cực và trực tiếp nhất cho công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa ở thị xã.

Ở những nơi đã khởi nghĩa thắng lợi, các Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời được thành lập. Trên cơ sở đó, đầu tháng 4/1945, Hội nghị cán bộ Việt Minh Bắc Kạn họp tại Ngân Sơn, cử ra Ban cán sự Việt Minh tỉnh gồm các đồng chí Nông Văn Lạc, Doanh Hằng và Dương Mạc Thạch.

Sau khi cho 500 quân từ Cao Bằng tiến xuống chiếm thị xã Bắc Kạn (17/3/1945), phát xít Nhật lập chính quyền tay sai, ráo riết hoạt động để mở rộng phạm vi chiếm đóng. Một mặt, chúng dùng chính sách mị dân, tuyển mộ tay sai, mở cửa nhà giam, thả những người bị Pháp bắt, chiêu tập những kẻ ôm chân Nhật lập các tổ chức thân Nhật như “Đại Việt quốc gia liên minh”, “Thanh niên Đại Việt”, “Bảo an đoàn”. Mặt khác, từ thị xã và các cứ điểm khác, Nhật điên cuồng xua quân đi chiếm vùng

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

Sơn,... đã bị quân Nhật chiếm vào giữa tháng 4/1945. Dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự (Tỉnh ủy lâm thời), Ban Việt Minh tỉnh, Ban lãnh đạo Phân khu B, cuộc chiến đấu của Nhân dân, tự vệ Bắc Kạn chống Nhật, bảo vệ vùng giải phóng diễn ra ác liệt ở châu lỵ Chợ Rã (13/4/1945). Tại km 13 trên đường Bắc Kạn - Chợ Đồn, ta đã diệt tại chỗ 8 tên. Quân Nhật buộc phải rút lui về thị xã. Quân dân Bắc Kạn còn đánh Nhật ở vùng Chợ Mới (Bạch Thông).

Sau khi có Nghị quyết của Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ về đẩy mạnh chiến tranh du kích, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Giải phóng quân, mở rộng các chiến khu chống Nhật, phong trào kháng Nhật cứu nước đã phát triển mạnh ở Bắc Kạn. Trong tháng 4/1945, ta tiêu diệt một đơn vị quân địch tại Ngân Sơn. Hội nghị cán bộ Tỉnh ủy lâm thời Bắc Kạn tổ chức tại Thuần Mang, Ngân Sơn thảo luận và quán triệt chủ trương đẩy mạnh chiến tranh du kích và củng cố các đoàn thể quần chúng trong Mặt trận Việt Minh; Chỉ thị của Tổng bộ Việt Minh về thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng và Ủy ban Nhân dân cách mạng. Trong những vùng giải phóng bị quân Nhật tấn công, phong trào “vườn không, nhà trống”, bao vây kinh tế không để cho kẻ địch vơ vét đã được thực hiện triệt để. Ở thị xã, Nhân dân được vận động không bán lương thực, thực phẩm cho quân Nhật. Trong tháng 4/1945, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy lâm thời, Ban Việt Minh tỉnh, quân giải phóng đã nổ súng vào thị xã phá cuộc mít tinh do Nhật và tay sai tổ chức. Theo lệnh của đồng chí chỉ huy Giải phóng quân, một chiến sĩ quân giải phóng mang mìn vào thị xã phá cầu. Do quân Nhật canh gác cẩn mật, nên kế hoạch phá cầu không thực hiện được. Các đồng chí cho mìn nổ ở bãi cát bờ sông uy hiếp địch để một số cán bộ vào thị xã nắm tình hình, chấp nối cơ sở. Bằng tán phát truyền đơn, tài liệu và trực tiếp tuyên truyền vận động các tầng lớp Nhân dân, cả những nhà tư sản buôn bán, chánh án, lý

chuyển các nhu yếu phẩm ra ngoài thị xã cung cấp cho bộ đội, cán bộ. Trên cơ sở các hội quần chúng cứu quốc được xây dựng, các đội tự vệ đã được phát triển trong thị xã. Chính quyền Nhật và tay sai ở thị xã bị Việt Minh cảnh cáo, uy hiếp.

Tháng 5/1945, trên đường từ Cao Bằng về Tân Trào (Tuyên Quang), lãnh tụ Hồ Chí Minh đã dừng chân ở Ngân Sơn, Chợ Rã, Chợ Đồn. Người nhắc nhở cán bộ, Nhân dân Bắc Kạn xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng các cấp ở vùng mới giải phóng, xây dựng lực lượng vũ trang, đảm bảo giao thông liên lạc, đoàn kết đồng bào dân tộc, nỗ lực tăng gia sản xuất, học văn hóa, tích cực sinh hoạt đoàn thể. Cuối tháng 5/1945, Tỉnh ủy lâm thời tổ chức hội nghị tại xã Thượng Quán, Ngân Sơn bàn biện pháp thực hiện những điều nhắc nhở của Người. Trong Hội nghị đó, Tỉnh ủy lâm thời quyết định phát triển cơ sở, lực lượng chính trị, củng cố và tăng cường các đơn vị vũ trang đã thành lập; xúc tiến xây dựng thêm một đơn vị mới; đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Nhật, đưa lực lượng vũ trang áp sát các vị trí do Nhật chiếm giữ; tăng cường công tác thông tin, liên lạc, sẵn sàng đưa lực lượng vũ trang tới giải phóng thị xã; đồng thời chủ động phục kích, tập kích các vị trí nhỏ chưa có công sự kiên cố. Trong khi đẩy mạnh chiến tranh du kích chống Nhật, hết sức đề phòng phản động Pháp quay trở lại Bắc Kạn.

Trung tuần tháng 5/1945, 1.000 quân Nhật và bảo an từ thị xã Bắc Kạn lên và từ Cao Bằng xuống tiến công vùng giải phóng phía đông và đông bắc tỉnh, vây càn vùng hồ Ba Bể, vùng Chợ Đồn, âm mưu phá chính quyền cách mạng, các đoàn thể và lực lượng vũ trang của ta. Lâm vào cảnh vườn không, nhà trống, lại bị phục kích chặn đánh quyết liệt, chúng phải tháo lui. Quân dân Bạch Thông phục kích địch ở Cao Kỳ, Phủ Thông và tập kích vị trí địch ở Nà Hoan, Chợ Mới. Quân Nhật bị tấn công, bao vây, không có lương thực, buộc phải rút quân về hang ổ ở

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

xây dựng Khu giải phóng Việt Bắc theo chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Đến đầu tháng 6/1945, sau khi thành lập Khu giải phóng Việt Bắc, ở Bắc Kạn, trừ thị xã và một số châu ly, còn đại bộ phận vùng nông thôn đã lập chính quyền cách mạng.

Với dã tâm quyết phá Khu giải phóng, ngày 21/6/1945, quân Nhật được huy động từ thị xã và các vị trí đóng quân khác tràn quét vào Chợ Rã lần thứ 4, chiếm châu ly. Phối hợp chiến đấu với quân và dân Chợ Rã, quân giải phóng và tự vệ Bạch Thông tổ chức tập kích quân Nhật tại các đồn Lanh Chang, Lục Bình và thị trấn Phủ Thông, cách thị xã 15 km. Ngày 02/7/1945, bộ chỉ huy Nhật ở thị xã vội vã cho 100 lính tràn vào Chợ Đồn, âm mưu phá chính quyền ta. Rơi vào trận địa phục kích của quân giải phóng tại xã Dương Phong, quân Nhật thiệt hại phải bỏ cuộc tràn, tháo chạy trở lại thị xã. Trong tháng 7, quân dân Bạch Thông tiến đánh địch ở Nà Đình, Quang Thuận, truy kích địch bỏ chạy về hang ổ. Bị tiến công dồn dập, đầu tháng 8/1945, quân Nhật bỏ các vị trí đóng quân lẻ tẻ, co về giữ thị xã Bắc Kạn và thị trấn Phủ Thông. Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy lâm thời, các lực lượng vũ trang cách mạng đã áp sát thị xã và các cứ điểm địch, tích cực chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng khởi nghĩa giải phóng thị xã. Trong thị xã, đồng bào phấn khởi, tin tưởng vào thắng lợi của Việt Minh. Ở phố Đội Kỳ, một số gia đình quyên góp tiền mua lợn, muối, quần áo ủng hộ giải phóng quân. Tự vệ cứu quốc được chuẩn bị gậy gộc, giáo mác hoạt động tích cực. Nhật và tay sai không dám đi lại nghênh ngang. Tinh thần quân Nhật và tay sai ở thị xã Bắc Kạn lúc này chẳng khác nào lửa đang cháy trên đầu, nước đang sôi dưới chân. Những điều kiện cần thiết cho cuộc nổi dậy giải phóng quê hương, giành chính quyền về tay Nhân dân ở thị xã đã chín muồi.

III. Khởi nghĩa giành chính quyền

Đầu tháng 8/1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai

đội Liên Xô đã triển khai một lực lượng hùng mạnh để tiêu diệt quân Nhật ở vùng đông bắc Trung Quốc. Mĩ đã vạch sẵn kế hoạch ném bom nguyên tử tàn phá nước Nhật.

Cao trào kháng Nhật của Nhân dân ta đã lan đều khắp ba miền. Không khí cách mạng sôi sục. Quân giải phóng phấn khởi, sẵn sàng chờ lệnh tiêu diệt quân thù. Hội nghị toàn quốc của Đảng, Đại hội quốc dân đã được triệu tập.

Sau khi Mĩ ném hai quả bom nguyên tử xuống thành phố Hiroshima và thành phố Nagasaki giết hại hàng chục vạn người dân Nhật, đặc biệt do thảm bại của quân Quan Đông Mãn Châu, ngày 10/8/1945, Nhật Hoàng cùng nội các Nhật họp khẩn cấp chấp nhận đầu hàng Đồng minh. Quân Nhật ở Đông Dương nghe tin ấy rất hoang mang. Đây là cơ hội tốt, cách mạng Việt Nam phải kịp thời chớp lấy.

Ngày 13/8/1945, tại Tân Trào, Hội nghị toàn quốc của Đảng khai mạc. Hội nghị nhận định các điều kiện khách quan, chủ quan đã chín muồi để khởi nghĩa nổ ra và thắng lợi; cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới. Đảng phải kịp thời nắm thời cơ phát động và lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng minh kéo vào. Hội nghị quyết định lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh đứng đầu. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra mệnh lệnh kêu gọi toàn quốc tổng khởi nghĩa. Chủ trương của Đảng được Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) nhất trí tán thành. Lãnh tụ Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy, đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Mệnh lệnh Tổng khởi nghĩa của Đảng, Hiệu triệu của Đại hội quốc dân, Lời kêu gọi của lãnh tụ Hồ Chí Minh phát ra đúng lúc đã thôi thúc Quân giải phóng Việt Nam và đồng bào toàn quốc vượt qua muôn trùng trở lực, kiên quyết

Ban lãnh đạo Khu giải phóng Việt Bắc hạ lệnh cho quân dân trong toàn khu nổi dậy.

Tại Bắc Kạn, quân Nhật hoang mang, muốn điều đình với ta để rút lui, tránh bị tiêu diệt. Đối với ta, điều kiện tiêu diệt địch, giải phóng thị xã đã có. Các lực lượng vũ trang cách mạng đã áp sát các cứ điểm địch. Một đơn vị Giải phóng quân hoạt động mạnh ở cửa ngõ phía bắc và đông bắc thị xã. Phong trào Nhân dân tại các địa bàn có Giải phóng quân hoạt động cũng lên mạnh. Một số cơ sở tại nội thị được xây dựng tích cực ủng hộ cách mạng. Quân Nhật ở Bắc Kạn hoang mang cực độ. Song với nghệ thuật phát huy ưu thế lực lượng cách mạng, nắm vững thời cơ và để tránh một cuộc đổ máu không cần thiết, Ban Chỉ huy đơn vị Quân giải phóng bao vây địch ở thị xã đồng ý gặp bộ chỉ huy quân Nhật đang chiếm đóng thị xã Bắc Kạn.

Sáng 19/8/1945, đại diện Quân giải phóng và đại diện quân Nhật gặp nhau tại sân bay thị xã. Phía ta có đồng chí Thu Sơn và đồng chí Hải Phong. Ta nói rõ chủ trương, chính sách của Việt Minh là sẽ không đánh vào quân Nhật đã bại trận nếu quân Nhật không can thiệp vào công việc của cách mạng Việt Nam và yêu cầu quân Nhật nộp vũ khí. Cuộc trao đổi diễn ra trong khoảng 30 phút. Hai bên đã thỏa thuận tiếp tục đàm phán những vấn đề cụ thể. Cuộc đàm phán tiếp theo tiến hành trong thị xã Bắc Kạn ngay buổi chiều hôm đó. Phía địch có viên chỉ huy Nhật, Đốc-tờ Cung, tỉnh trưởng Đinh Văn Trân, chánh án Đinh Ngọc Phụng. Phía ta có đồng chí Thu Sơn và Hải Phong. Ta yêu cầu quân Nhật rút khỏi thị xã, trao chính quyền cùng các cơ quan, kho tàng cho Việt Minh. Ngày vào tiếp quản thị xã do Việt Minh quy định là hai ngày sau. Trong thời gian chờ đợi, quân Nhật sẽ tập trung về trại giam binh, không được vũ trang đi lại trong thị xã, vũ khí phải cất vào kho. Quân Nhật chấp thuận. Ta đồng ý cho Nhân dân bán lương thực, thực phẩm,

Ra khỏi thị xã, đồng chí Thu Sơn viết thông tri gửi đi các nơi trong tỉnh yêu cầu đưa lực lượng tiến về thị xã theo thời gian quy định. Trong thời gian đó, nhận rõ thời cơ thuận lợi, các lực lượng cách mạng trong phạm vi toàn tỉnh cũng nhanh chóng xóc tới. Ở Chợ Rã, vừa được tin quân Nhật đầu hàng, các đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời, Tỉnh bộ Việt Minh và chỉ huy giải phóng quân của tỉnh quyết định tập hợp lực lượng vũ trang của tỉnh thành lập một đơn vị do đồng chí Nông Văn Lạc chỉ huy cấp tốc tiến về thị xã. Đơn vị chia 2 ngả tiến xuống giải phóng Phủ Thông, bổ sung thêm lực lượng cấp tốc tiến về thị xã Bắc Kạn. Đến cầu Nà Cù, quân ta chạm trán với quân Nhật. Quân Nhật hoang mang không dám chống cự, nhưng tỏ ra chần chừ. Trước thái độ cứng rắn và dứt khoát của chỉ huy Quân giải phóng tỉnh, chúng phải cho người đưa bộ đội vào thị xã ngay trong đêm.

Được tin Quân giải phóng về, Nhân dân thị xã rất phấn khởi. Nhiều đồng bào đã đón cán bộ, chiến sĩ phân đội Quân giải phóng đầu tiên vào thị xã như đón những người ruột thịt lập nhiều chiến công thắng trận trở về.

Theo thỏa thuận ngày 19/8, sáng ngày 20/8/1945, đại diện Việt Minh tỉnh và chỉ huy Quân giải phóng gặp chỉ huy quân Nhật chiếm đóng Bắc Kạn. Ta yêu cầu quân Nhật nộp vũ khí, kho tàng, cơ quan và rút quân. Quân giải phóng sẽ vào thị xã. Đại diện quân Nhật chấp nhận những điều kiện đã thỏa thuận. Chính quyền Nhật và tay sai giao cho quân cách mạng toàn bộ các công sở, kho tàng, 210.000 đồng tiền Đông Dương, 1.800 khẩu súng, 500 kết đạn, 1 hòm mìn,... Tại trung tâm thị xã, Quân giải phóng đã tổ chức một cuộc mít tinh quần chúng. Thay mặt lực lượng cách mạng, đồng chí Thu Sơn tuyên bố:

- Việt Minh vào thị xã giành chính quyền từ tay Nhật và từ tay tỉnh trưởng Đinh Văn Trân, giao chính quyền cách mạng về tay Nhân dân.

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

- Hủy bỏ chế độ cũ, thiết lập chính quyền dân chủ Nhân dân, giao quyền quản lý Nhà nước cho Nhân dân.

- Các nhân viên của chế độ cũ vẫn tiếp tục làm việc bình thường để chờ cán bộ Việt Minh vào bàn giao công việc.

- Binh lính Nhật và người Việt cộng tác với Nhật giao nộp vũ khí và tập trung về doanh trại theo quy định, không đi lại lộn xộn.

Sau cuộc mít tinh, lực lượng cách mạng được phân công chiếm giữ các vị trí then chốt, các công sở để chuẩn bị nhận bàn giao chính quyền.

Ngày 21/8/1945, các cánh Quân giải phóng và quần chúng từ ba hướng tiếp tục tiến vào thị xã, cùng đồng bào và lực lượng tự vệ thị xã tiếp quản các công sở, dinh thự, kho tàng. Đồng bào nội thị, ngoại thị đổ ra đường vui mừng chào đón thắng lợi của cách mạng. Quân Nhật tập trung tại một chỗ chuẩn bị rút về Hà Nội, nhưng tráo trở lấy cờ đầu hàng Đồng minh, không đầu hàng Việt Minh nên không giao súng tốt cho ta.

Sáng ngày 22/8/1945, tại trại bảo an binh, tất cả các ngục quân nghe đại diện Việt Minh giải thích chủ trương, chính sách của cách mạng. Đại diện Việt Minh tuyên bố giải tán hệ thống công cụ tay sai đàn áp của phát xít Nhật. Nhiều thanh niên con em Nhân dân lao động đi lính cho Nhật, được cách mạng khoan hồng, trở về địa phương làm ăn sinh sống đều cảm động và biết ơn cách mạng. Buổi chiều, các công chức trong bộ máy chính quyền bù nhìn cấp tỉnh của Nhật được tập trung về dinh chánh sứ cũ, nghe đại diện Việt Minh giải thích chủ trương, chính sách của cách mạng và nghe tuyên bố xóa bỏ chính quyền do Nhật dựng lên.

Ngày 23/8/1945, đoàn xe nhà binh chở 400 quân Nhật chính thức rút khỏi thị xã Bắc Kạn để về Hà Nội. Lo sợ bị đánh úp dọc đường, quân Nhật yêu cầu ta cho cấm cờ Việt Minh trên mỗi xe và có cán bộ

tải đoàn quân Nhật về Thái Nguyên, Hà Nội. Lần đầu tiên, sau gần 100 năm, Bắc Kạn sạch bóng quân xâm lược. Cách mạng toàn thắng. Tỉnh bộ Việt Minh tuyên bố giải tán toàn bộ nguy quyền, nguy quân ở cấp tỉnh, thị xã, châu ly, thiết lập chính quyền cách mạng Nhân dân.

Cũng trong ngày 23/8/1945, Tỉnh ủy lâm thời triệu tập Hội nghị cán bộ tại Phủ Thông (Bạch Thông), có hơn 30 đại biểu đại diện Tỉnh ủy lâm thời, Tỉnh bộ Việt Minh, chỉ huy Quân giải phóng và đại diện các châu tham dự. Hội nghị đã bầu Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh, Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời huyện Bạch Thông, Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời thị xã và cử số người tham gia chính quyền các cấp. Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh gồm 9 người do đồng chí Nông Văn Lạc làm Chủ tịch. Sau đó, Tỉnh ủy lâm thời phân công đồng chí Nông Văn Lạc làm Chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh; đồng chí Dương Mạc Thạch làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Bắc Kạn. Hội nghị quyết định kiện toàn Tỉnh ủy; tổ chức những cuộc mít tinh, tuần hành để biểu dương lực lượng, chào mừng và ủng hộ Chính phủ lâm thời nước Việt Nam độc lập.

Ngày 25/8/1945, một cuộc mít tinh có tới hàng ngàn người, gồm đồng bào các dân tộc thị xã, huyện, châu ly do chính quyền cách mạng tổ chức tại thị xã Bắc Kạn. Đại diện Tỉnh bộ Việt Minh tuyên bố chính thức xóa bỏ toàn bộ chính quyền địch ở Bắc Kạn, thành lập chính quyền cách mạng tỉnh, giới thiệu thành phần Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh, Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời thị xã. Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời thị xã do đồng chí Nguyễn Quang Hiến là Chủ tịch (về sau, đồng chí Nguyễn Trọng Trường làm Chủ tịch thay đồng chí Hiến).

Khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8/1945 ở tỉnh Bắc Kạn nói chung và ở thị xã Bắc Kạn nói riêng đã hoàn toàn thắng lợi. Khởi nghĩa diễn ra nhanh chóng, đánh dấu sự trưởng thành và thắng lợi to lớn

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

Minh và đồng bào các dân tộc Bắc Kạn. Thắng lợi đó đã chấm dứt ách thống trị của đế quốc, phong kiến, mở ra một thời kỳ mới - thời kỳ đồng bào các dân tộc Bắc Kạn ở thị xã, châu, huyện làm chủ vận mệnh của mình. Thắng lợi đó góp phần vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc: Đánh đuổi đế quốc, đánh đổ phong kiến tay sai, giành độc lập cho dân tộc, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước công nông đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á.

Thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở thị xã chúng ta đồng bào các dân tộc thị xã Bắc Kạn đã phát huy cao độ tinh thần yêu nước nồng nàn, truyền thống đoàn kết, tự lực tự cường, sáng tạo; tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của Đảng, của dân tộc.

Khởi nghĩa giành chính quyền ở thị xã Bắc Kạn góp nhiều bài học vào kho tàng kinh nghiệm đấu tranh giành độc lập dân tộc, giành chính quyền cách mạng của Đảng và Nhân dân ta. Để có thắng lợi nhanh gọn, không đổ máu, đồng bào, đồng chí ở thị xã ghi nhớ và biết ơn sâu sắc sự hy sinh anh dũng của các đồng chí Phùng Chí Kiên, Đức Xuân, Bàn Văn Hoan và nhiều đồng chí, đồng bào khác đã ngã xuống trước đó.

Ngày 02/9/1945, tại Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập*. Tuy xa xôi, đồng bào Bắc Kạn vẫn hướng về Thủ đô Hà Nội. Trong buổi lễ khai sinh nước Việt Nam độc lập, đứng trong đoàn quân giải phóng trước khán đài, có những người con của quê hương Bắc Kạn, của thị xã Bắc Kạn sung sướng trào nước mắt trong niềm vui lớn đời đời của toàn dân tộc Việt Nam.

IV. Thành lập chi bộ Đảng

Sau Cách mạng tháng Tám, đồng bào các dân tộc từ thị xã đến các bản làng heo hút náo nức phấn khởi trong cuộc sống mới: Độc lập, tự do. Đồng bào tích cực hưởng ứng chủ trương của Đảng. Chính phủ.

Nhưng cuộc sống yên bình chưa được bao lâu, thì nguy cơ chiến tranh lại đe dọa đất nước ta.

Cuối năm 1945, quân Pháp trở lại gây hấn ở Nam Bộ; 20 vạn quân Tưởng kéo vào miền Bắc nước ta. Những phần tử phản động trong nước ra mặt chống đối. Yêu cầu giữ vững độc lập dân tộc, bảo vệ chính quyền cách mạng, tổ chức Nhân dân xây dựng cuộc sống mới là nhiệm vụ chính trong tình hình đó.

Ở Bắc Kạn, để tăng thêm uy lực cho chính quyền cách mạng và trấn áp kịp thời sự chống đối của các phần tử phản động, Ủy ban hành chính tỉnh cho mở tại thị xã các phiên tòa cách mạng xét xử những tên tay sai làm mật thám cho Pháp, cho Nhật. Một số tên gây ra nhiều tội ác, có nợ máu với cách mạng, với Nhân dân, như Cai Ba, Lương Ôn,... phải chịu hình phạt cao nhất. Chính quyền cách mạng thị xã còn có biện pháp giáo dục, cải tạo những phần tử trong tổ chức “Thanh niên Đại Việt” hoạt động phá hoại trong thời gian Nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền.

Để thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới do Trung ương Đảng và Chính phủ đề ra, nhiệm vụ cấp bách trước mắt đặt ra cho tỉnh Bắc Kạn là củng cố, giữ vững chính quyền cách mạng, chống giặc đói, chống giặc dốt và chống giặc ngoại xâm. Trong “Tuần lễ vàng”, đồng bào đã đóng góp hàng chục lạng vàng ủng hộ quỹ độc lập.

Cùng với đó, tỉnh tiến hành củng cố Ủy ban hành chính các cấp, củng cố cơ quan Tỉnh ủy, Tỉnh bộ Việt Minh, phát triển đảng viên, xây dựng thêm các chi bộ cơ sở. Trong đó, đặc biệt chú trọng xây dựng chính quyền, chi bộ Đảng ở thị xã.

Trong và sau Cách mạng tháng Tám, số lượng đảng viên của Bắc Kạn rất ít. Cả tỉnh chỉ có 8 đồng chí đảng viên. Tỉnh ủy lâm thời có 3 người, do đồng chí Nông Văn Quang làm Bí thư. Các cơ quan của tỉnh

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

viên, trong đó có đồng chí Nguyễn Thế Dĩnh. Các đồng chí này sinh hoạt chung với chi bộ của Tỉnh bộ Việt Minh (gọi là chi bộ công sở tỉnh). Sau đó, hai đồng chí sinh hoạt chung với chi bộ công sở của huyện Bạch Thông, do đồng chí Hoàng Mỹ Đức làm Bí thư. Đây được coi là chi bộ ghép đầu tiên giữa huyện Bạch Thông và thị xã Bắc Kạn. Khoảng tháng 12/1946, trước ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ, *Chi bộ Đảng thị xã Bắc Kạn - huyện Bạch Thông* có thêm một số đảng viên, gồm các đồng chí Nguyễn Quang Hiền, Nguyễn Thế Dĩnh, Nguyễn Đăng Bảy, Trần Văn Thăng. Bí thư của chi bộ là đồng chí Nguyễn Quang Hiền. Chi bộ có nhiệm vụ lãnh đạo các đoàn thể ở thị xã xây dựng cuộc sống mới, bảo vệ các cơ quan của tỉnh, của Trung ương đóng trên địa bàn thị xã Bắc Kạn. Sau khi thành lập, chi bộ được một số đồng chí cán bộ của Trung ương như Xuân Thủy, Trần Huy Liệu, Trần Lâm,... hướng dẫn mở các lớp huấn luyện cán bộ, đảng viên, mở các lớp bồi dưỡng về Đảng.

Tuy số lượng đảng viên không nhiều, nhưng sự kiện thành lập Chi bộ Đảng ở thị xã Bắc Kạn đánh dấu bước tiến mới trong sự trưởng thành của cán bộ, đảng viên thị xã. Từ đây, phong trào cách mạng của Nhân dân thị xã Bắc Kạn vừa có sự lãnh đạo chung của Trung ương, Chính phủ, Tỉnh ủy, chính quyền tỉnh, vừa có sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng. Cùng với lực lượng của toàn dân, Chi bộ Đảng thị xã Bắc Kạn là một nhân tố quyết định đảm bảo thắng lợi cho việc tổ chức mọi lực lượng xây dựng và chiến đấu bảo vệ thị xã trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta.

Chương II

TÍCH CỰC THAM GIA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1946 - 1954)

I. Xây dựng thị xã Bắc Kạn thành Thủ đô kháng chiến

Sau Cách mạng tháng Tám không lâu, biết rõ âm mưu của thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, Trung ương Đảng và Bác Hồ đã cử cán bộ lên Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng nắm tình hình, chuẩn bị mọi mặt để xây dựng Chiến khu Việt Bắc thành hậu cứ quan trọng nhất cho cuộc kháng chiến lâu dài. Tỉnh Bắc Kạn được coi là một trong những địa phương đảm bảo an toàn cho các cơ quan Đảng, Chính phủ và xây dựng các kho tàng dự trữ gạo, muối, vũ khí,... để phòng khi chiến tranh nổ ra.

Trước những hành động gây chiến ngày một trắng trợn của quân Pháp như đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, gây áp lực ở Hà Nội, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động cả nước kháng chiến. Đêm 19/12/1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Sáng 20/12/1946, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh truyền khắp cả nước: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!”. Ngày 22/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị toàn dân kháng chiến.

Thực hiện chỉ thị của Đảng, đáp lời kêu gọi của Bác Hồ, quân, dân cả nước đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp. Quân dân Hà Nội đã anh dũng kim chân quân địch để Trung ương Đảng và Chính

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

phía tây nam Thủ đô Hà Nội, các cơ quan Đảng, Chính phủ, các đoàn thể, Mặt trận di chuyển lên Chiến khu Việt Bắc. Sau hơn một năm xây dựng cuộc sống tự do độc lập, Bắc Kạn cùng với các tỉnh Việt Bắc trở thành căn cứ địa của cả nước, đón các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ và lãnh tụ Hồ Chí Minh từ miền xuôi lên tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến. Mùa xuân năm 1947, Bác Hồ, Trung ương Đảng và Chính phủ lên Việt Bắc.

Vào thời điểm này, Chi bộ Đảng ở thị xã Bắc Kạn được củng cố và phát triển thêm đảng viên. Đồng chí Hồng Kỳ ở Cao Bằng xuống tăng cường và tỉnh đưa về đồng chí Nông Quốc Chân. Trong thời gian mấy tháng sau khi thành lập, các đảng viên chi bộ đã trực tiếp tuyên truyền giáo dục, bồi dưỡng cho một số quần chúng ưu tú trong số giáo viên, viên chức, tiểu thương có tinh thần yêu nước, tích cực tham gia công cuộc kháng chiến để kết nạp vào Đảng. Đó là các đồng chí: Nguyễn Văn Sắc, Đặng Văn Thủy, Trương Phúc Sáng, Vũ Trọng Thực và Trương Văn Cầu. Một số đảng viên được phân công làm công tác thông tin tuyên truyền, phụ trách công tác quân sự, dân quân tự vệ địa phương.

Cuối tháng 5/1947, Chi bộ thị xã có gần 10 đảng viên, do đồng chí Phạm Văn Giáp làm Bí thư. Tính đến ngày 07/10/1947, trước khi quân Pháp tiến công lên Việt Bắc, Chi bộ thị xã Bắc Kạn có 11 đảng viên (trong đó có 2 đảng viên được Tỉnh ủy điều về) do đồng chí Nguyễn Quang Hiền làm Bí thư Chi bộ¹.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy, Chi bộ đã hướng dẫn, động viên đồng bào trong thị xã tạo điều kiện giúp đỡ đồng bào tản cư và các cơ quan nhà nước di chuyển lên Bắc Kạn. Cuộc

¹ Đảng bộ quân sự thị xã Bắc Kạn (2014). *Thị xã Bắc Kạn Lịch sử kháng chiến chống*

di chuyển này rất gian khổ. Hàng vạn tấn máy móc, nguyên liệu, gạo, muối từ các tỉnh đồng bằng, từ Thủ đô Hà Nội qua các ngã đường lên Việt Bắc. Gạo, muối từ Nam Định theo đường sông Đáy, sông Hồng lên Tuyên Quang rồi sang Thái Nguyên, Bắc Kạn. Máy móc, thiết bị từ Ninh Bình lên Việt Bắc theo trục đường dài xuyên qua Hòa Bình, Phú Thọ, Tuyên Quang; từ Hà Nội lên Thái Nguyên, Bắc Kạn. Bằng những phương tiện vận chuyển thô sơ, đồng bào các dân tộc miền núi, trong đó có đồng bào thị xã Bắc Kạn đã đưa hàng vạn tấn máy móc, gạo, muối,... đến nhiều địa điểm, kho tàng ở Chiến khu Việt Bắc. Thị xã Bắc Kạn là nơi nhiều cán bộ của Trung ương Đảng, Chính phủ, trong đó có đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng, thường xuyên qua lại trao đổi bàn bạc với Tỉnh ủy trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến. Các cơ quan như: báo *Toàn dân kháng chiến*, báo *Cứu quốc*, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Phát thanh, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và các cơ quan ngoại thương đã lên Bắc Kạn, từng bước ổn định chỗ làm việc cho cán bộ, nhân viên. Các cơ quan Trung ương đóng trong nhà dân, được Nhân dân giúp đỡ lương thực, thực phẩm.

Cán bộ, đảng viên và đồng bào thị xã Bắc Kạn đã đón tiếp nhiều đồng bào ở vùng xuôi tản cư lên. Thực hiện chỉ thị của Bác Hồ “phải giúp đỡ, tạo điều kiện cho đồng bào tản cư được ổn định”, Chi bộ Đảng thị xã và các đoàn thể đã hướng dẫn, thu xếp bố trí cho đồng bào nơi ăn, chốn ở. Cán bộ, viên chức, nhà giáo, nhà buôn, đồng bào tập trung về thị xã Bắc Kạn ngày càng đông đúc. Đời sống mọi mặt của Nhân dân sôi động, trật tự, an ninh xã hội vẫn được giữ vững. Các hoạt động tuyên truyền văn hóa, văn nghệ kháng chiến được đẩy mạnh, phát triển sôi nổi. Đồng bào địa phương và đồng bào tản cư đã đoàn kết cùng nhau tăng gia sản xuất, tự cung, tự cấp lương thực, các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu. Chính sách giảm tô 25% đã được thực hiện tại thị xã,

Chi bộ chú trọng vận động đồng bào nêu cao cảnh giác, đẩy mạnh chuẩn bị về mọi mặt. Chiếc áo của Bác Hồ (do Nhân dân Bắc Kạn may tặng Bác) được tổ chức “mua đấu giá” để lấy tiền ủng hộ kháng chiến. Nhân dân tham gia các hoạt động phục vụ chiến đấu như đào hầm hào, cắm chông chống địch nhảy dù ở khu vực sân bay và một số ngọn đồi... Ban quân sự thị xã do các đồng chí đảng viên của Chi bộ (Trương Phúc Sáng, Trương Văn Cầu, Nguyễn Văn Sắc) đảm nhiệm. Quân dân Bắc Kạn phụ trách chiến đấu ở Chiến khu I cùng với quân dân Thái Nguyên, Cao Bằng, Phúc Yên. Các đơn vị bộ đội chủ lực, dân quân, tự vệ thường xuyên luyện tập. Tháng 4/1947, hệ thống dân quân, tự vệ thị xã đã hình thành ở các khu phố. Chi bộ giao cho đồng chí Trương Văn Cầu phụ trách công tác dân quân tự vệ thị xã, phụ trách Đội Du kích Ba Bể. Một đồn công an ở thị xã Bắc Kạn được thành lập, do đồng chí Hà Sĩ Nhân làm đồn trưởng. Hệ thống tổ công an và nhân viên an ninh các khu phố được tuyển chọn, kiện toàn, thực hiện nhiệm vụ kiểm soát người lạ mặt đi lại, giữ gìn trật tự, an ninh, bảo vệ các cơ quan, hướng dẫn Nhân dân tản cư¹.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quân sự theo nghị quyết Hội nghị quân sự lần thứ 3 (6/1947) của Đảng được đẩy mạnh ở thị xã. Bộ tổng chỉ huy đã điều động cán bộ Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn và Trường Quân chính Bắc Sơn đóng tại thị xã Bắc Kạn vào việc mở lớp huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ cơ sở về chiến thuật đánh du kích, xây dựng căn cứ địa cách mạng, sẵn sàng chiến đấu.

Công tác văn hóa, xây dựng nếp sống mới được Chi bộ chú ý và triển khai tích cực. Các cơ quan thông tin Trung ương và địa phương đã phối hợp chặt chẽ vừa tuyên truyền trong đồng bào về tính chất cuộc

¹ Đảng bộ quân sự thị xã Bắc Kạn (2014). *Thị xã Bắc Kạn Lịch sử kháng chiến chống*

kháng chiến của ta, vừa làm tốt công tác văn hóa. Một số tục lệ lạc hậu dần dần được xóa bỏ.

Đầu năm 1946, Ban Bình dân học vụ thị xã được thành lập, do ông Ngô Văn Diệp làm trưởng ban¹. Các lớp bình dân xóa nạn mù chữ được tổ chức cả ban ngày và ban đêm, thu hút nhiều chị em phụ nữ. Các buổi nghe thời sự, học hát các bài ca kháng chiến thu hút nhiều người, nhất là thanh niên. Cán bộ, giáo viên ở miền xuôi lên đã đóng góp tích cực trong phong trào diệt giặc đói.

Đường sá đi lại trong thị xã được mở rộng, dọn dẹp sạch sẽ. Chợ thị xã họp theo phiên, phục vụ đời sống của đồng bào.

Trước và sau khi toàn quốc kháng chiến bùng nổ, căn cứ vào chủ trương chủ động xây dựng Chiến khu Việt Bắc của Trung ương Đảng và Bác Hồ, thị xã Bắc Kạn ở vào vị trí trung tâm của Chiến khu Việt Bắc, cửa ngõ miền xuôi lên miền ngược, với những hoạt động sôi nổi, nhộn nhịp của một thị xã miền núi tập trung đông đúc đồng bào, cán bộ kháng chiến, xa vùng tác chiến ở đồng bằng trong các năm 1946 - 1947.

II. Góp phần vào Chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947

Đầu tháng 9/1947, khi có gần 13 vạn quân viễn chinh, Cao ủy Pháp Bôlae (Boclaert) tuyên bố không công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đưa ra những quy định nhằm thiết lập lại chế độ cũ của Pháp ở Đông Dương. Ngày 15/9/1947, Đảng ra chỉ thị *Sửa soạn phá những cuộc tấn công lớn của địch* nhằm phá vỡ những mưu đồ của thực dân Pháp. Căn cứ địa Việt Bắc là nơi tập trung cơ quan chỉ đạo kháng chiến. Kế hoạch tấn công lên Việt Bắc do Trung tướng Xa-lăng (Salan) - Tư lệnh chiến trường Bắc Đông Dương chỉ huy, nhằm phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt phần lớn bộ đội chủ lực của ta, kết thúc chiến tranh một cách nhanh chóng.

¹ D. Lê Văn Diệp, thị xã Bắc Kạn (2014). *Thị xã Bắc Kạn lịch sử kháng chiến chống*

Địa bàn địch mở cuộc tấn công bao gồm: Bắc Giang, Thái Nguyên, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn - các tỉnh miền núi và trung du, địa hình rừng núi hiểm trở, giao thông không thuận lợi, đường bộ đa số là độc đạo. Đường số 4 từ Móng Cái đến Cao Bằng dọc theo biên giới Việt - Trung; đường số 2 nối Hà Nội - Việt Trì - Phú Thọ - Tuyên Quang; đường số 3 chạy giữa lòng Việt Bắc, từ Hà Nội đi Thái Nguyên lên Bắc Kạn, Cao Bằng. Địch đã huy động một lực lượng lớn gồm hơn 2 vạn quân của hai binh đoàn tinh nhuệ nhất, gồm 5 trung đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn dù, 2 tiểu đoàn pháo binh, 2 tiểu đoàn công binh, 2 phi đội (40 máy bay), một thủy đội 40 tàu và một số quân lính thủy đánh bộ chia làm 3 hướng tấn công lên Việt Bắc.

Theo kế hoạch, quân dù thiện chiến của Pháp đổ bộ xuống Bắc Kạn, nơi chúng nghi có cơ quan đầu não của ta nhằm “bắt gọn Chính phủ kháng chiến”. Bên cạnh đó, địch tiến quân theo hai hướng đông, tây thành hai gọng kìm bao vây Việt Bắc. Hướng đông theo đường số 4 từ Lạng Sơn lên Cao Bằng, có một bộ phận tiến xuống Bắc Kạn hỗ trợ binh đoàn dù, tạo thành gọng kìm kẹp sau lưng Việt Bắc. Ngày 07/10/1947, lúc 8 giờ 15 phút, một toán lính dù thuộc binh đoàn đổ bộ đường không của Đại tá Sô-va-nhắc nhảy dù xuống chiếm thị xã Bắc Kạn; 14 giờ 30 phút cùng ngày, quân nhảy dù chiếm Chợ Mới.

Ngày tối hôm đó, Thường vụ Trung ương Đảng điện cho các Khu ủy, Quân khu ủy: “Ngày 07/10, Pháp nhảy dù chiếm Bắc Kạn, Chợ Mới mưu tấn công Việt Bắc. Vệ Đoàn thể ra lệnh: Khu ủy và Quân ủy chỉ huy bộ đội đánh mạnh để chia sẻ lực lượng địch và phá kế hoạch chúng”¹.

Ngày 08/10, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi toàn thể đồng bào ra sức diệt giặc. Người phân tích ý định của địch hội quân ở Bắc

1 Điện số 288 ĐMP của Thường vụ Trung ương gửi các Khu trưởng khu 1, 2, 3, 4, 5, 6

Kạn tạo cái ô bọc lấy Việt Bắc, rồi chúng cụp ô lại dưới đánh lên, trên đánh xuống phá cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến. Người kêu gọi dân quân, du kích thị xã Bắc Kạn cùng toàn thể đồng bào ra sức diệt địch. Người chỉ rõ rằng: Địch mạnh ở hai gọng kim, gọng kim gãy thì cái ô cụp xuống sẽ thành cái ô rách.

Ngày 09/10/1947, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị cần kíp cho các đồng chí lãnh đạo tỉnh Bắc Kạn kíp thời đánh địch bảo vệ Nhân dân, bảo vệ các cơ quan, kho tàng. Thường vụ Trung ương Đảng nêu rõ: “Chúng ta có ba điều kiện để thắng: thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Điều cần thiết là chúng ta biết lợi dụng triệt để những điều kiện ấy để giành lấy thắng lợi”¹.

Tuy địch đổ bộ quân dù xuống thị xã một cách bất ngờ nhưng với tinh thần sẵn sàng chiến đấu, quân, dân, tự vệ thị xã đã chiến đấu dũng cảm, tiêu diệt và giam chân địch. Tiểu đoàn 49 tân binh đóng tại thị xã phối hợp cùng dân quân liên tiếp tập kích quấy rối địch ở các vị trí chúng chiếm đóng tại Bắc Kạn. Một mặt quân ta giam chân địch tại các căn cứ chúng vừa chiếm, mặt khác vận động Nhân dân thị xã tản cư, triệt để làm vườn không, nhà trống ở xung quanh nơi địch đóng quân.

Ngày 09/10/1947, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn họp tại Bản Đán, xã Đôn Phong (Bạch Thông) quán triệt chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng, đề ra nhiệm vụ cho các cấp cơ sở, huyện, thị xã tập trung vào việc di chuyển kho tàng, cơ quan và đưa dân ra khỏi nơi địch chiếm đóng, đến nơi an toàn.

Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chi bộ Đảng thị xã đã tập trung lãnh đạo việc di chuyển các kho tàng, cơ quan Trung ương và tỉnh đặt trên địa bàn thị xã, ven Quốc lộ đến nơi an toàn. Các địa điểm mà Nhân dân thị xã di chuyển đến là vùng Chợ Đồn, vùng hồ Ba Bể, Bạch Thông.

Mặc dù đã có kế hoạch triển khai để đối phó với địch nhảy dù (trước đó, do được Trung ương phổ biến địch có thể đổ quân dù xuống thị xã, đồng bào đã cảnh giác chuẩn bị đánh địch bằng một trận địa bàn chông ở khu sân bay), nhưng thị xã là nơi tập trung nhiều công xưởng, kho tàng, cơ quan trung ương nên không kịp sơ tán hết. Cụ Nguyễn Văn Tố và đồng chí Hoàng Văn Phùng, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến kiên hành chính tỉnh bị bắt. Đồng chí Hoàng Văn Phùng chạy thoát, còn cụ Nguyễn Văn Tố và nhiều người khác bị địch sát hại. Bộ phận cơ quan Trung ương Đảng mới lên bị bao vây. Hôm đó, một số đồng chí đi công tác. Đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh chuẩn bị đi nói chuyện ở Hội nghị cán bộ toàn quốc họp tại thị xã Bắc Kạn. Máy bay địch bắn phá, quân địch nhảy dù. Rất bình tĩnh, đồng chí nhanh chóng xuống hầm bí mật của Tỉnh ủy Bắc Kạn cùng với một số đồng bào, người già, phụ nữ, trẻ em và một số cán bộ Tỉnh bộ Việt Minh.

Khi địch kéo đến đông, chúng phát hiện hầm bí mật. Biết trong hầm có nhiều người, địch ra lệnh mọi người phải ra khỏi hầm. Chúng dọa nếu không ra sẽ ném lựu đạn. Trong tình thế ấy, đồng chí Trường Chinh khuyên bảo đồng bào ra khỏi hầm và dặn những người lên sau cùng nói với quân địch rằng trong hầm không còn ai nữa. Đồng bào đã thực hiện theo đúng lời đồng chí Trường Chinh dặn. Không phát hiện được những người khả nghi, quân địch bỏ đi. Đến tối, tự vệ thị xã dũng cảm, khéo léo dẫn đồng chí Trường Chinh vượt qua vòng vây, băng rừng ra ngoài thị xã an toàn.

Lực lượng tự vệ thị xã do đồng chí Đào Văn Phán trực tiếp chỉ huy chiến đấu bảo vệ Nhân dân sơ tán. Trong ngày đó, đồng chí Trương Văn Cầu và một số đồng chí khác hy sinh. Quân địch đã bắn chết nhiều người dân thị xã. Do tương quan chênh lệch, lực lượng tự vệ kịp thời rút ra ngoài bảo toàn lực lượng, làm nòng cốt để xây dựng Đội

kích Ba Bể về sau phát triển thành đại đội, tiểu đoàn. Công tác phá hoại căn giặc, tiêu thổ kháng chiến chưa làm được bao nhiêu. Cán bộ, Nhân dân còn biểu hiện chủ quan nên những ngày đầu, quân Pháp tận dụng được yếu tố bất ngờ của chiến thuật nhảy dù, tập kích sâu vào hậu phương kháng chiến. Chúng phá một số cơ quan, kho tàng, công xưởng và bắt một số đồng bào.

Ngày 15/10/1947, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của Pháp”. Chỉ thị nêu rõ: “Cuộc tấn công này của địch không tỏ ra chúng mạnh... mà tỏ ra chúng yếu phải mạo hiểm” và “cuộc tấn công này chỉ ồ ạt lúc đầu”¹. Chỉ thị vạch rõ: “... nhằm chỗ yếu của địch mà đánh những trận vang dội, những trận tiêu diệt bất địch chuyển sang thế phòng thủ”². Các Ban Chỉ huy mặt trận Sông Lô, Đường số 4, Đường số 3 được thành lập.

Ở thị xã Bắc Kạn, khắc phục tình trạng bị động ban đầu, Chi bộ Đảng thị xã từng bước lãnh đạo Nhân dân triệt để thực hiện “vườn không, nhà trống”, phá đường sá, cầu cống, một số đường giao thông huyết mạch. Đồng bào không tiếc nhà cửa, đồ đạc, sẵn sàng triệt phá để cản địch. Lương thực, thóc gạo được di chuyển hoặc cất giấu để không rơi vào tay giặc. Cả thị xã thực hiện khẩu hiệu “vườn không, nhà trống, không hợp tác với địch”.

Trên mặt trận quân sự, thấm nhuần chỉ thị ngày 15/10/1947 của Thường vụ Trung ương Đảng, quân dân thị xã vừa đánh vừa học, sửa chữa sai lầm, phát triển ưu điểm, lợi thế, tìm chỗ yếu của địch mà đánh. Các đội du kích, tự vệ chủ động đánh địch ở các điểm xung quanh thị xã, tập kích vào các đồn nhỏ lẻ của địch. Trận phục kích trên đường Bắc Kạn - Chợ Đồn là thắng lợi đáng kể của quân dân thị xã. Tiếp đó, đêm 30/11/1947, đại đội chủ lực Vệ quốc đoàn 395 thuộc Trung đoàn

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

72 do đồng chí Hạc Dĩnh chỉ huy đã phối hợp với trung đội du kích thị xã tập kích vị trí địch ở ngã ba đường thị trấn Phủ Thông, cách thị xã Bắc Kạn 20 km. Quân ta đã bí mật tiếp cận, diệt lính gác, tấn công vào đồn giặc. Cuộc chiến đấu kéo dài 2 giờ. Phần lớn địch nằm trong lều bạt phải đền mạng. Ta phá doanh trại, thu được một số vũ khí, trong đó có 1 súng máy, 1 súng trường Mĩ và diệt hơn 50 tên. Trong trận đó, ta hy sinh 5 đồng chí Vệ quốc đoàn; đồng chí Nguyễn Văn Y du kích thị xã bị thương.

Trận đánh kết thúc nhanh chóng, ta thu thắng lợi lớn. Đây là một trận đánh có ý nghĩa quan trọng - trận đầu tiên quân ta diệt địch ngay tại sào huyệt của chúng mới chiếm được.

Trên mặt trận đường số 3, quân dân thị xã Bắc Kạn đã cùng với Trung đoàn 121, Trung đoàn 72, Trung đoàn 165 lập nên những chiến thắng vang dội. Dân quân, tự vệ ngày càng được củng cố về lực lượng, trang bị thêm vũ khí, sẵn sàng hợp đồng tác chiến cùng với bộ đội chủ lực bảo vệ làng bản, phố xá, công xưởng. Nhân dân thị xã tiếp tục thực hiện “vườn không, nhà trống”, thực hiện “3 không” (không nói, không nghe, không biết), cất giấu lương thực, sẵn sàng chi viện cho bộ đội, đi dân công sửa chữa đường...

Cùng với mặt trận đường số 3, trên mặt trận đường số 4, mặt trận sông Lô, quân ta thắng lợi giòn giã tại trận Bông Lau, trận đánh ở Áng Mò,... Địch đi đến đâu cũng vấp phải cảnh “vườn không, nhà trống”, bị chiến tranh du kích tiêu hao sinh lực. Khí hậu khắc nghiệt của núi rừng Việt Bắc làm cho sinh lực địch hao mòn, tinh thần rệu rã. Địch tìm cơ quan đầu não để đánh thì không gặp, tìm diệt bộ đội chủ lực cũng không xong, tổ chức chiếm đóng thì ngày một khó khăn: thiếu lương thực, thực phẩm, nước uống, chỗ ở,... Nếu vội vàng rút quân thì không

công lên căn cứ Việt Bắc, ngoài việc đốt phá được một số kho tàng chưa kịp di chuyển và chiếm đóng một vài nơi, quân Pháp không thực hiện được mục tiêu của cuộc tiến công. Cái ô chụp xuống Việt Bắc bị rách bươm. Kế hoạch của địch phá sản. Thị xã Bắc Kạn là nơi chịu mũi dùi đầu tiên của địch, đã góp phần quan trọng vào chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, chính quyền, các đoàn thể, Nhân dân thị xã tiếp tục bước vào cuộc chiến đấu mới để tiến tới giải phóng hoàn toàn quê hương.

III. Giải phóng thị xã Bắc Kạn, tháng 8/1949

Tấn công Việt Bắc thất bại, cuối tháng 12/1947, Pháp duy trì một lực lượng nhỏ, tổ chức chốt giữ ở một số điểm tại Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn và xây dựng phòng tuyến Đông - Bắc dọc trục đường số 4, còn đại bộ phận quân địch phải rút quân khỏi Việt Bắc. Trong chiến dịch này, chúng không thực hiện được tham vọng phiêu lưu của mình. Để thực hiện âm mưu chính trị và quân sự nham hiểm, ở một số nơi và trên đoạn đường biên giới Lạng Sơn - Cao Bằng, Cao Bằng - Bắc Kạn, chúng vẫn cố duy trì sự kiểm soát. Thị xã Bắc Kạn là một trong những cụm cứ điểm mà địch quyết giữ và luôn củng cố, tăng cường lực lượng. Để giữ con đường số 3, đoạn từ thị xã Bắc Kạn đến đèo Cao Bắc, ngoài Phủ Thông, Nà Phặc, chúng còn lập thêm một số đồn bốt như Na Cù (Bạch Thông), Bành Trạch (Chợ Rã), Lũng Vài, Lũng Phải, Khuổi Đàm (Ngân Sơn). Trong thị xã, địch luôn duy trì một lực lượng trên dưới 500 tên. Địch còn đưa khoảng 200 lính ra chốt các vị trí khác như Phủ Thông, Nà Phặc, Ngân Sơn.

Tại thị xã Bắc Kạn, địch đưa một số tay sai cũ thành lập chính quyền ngụy, làm công cụ cho chúng. Tuy nhiên, các nơi địch kiểm soát đều không có dân ở. Nhân dân thị xã triệt để thực hiện “tràng

ở thị xã “Hội đồng an dân”, gồm một số cựu tri châu, châu đoàn, chánh tổng, lý trưởng. Ý định của địch là dùng người Tày để trị người Tày, dùng người Dao để trị người Dao. Chính quyền ngay được lập từ châu đến xã, thôn đặt dưới sự chỉ huy của quân Pháp. Hội đồng an dân còn tổ chức lực lượng nguy binh lấy tên là “Quân đội quốc gia Việt Nam”¹. Nhưng hoạt động của chúng không có kết quả.

Mặc dù có một bộ máy cai trị, nhưng thực chất địch chỉ kiểm soát được các khu phố ở thị xã đã bị triệt phá hoang tàn, còn vùng nông thôn và rừng núi đều nằm trong tay ta, chúng không kiểm soát được. Ở những vùng đó, Nhân dân nuôi dưỡng, che chở cho cán bộ, chiến sĩ. Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ Đảng, Ủy ban kháng chiến hành chính thị xã được chấn chỉnh lại và kiện toàn một bước. Một số cán bộ, đảng viên cốt cán thuộc thành phần các dân tộc ít người được đưa vào Ủy ban.

Năm 1948, Ủy ban kháng chiến hành chính thị xã gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Lợi, Chủ tịch; Trương Phúc Báo, Phó Chủ tịch; Nguyễn Trọng Trường, Ủy viên hành chính; Nguyễn Văn Phúc, Ủy viên Nhân dân; Đào Văn Phán, Ủy viên quân sự. Cán bộ, đảng viên tuyên truyền, vận động đồng bào không hợp tác với địch, không mất cảnh giác. Các đội dân quân, du kích tập trung phải đối phó với các cuộc càn quét, cướp bóc của giặc nên đã dày dạn kinh nghiệm chiến đấu và đang từng bước vươn lên theo kịp các đơn vị Vệ quốc đoàn. Các đội du kích không tập trung, thay phiên nhau tham gia phá hoại trên Quốc lộ 3, theo sát các đơn vị Vệ quốc đoàn và du kích tập trung.

Tháng 02/1948, Ban Chấp hành Tỉnh Đảng bộ Bắc Kạn tổ chức Hội nghị quân sự toàn tỉnh ở Thượng Minh (Chợ Rã). Trên cơ sở quán

¹ Cầm đầu tổ chức này gồm có: Tỉnh trưởng: Cựu bố chánh Hoàng Đức Tân; Phó Tỉnh trưởng: Nguyễn Nhu Quang, chạy vào với địch ngay sau khi Pháp nhảy dù xuống thị xã; Thư ký: Vi Văn Hàng, người ở Chợ Rã, buôn bán ở thị xã Bắc Kạn; Tiếp tế: tên cai

triệt Nghị quyết Trung ương Đảng, Hội nghị quyết định tiếp tục củng cố dân quân du kích, đồng thời ra sức xây dựng bộ đội chủ lực, chủ động đánh mạnh trên các trục giao thông, uy hiếp địch trong các cứ điểm, đặc biệt là ở thị xã Bắc Kạn. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị quân sự Thượng Minh, quân dân thị xã đã đưa cuộc kháng chiến tiến tới những bước phát triển mới trong phạm vi thị xã. Đêm ngày 13/3/1948, quân ta pháo kích ở đồn Phủ Thông, phá sập phần lớn công sự và doanh trại trong cứ điểm, diệt gần 70 tên địch. Địch ở thị xã kéo lên ứng cứu, bị bộ phận chặn viện của ta đánh quyết liệt. Ta diệt nhiều tên địch, buộc những tên còn lại phải quay về thị xã.

Một tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 72 phối hợp với các lực lượng dân quân, du kích Bạch Thông tổ chức trận phục kích trên đoạn đường hiểm yếu Quốc lộ 3, cách thị xã Bắc Kạn 14 km về phía bắc. Sau trận này, việc liên lạc và tiếp tế bằng đường bộ cho các cứ điểm của địch giảm đi rõ rệt. Phần lớn nguồn lương thực, vũ khí cung cấp cho các cứ điểm ở tỉnh Bắc Kạn, trong đó có thị xã, đều bằng đường không, rất khó khăn và tốn kém.

Đến giữa năm 1948, đại đa số đồng bào ở thị xã đã thực hiện chính sách tản cư của Đảng. Đồng bào thị xã và xung quanh nơi địch chiếm đóng đi tản cư đều được Chính phủ trợ cấp tiền. Năm 1948, riêng thị xã được cấp 14,3 triệu đồng cho đồng bào tản cư từ thị xã đi Chợ Chu (Thái Nguyên). Nhân dân đã tham gia phá hoại giao thông các đường liên tỉnh, nội tỉnh như đường 28 (Phủ Thông đi Chợ Rã), đường 29 (Bắc Kạn đi Chợ Đồn); đào hàng trăm hố cản xe tăng và ô tô địch. Tính trong 5 huyện của tỉnh Bắc Kạn đã đóng góp hơn 50 nghìn ngày công, với tổng khối lượng đào đắp trên 200.000 m³ đất đá, trong đó đồng bào thị xã đã đóng góp một phần lớn.

Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ Đảng, từ tháng 6/1948, Nhân dân thị

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

vận động đồng bào không hợp tác với giặc, không làm do thám cho Pháp, triệt để thực hiện vườn không, nhà trống. Cán bộ, đảng viên đã đến từng người dân còn mắc kẹt lại ở thị xã đang gặp thiếu thốn, khó khăn, động viên họ tản cư sang các vùng kháng chiến. Ở thị xã, chỉ có một số ít người trong Công giáo do Tạ Quang Tư (tức Nhật Thọ) cầm đầu, tìm cách dò la tin tức của cơ quan Trung ương, bộ đội để báo cho Pháp.

Ngày 05/6/1948, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ I đã được tiến hành tại Chẽ Ngù, xã Yên Thịnh, huyện Chợ Đồn¹. Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Trung ương mở rộng (01/1948) và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 4 (4/1948), Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ của toàn tỉnh Bắc Kạn trong tình hình mới. Trên cơ sở nhận định, đánh giá kẻ địch, Đại hội chủ trương xúc tiến xây dựng lực lượng (gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, du kích), tích cực tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, tiến lên giải phóng toàn tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh, Chi bộ Đảng thị xã chủ trương: Một mặt, củng cố tổ chức Đảng, bộ máy chính quyền, đoàn thể quần chúng và phong trào dân quân, du kích; mặt khác, đẩy mạnh công tác vận động binh lính địch, tăng cường giáo dục Nhân dân vùng bị địch tạm chiếm. Ban địch vận ở thị xã Bắc Kạn được thành lập.

Đối với công tác vận động người Hoa, Chi bộ Đảng đặc biệt chú ý. Ở thị xã tập trung một số lượng đáng kể người Hoa. Lúc quân Pháp chiếm đóng thị xã, một số người Hoa không đi tản cư, được Pháp ưu đãi. Một số người Hoa bị mua chuộc làm tay sai đắc lực cho Pháp. Cán bộ, đảng viên đã kiên trì vận động họ, nêu cao tình đoàn kết giữa các dân tộc. Do đó, đa số người Hoa đã ngả theo cuộc kháng chiến; tham gia phá hoại đường sá, cản chân quân Pháp; có những người liên hệ, hoạt động cho ta. Đến tháng 7/1949, Chi bộ Đảng đã triển khai công

tác phát triển Đảng một cách mạnh mẽ và đều khắp. Đối tượng được chú ý là bản cố nông, đội viên du kích và phụ nữ.

Để thực hiện chủ trương “biến hậu phương địch thành hậu phương ta”, Chi bộ Đảng chú trọng gây dựng cơ sở ở những nơi sát vùng địch chiếm đóng. Trong thị xã, hang ổ của địch, cơ sở Đảng cũng đã được gây dựng. Công tác binh vận được triển khai. Trong năm 1949, nhờ công tác binh vận, một số ngụy binh đã ngả về phía kháng chiến. Trong đó, có một ngụy binh đã chạy ra vùng tự do đem theo một khẩu súng trường Mĩ và 52 viên đạn.

Trong tháng 7, địch mở những trận càn quét lớn ở Quốc lộ 3, từ thị xã đi Nà Phặc và ở Giuộc. Những cuộc càn này bị chặn đánh, địch không gây được thiệt hại về tính mạng dân chúng, chỉ có mấy kho thóc bị đốt phá.

Sau khi càn quét không thu được kết quả, quân giặc lại rút vào các cứ điểm đã chiếm đóng. Quân ta chủ động tiến công bất ngờ vào các vị trí nhỏ lẻ, sơ hở của địch để tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch. Ban đêm, dân quân, du kích thị xã vào quấy rối các cứ điểm địch làm cho địch hoang mang, lo sợ, ăn ngủ không yên. Đến thời gian này, tại thị xã, ta đã nắm được hầu hết các trường bản; kiểm soát được sự liên lạc giữa vùng địch hậu và vùng tự do. Ở vùng thị xã, người lạ mặt vào rất khó khăn vì dân chúng thưa thớt. Chỉ người có nhiệm vụ liên lạc, được cơ sở trong thị xã bí mật đưa vào nắm bắt tình hình hoặc giao nhiệm vụ cho cơ sở cách mạng hoạt động trong thị xã. Tính đến tháng 7, ta đã gây dựng được cơ sở vững chắc trong thị xã.

Công việc chuẩn bị tiến công địch giải phóng thị xã Bắc Kạn - vị trí tiền tiêu của địch trong lòng căn cứ địa Việt Bắc, mở màn cho chiến dịch Hè - Thu 1949 được khẩn trương triển khai. Ban Chỉ huy chiến

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

móc-chi-ê. Các đơn vị bộ đội chủ lực, du kích tập trung, dân quân du kích thị xã khẩn trương chuẩn bị tham gia chiến dịch, vận tải lương thực, vũ khí, dụng cụ, lán, phá hoại đường sá, cầu cống xung quanh cứ điểm địch chiếm đóng.

Địch nhận thấy công việc chuẩn bị của ta, chúng rất lo sợ. Ngày 09/8/1949, chúng tổ chức một cuộc cướp phá trong thị xã. Sau khi phá phách, cướp bóc trong thị xã Bắc Kạn, chúng theo đường số 3 rút lên Cao Bằng. Quân địch ở Phủ Thông, Ngân Sơn cũng cuốn gói tháo chạy. Thị xã Bắc Kạn được giải phóng.

Để gấp rút củng cố, kiện toàn các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể trong tỉnh, ngày 21/8/1949, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 01-ĐB/BK tách Chi bộ thị xã Bắc Kạn ra khỏi Đảng bộ huyện Bạch Thông thành chi bộ độc lập trực thuộc Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Đồng chí Trần Văn Thăng làm Bí thư Chi bộ¹.

Ngày 24/8/1949, tại sân bay Cầu Phà, một cuộc mít tinh lớn với sự có mặt của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và hàng ngàn người dân địa phương đã được tổ chức, chào mừng Bắc Kạn được giải phóng. Đây là kết quả quá trình chiến đấu kiên cường của quân và dân tỉnh Bắc Kạn nói chung, quân và dân thị xã Bắc Kạn nói riêng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, từng bước tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, buộc chúng phải rút chạy. Là thị xã đầu tiên trong cả nước được giải phóng, chiến thắng năm 1949 của thị xã Bắc Kạn là bước ngoặt mở ra những thắng lợi tiếp theo của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

¹ Đảng bộ quân sự thị xã Bắc Kạn (2014). *Thị xã Bắc Kạn Lịch sử kháng chiến chống*



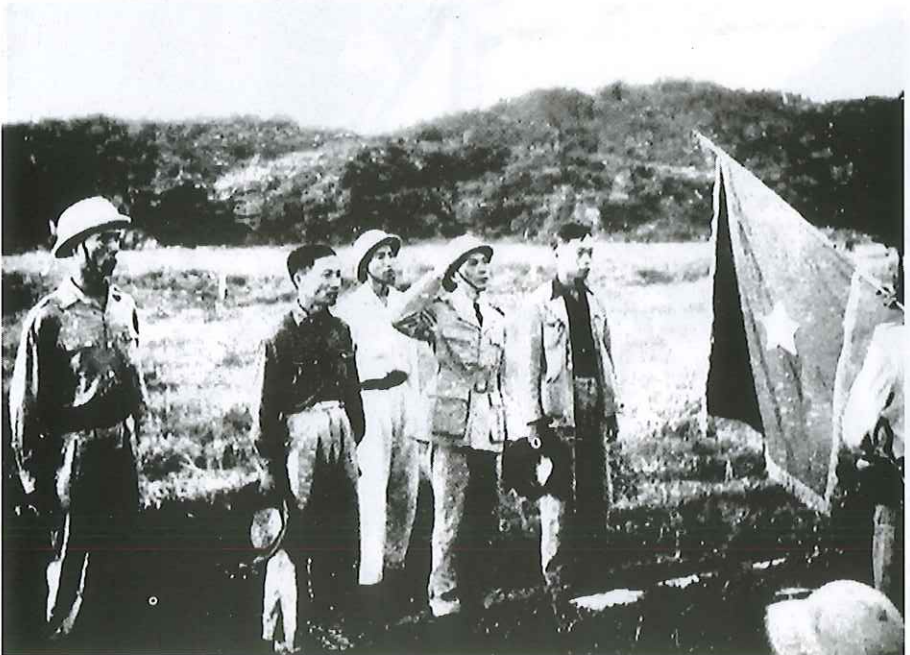
Bộ đội tiến quân vào giải phóng thị xã Bắc Kạn (năm 1949)



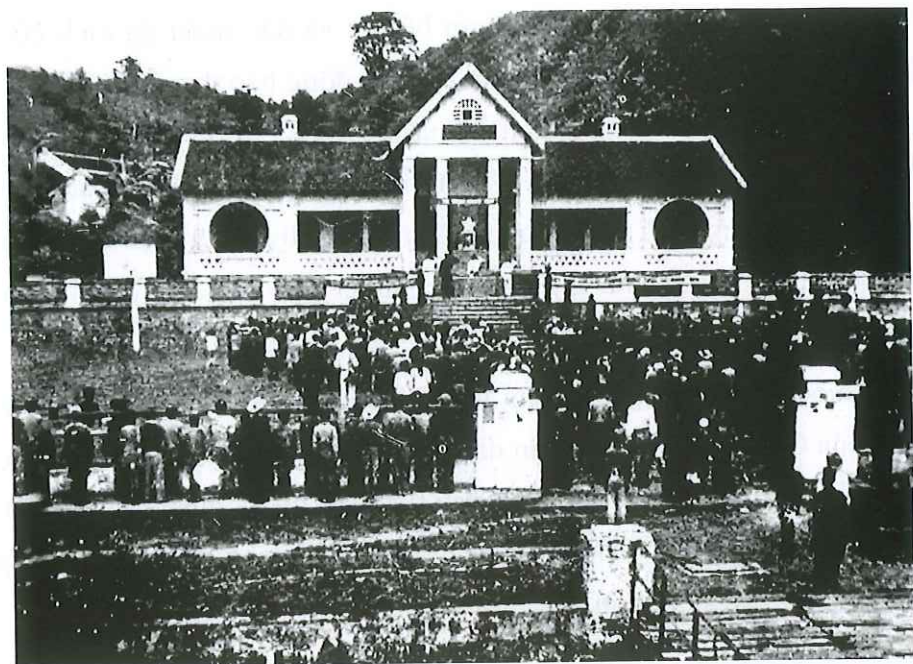
Mừng chiến thắng Bắc Kạn (năm 1949)



*Bộ đội đang xem chiến lợi phẩm thu được của quân Pháp
tại lễ mừng chiến thắng giải phóng Bắc Kạn*



Ngày 24/8/1949 tại sân bay Bắc Kạn, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đọc nhật



*Mít tinh chào mừng thị xã Bắc Kạn được giải phóng trước Nhà Hội đồng Pháp
(năm 1949, nay thuộc phường Đức Xuân)*

Nhân dịp Bắc Kạn được giải phóng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho toàn thể Nhân dân và các lực lượng vũ trang tỉnh Bắc Kạn. Trong thư, Người chỉ rõ: “Sau hai năm ra sức bám lấy Bắc Kạn, ngày nay giặc Pháp đã bị đuổi ra khỏi căn cứ quan trọng ấy”. Thắng lợi to lớn đó “là nhờ quân và dân ta nhất trí trong đánh ra, ngoài đánh vào mà có thắng lợi ấy”¹.

Sau hai năm chiến đấu không mệt mỏi, Nhân dân tỉnh Bắc Kạn nói chung và thị xã nói riêng đã giành được thắng lợi trọn vẹn: Toàn tỉnh Bắc Kạn được giải phóng, thị xã Bắc Kạn sạch bóng quân thù.

Chiến công của quân và dân Bắc Kạn trong cuộc chiến đấu giải phóng quê hương thật đáng khen ngợi. Trong Thư gửi đồng bào chiến sĩ thị xã nhân ngày thị xã được giải phóng, Bác Hồ viết: “Tôi thay mặt

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

Chính phủ gửi lời thân ái khen ngợi bộ đội và dân quân du kích cùng đồng bào Bắc Kạn. Tôi gửi lời thân ái an ủi đồng bào thị xã Bắc Kạn đã được trở lại trong cánh tay yêu mến của Tổ quốc”. Người còn nhắc nhở đồng bào và chiến sĩ Bắc Kạn: “Càng thất bại thì giặc Pháp càng liều mạng, càng dã man. Ta càng gần thắng lợi to, thì càng phải đề phòng gặp khó khăn nhiều. Vì vậy chúng ta tuyệt đối chớ chủ quan khinh địch, chớ sơ suất kiêu ngạo”¹.

Cuộc chiến đấu giải phóng thị xã Bắc Kạn có sự đóng góp quan trọng của Chi bộ Đảng và Nhân dân thị xã, đã kết thúc vẻ vang. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, lần đầu tiên một thị xã quan trọng ở phía bắc được giải phóng. “Thắng lợi này sẽ làm đà cho những thắng lợi khác lớn hơn, vẻ vang hơn”.

Cuộc chiến đấu giải phóng thị xã Bắc Kạn có sự đóng góp quan trọng của Chi bộ Đảng và Nhân dân thị xã, đã kết thúc vẻ vang. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, lần đầu tiên một thị xã quan trọng ở phía bắc được giải phóng. “Thắng lợi này sẽ làm đà cho những thắng lợi khác lớn hơn, vẻ vang hơn”.

Cuộc chiến đấu giải phóng thị xã Bắc Kạn có sự đóng góp quan trọng của Chi bộ Đảng và Nhân dân thị xã, đã kết thúc vẻ vang. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, lần đầu tiên một thị xã quan trọng ở phía bắc được giải phóng. “Thắng lợi này sẽ làm đà cho những thắng lợi khác lớn hơn, vẻ vang hơn”.

Cuộc chiến đấu giải phóng thị xã Bắc Kạn có sự đóng góp quan trọng của Chi bộ Đảng và Nhân dân thị xã, đã kết thúc vẻ vang. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, lần đầu tiên một thị xã quan trọng ở phía bắc được giải phóng. “Thắng lợi này sẽ làm đà cho những thắng lợi khác lớn hơn, vẻ vang hơn”.

Kinh tế gặp nhiều khó khăn càng làm cho tình hình xã hội thêm phức tạp. Các phần tử phản động đẩy mạnh hoạt động chống phá đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tay sai lén lút hoạt động phá hoại kinh tế. Một số tên khác cầm đầu những kẻ lưu manh, trộm cắp, gây rối trật tự trị an, gây mất đoàn kết giữa các dân tộc, giữa người Hoa với người Việt.

Tuy nhiên, những khó khăn không làm giảm niềm vui giải phóng, không ngăn cản được ý chí độc lập tự chủ và tinh thần yêu nước của cán bộ, đảng viên, đồng bào thị xã. Nhận rõ vị trí và trách nhiệm của địa phương mình đối với cuộc kháng chiến, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân thị xã Bắc Kạn ra sức đẩy mạnh các mặt kinh tế, văn hóa - xã hội nhằm đóng góp ngày càng nhiều cho tiền tuyến.

Thực hiện chủ trương của Đảng, cùng với toàn tỉnh Bắc Kạn, tháng 10/1949, Nhân dân thị xã đã tiến hành bầu Hội đồng Nhân dân khóa II, tạo điều kiện cho Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, xây dựng chính quyền cách mạng¹.

Tháng 01/1950, Hội đồng Nhân dân tỉnh Bắc Kạn họp và ra Nghị quyết về 6 nhiệm vụ cần thực hiện, gồm: Xây dựng bộ đội địa phương; chính quyền Nhân dân; xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất; công tác tuyên truyền; tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế và văn hóa giáo dục ở thị xã sau giải phóng.

¹ Trong công tác xây dựng chính quyền, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể quần chúng, thực hiện Chỉ thị ngày 18/9/1949 của Tỉnh ủy, Chi bộ đã lãnh đạo nhân dân hoàn thành tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh, (...). Trên 95% cử tri thị xã đã đi bỏ phiếu bầu những đại biểu xứng đáng và Hội đồng nhân dân tỉnh. Được sự tin nhiệm của cử tri, thị xã Bắc Kạn đã có hai đại biểu là ông Trương Phúc Báo và ông Nguyễn Văn Lợi trúng cử vào Hội đồng nhân dân tỉnh. Sau bầu cử, Ủy ban kháng chiến hành chính thị xã được Tỉnh ủy chỉ định và kiện toàn do ông Phạm Văn Tông làm Chủ tịch, ông Lê Văn Trọng làm Phó Chủ tịch. Mặt trận Việt Minh, các tổ chức đoàn thể cũng nhanh chóng được kiện toàn về tổ chức và nhân sự. (Trích *Thị xã Bắc*

Thực hiện Nghị quyết đó, từ năm 1950, chính quyền thị xã lãnh đạo các tầng lớp Nhân dân nêu cao tinh thần cảnh giác, kịp thời ngăn chặn những hoạt động phá hoại của một số phần tử xấu ở thị xã; tổ chức học tập, nâng cao năng lực cho cán bộ, đáp ứng đòi hỏi của tình hình mới. Đại biểu của dân tham gia các cấp chính quyền được Chi bộ chú ý đào tạo, bồi dưỡng. Nhiều ủy viên trong Ủy ban kháng chiến hành chính thị xã được đi dự lớp huấn luyện chính trị và nghiệp vụ, lớp chỉnh huấn Đảng do tỉnh mở. Trình độ cán bộ của Ủy ban đã được nâng lên, hoạt động có hiệu quả hơn. Ủy ban kháng chiến hành chính thị xã ngày càng được củng cố vững mạnh. Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ,... cũng được củng cố về tổ chức. Những phần tử cơ hội, thiếu gương mẫu bị đưa ra khỏi Ban Chấp hành và thay vào đó là những người có uy tín, có năng lực.

Chi bộ chú ý củng cố khối đoàn kết toàn dân, phát triển tình đoàn kết Việt - Hoa. Ngày 19/01/1950, Hội hữu nghị Việt - Hoa được thành lập trong toàn quốc. Cũng trong năm đó, Hội hữu nghị Việt - Hoa ở thị xã đã thành lập, hoạt động có hiệu quả. Theo chủ trương của Trung ương Đảng là củng cố và mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất tại các vùng miền núi, cùng cán bộ được tinh tăng cường, cán bộ thị xã đã xuống cơ sở để tuyên truyền chính sách đoàn kết dân tộc, phát động đồng bào tham gia kháng chiến.

Năm 1950, các cơ quan của tỉnh trở về đóng tại thị xã. Ngày 02/4/1950, sau khi thăm Liên Xô và Trung Quốc, Bác Hồ qua Bắc Kạn. Sau khi làm việc với Ban lãnh đạo tỉnh, Người trở về An toàn khu. Khoảng giữa năm 1950, trên đường đi công tác, Bác Hồ đến Bắc Kạn, nói chuyện với cán bộ, đồng bào tại Khuổi Cuông (Nông Thượng). Người giải thích rõ chính sách thuế nông nghiệp và nhắc nhở cán bộ, đồng bào phải nâng cao cảnh giác, đề phòng mọi hoạt động phá hoại



*Bác Hồ thăm và nói chuyện với Nhân dân thị xã Bắc Kạn
tại thôn Khuổi Cường, xã Nông Thượng, năm 1950*

Bộ máy an ninh được kiện toàn, tăng cường thêm lực lượng. Công an thị xã đã tổ chức cho cán bộ và Nhân dân học tập các tài liệu phòng gian bảo mật, trừ gian. Trong các buổi học tập, phổ biến kế hoạch “tứ bất minh” để Nhân dân tăng cường ý thức theo dõi kẻ gian. Nhờ vậy, tình hình trị an ở địa phương được bảo đảm. Những âm mưu và hành động phá hoại của gián điệp do địch tung vào thị xã được khám phá kịp thời.

Một nhiệm vụ cấp thiết nữa là trấn áp phản cách mạng, ngăn chặn những hành vi phá hoại của chúng. Sau giải phóng, ta giải tán bộ máy chính quyền của địch. Công an thị xã tổ chức cuộc vận động tố cáo lưu manh và bắt giữ những tên đầu sỏ, sau đó cho đi học tập cải tạo.

Chi bộ chú ý lãnh đạo khôi phục và phát triển kinh tế ở thị xã. Một mặt, Chi bộ chăm lo cuộc sống Nhân dân, mặt khác thực hiện

gây lũ lụt, làm thiệt hại hàng trăm ha lúa, hoa màu. Nhiều cầu cống bị hỏng nặng. Núi lở, đất lấp mặt đường, cản trở xe cộ qua lại. Để khắc phục khó khăn, Chi bộ đã đề ra những mục tiêu công tác một cách tích cực và cụ thể hơn. Trong nông nghiệp, Chi bộ đã đề ra chủ trương và lãnh đạo thực hiện một chương trình phục hồi ruộng bỏ hoang; khuyến khích chăn nuôi lợn, gà, trâu, bò,...; tăng gia sản xuất vụ lúa chiêm, mùa, ba giăng, hoa màu bãi, ngô, khoai, sắn...; chú trọng tu bổ, nạo vét các mương, phai, chống úng lụt. Nhờ có những biện pháp tích cực, Nhân dân đã khắc phục được khó khăn trong sản xuất nông nghiệp, đời sống bước đầu được ổn định. Phong trào tổ đổi công bắt đầu được tiến hành. Ở một số nơi, đồng bào đổi công hỗ trợ sản xuất cho nhau. Nhiều nơi, nông dân đã biết dùng phân chuồng để bón ruộng và thực hiện cấy hai vụ. Phong trào thi đua sản xuất diễn ra rất sôi nổi trong toàn thị xã.

Trên phạm vi toàn quốc, chiến thắng Biên Giới đã mở ra những cục diện mới cho ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; cổ vũ mạnh mẽ Nhân dân cả nước đẩy mạnh kháng chiến. Đầu năm 1951, tiếp theo những thắng lợi về quân sự, ta đã thu được những thắng lợi to lớn về chính trị, ngoại giao. Để đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được triệu tập (02/1951). Đại hội đã quyết định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ 3 khai mạc ngày 26/6/1951 tại thị xã Bắc Kạn. Quán triệt các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II, Đại hội tỉnh Đảng bộ đề ra chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp lãnh đạo Nhân dân tỉnh Bắc Kạn trong giai đoạn mới, trong đó có Nghị quyết quan trọng về công tác Đảng, chính quyền, quân sự, kinh tế, văn hóa, dân vận nhằm đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất cung cấp cho nhu cầu kháng chiến, thi hành chính

Tháng 7/1951, Bác Hồ đến Bắc Kạn làm việc với Tỉnh đội Bắc Kạn.

Năm 1952, nhiệm vụ tăng gia sản xuất được chú ý hơn. Diện tích cây lúa tăng lên. Sản xuất hoa màu và các cây thực phẩm tương đối phát triển, nhất là cây lạc (chiếm 41,6%). Tuy nhiên, do thời tiết không thuận lợi và bị chim phá hoại nên thu hoạch nông nghiệp thiệt hại nặng nề: Lúa chiêm thiệt hại tới 35%, lúa mùa thiệt hại 18%¹. Khắc phục khó khăn, Nhân dân đã trồng ngô, cây lúa Nam Ninh vào những diện tích ruộng cằn cỗi. Thực hiện chủ trương của tỉnh, dưới sự chỉ đạo của Chi bộ thị xã, diện tích cây lúa Nam Ninh được mở rộng. Việc làm cỏ, bón phân có nhiều tiến bộ. Tổ đổi công phát triển hơn. Phong trào thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm được phát động trong toàn thị xã. Tính đến hết năm 1952, đã có 340 gia đình xây dựng được kế hoạch phát triển sản xuất, 54 tổ bầu xong các ban thi đua phổ và đều có giao ước thi đua. Tổng kết đợt thi đua sản xuất và thực hành tiết kiệm năm 1952, trong số 13 chiến sĩ thi đua của tỉnh, thị xã có 3 chiến sĩ và 44 tổ viên gương mẫu².

Trong những năm 1953 - 1954, được động viên bởi thắng lợi to lớn của quân và dân ta trên các chiến trường, Nhân dân thị xã càng hăng say lao động sản xuất. Diện tích cây lúa được mở rộng: Lúa chiêm cấy 23,1 mẫu, thu 16.582 kg; lúa mùa cấy 25,2 mẫu, thu 20.168 kg, tăng 10% so với năm 1952³. Diện tích trồng màu tăng hơn các năm trước. Riêng 3 tháng đầu năm 1953, ngô trồng được 21 sào, khoai trồng được 17,5 sào và sắn trồng được 2.400 gốc.

Công tác thủy nông được chú trọng. Tháng 11/1953, tỉnh phát động phong trào làm và sửa mương máng dẫn nước. Cán bộ thị xã vận động nông dân tích cực tham gia phong trào. Trong 3 tháng đầu năm 1954, thị

¹⁺² Thị ủy Bắc Kạn, *Báo cáo năm 1952* (tư liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy Bắc Kạn).

xã đã sửa chữa được 7 phai và 1 mương, làm mới 4 phai và 2 mương dài 70 m. Hệ thống mương, máng này dẫn nước cung cấp cho đồng ruộng và sinh hoạt.

Cùng với nông nghiệp, sản xuất tiểu thủ công nghiệp đã dần dần hồi phục. Nghề dệt, rèn, đan lát được chính quyền thị xã quan tâm. Khi tỉnh mở xưởng làm giấy, xưởng dệt vải khổ rộng, thị xã đã cử người đến học. Hằng năm, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp sản xuất được nhiều đồ dùng, chủ yếu là nông cụ cầm tay như lưỡi cày, cuốc, dao, xe kéo thô sơ, đồ dùng gia đình,... đáp ứng một phần nhu cầu của sản xuất và đời sống Nhân dân.

Ở các phố của thị xã, đa số đồng bào sống bằng nghề buôn bán. Đó là điều kiện để thương nghiệp thị xã phát triển. Thương nghiệp lưu thông các mặt hàng phục vụ đời sống và sản xuất như muối, thóc gạo, vải, đường, dầu, nông cụ, sa nhân,...

Từ năm 1952, thị xã đã tăng vốn đầu tư cho ngành thương nghiệp, nhưng vẫn không khắc phục được những yếu kém do sức mua của Nhân dân giảm (giá cả cao). Đến những năm 1953 - 1954, thương nghiệp thị xã có phát triển hơn trước. Việc giữ vững và đẩy mạnh sản xuất là nguyên nhân cơ bản làm cho giá cả thị trường ổn định. Thương nhân nô nức buôn bán, nhất là thời kỳ mậu dịch chủ trương thu mua sa nhân và tổ chức từng đoàn thương nhân đi sâu vào nông thôn đổi hàng lấy lâm thổ sản. Đời sống thương nhân thị xã ngày một ổn định, tích cực tham gia kháng chiến: Gia nhập bộ đội, đi dân công và đóng thuế đầy đủ. Chợ được sắp xếp lại tương đối có nền nếp để Nhân dân tiện việc buôn bán. Ban Quản lý chợ cũng được chấn chỉnh.



Thu mua sa nhân ở Bắc Kạn (ảnh Bảo tàng tỉnh Bắc Kạn)

Để tạo điều kiện cho Nhân dân phần khởi tăng gia sản xuất, đóng góp cho kháng chiến, Chi bộ thị xã tích cực lãnh đạo Nhân dân học tập, thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước.

Cuộc vận động thực hiện chính sách thuế nông nghiệp tiếp tục được triển khai. Năm 1953, thị xã tổ chức cho Nhân dân học tập về chính sách ruộng đất ở 13 tổ sản xuất. Sắc lệnh giảm tô và quy định về giảm tức, quy chế lĩnh canh, tạm cấp ruộng đất được phổ biến rộng rãi.

Qua giảm tô, trình độ giác ngộ chính trị, hiểu biết về quyền lợi của Nhân dân được nâng lên, những khó khăn về đời sống của nông dân được giải quyết một phần. Nhân dân phần khởi hăng hái sản xuất, xây dựng cuộc sống mới. Hầu hết các xã đều lập được chương trình canh tác, xây dựng tổ đổi công để giúp đỡ nhau trong lao động. Sản lượng lương thực tăng nhanh, không những cải thiện một bước đời sống của đồng bào thị xã, cung cấp một phần lương thực cho các cơ

quan Trung ương đóng tại thị xã mà còn đảm bảo cung cấp kịp thời cho tiền tuyến.

Nhận rõ trách nhiệm của mình đối với cuộc kháng chiến của dân tộc, mặc dù đời sống còn nhiều khó khăn nhưng trong những năm này, các hộ nông dân thị xã đều hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế nông nghiệp cho Nhà nước. Hằng năm, mức nộp thuế của thị xã luôn vượt kế hoạch được giao. Thuế năm 1952 là 9.010 kg, năm 1953 tăng lên 11.258 kg. Riêng năm 1954, thu thuế vượt 70% kế hoạch được giao.

Đồng thời với việc đẩy mạnh sản xuất, ổn định và nâng cao từng bước đời sống Nhân dân, Chi bộ Đảng và chính quyền các cấp cũng quan tâm đến việc xây dựng đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân. Mặc dù máy bay địch thường xuyên oanh tạc, các trường phổ thông vẫn duy trì giảng dạy và học tập. Nội dung cơ bản của nền giáo dục mới được đưa vào chương trình giảng dạy ở nhà trường. Thị xã rất chú trọng đến xây dựng và củng cố trường sở. Đến năm 1954, thị xã có 3 trường¹ với tổng số 243 học sinh. Bộ máy quản lý giáo dục các cấp được kiện toàn. Học sinh đến trường ngày một đông.

Cùng với giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa và bình dân học vụ cũng có nhiều bước tiến mới. Thực hiện khẩu hiệu “Đi học là yêu nước”, Ban Bình dân học vụ thị xã đã được chấn chỉnh, phát huy vai trò tích cực của mình. Hằng năm, Ban phát động chiến dịch diệt dốt tới từng phố, từng nhà. Cán bộ phụ trách ban bình dân học vụ mỗi phố đến từng nhà lấy danh sách, sau đó tổ chức lớp học tập xóa mù chữ cho nhiều người. Ban Bình dân học vụ phố Cầu Phà hoạt động rất sôi nổi. Thi hành chỉ thị của tỉnh, các giáo viên trường phổ thông đã phối hợp với địa phương xuống từng phố điều tra tình hình giáo dục. Trong quý II, quý III năm 1953, đoàn kiểm tra đã thống kê được 164 người mù chữ ở

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

độ tuổi 10 - 40. Chi bộ còn chủ trương mở các lớp bồi dưỡng văn hóa và nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ cơ sở, đồng thời tuyển chọn những người có nhiệt tình, có khả năng đi học các lớp đào tạo do tỉnh mở.

Bên cạnh những mặt tích cực, thời gian này, phong trào bình dân học vụ phát triển không đều. Cán bộ phụ trách công tác bình dân học vụ chủ yếu tập trung thanh toán nạn mù chữ, chưa thực sự coi trọng việc củng cố và nâng cao trình độ cho những người đã biết đọc, biết viết. Trong khi tổ chức thực hiện, sự kết hợp giữa ngành bình dân học vụ với các ngành và các đoàn thể quần chúng còn mờ nhạt. Do đó, một số lớp học không duy trì được lâu dài.

Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng cũng được phát động sôi nổi. Sinh hoạt văn nghệ trở thành nhu cầu, được đông đảo các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng. Thị xã thành lập được một tổ văn nghệ, sáng tác một số bài ca dao, thơ, kịch ngắn có nội dung tuyên truyền cho kháng chiến và xây dựng cuộc sống mới, phổ biến rộng rãi trong Nhân dân. Phòng Thông tin tuyên truyền của thị xã có vai trò lớn trong việc tổ chức, chỉ đạo phong trào. Ngoài việc tổ chức các đêm liên hoan văn nghệ, thu hút đông đảo quần chúng, Phòng Thông tin tuyên truyền còn tổ chức phát thanh, mở các cuộc triển lãm, giới thiệu thành quả xây dựng kinh tế - xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa, những thắng lợi trên tất cả các mặt trận của đồng bào cả nước.

Công tác xây dựng và phát triển y tế, chăm lo bảo vệ sức khỏe của Nhân dân được Chi bộ đặc biệt quan tâm. Trạm Y tế thị xã được bổ sung thêm cán bộ và các loại thuốc tây y, đông y. Trước đây, cả thị xã chỉ có một phòng hộ sinh do một nữ hộ sinh phụ trách. Đến năm 1953, thị xã đã thành lập được Ban Y tế, huy động Nhân dân quyên góp xây dựng nhiều tủ thuốc. Các tủ thuốc có cán bộ y tế phụ trách, Nhân dân

Chi bộ phát động phong trào vệ sinh yêu nước, thực hiện “sạch làng, tốt ruộng”, “ăn chín, uống sôi”, vận động Nhân dân làm chuồng trâu xa nhà ở, phát động chiến dịch diệt ruồi, muỗi. Ý thức phòng bệnh và trị bệnh theo phương pháp khoa học được nâng cao. Mỗi khi ốm đau, bệnh tật..., người dân đều tìm đến trạm y tế. Tai họa ốm đau, rui ro do thầy cúng, thầy mo gây ra giảm dần. Được sự quan tâm của cơ quan y tế đóng tại thị xã, các đợt tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh truyền nhiễm được tổ chức thực hiện khá chu đáo.

Những hoạt động đó góp phần động viên mạnh mẽ tinh thần tham gia kháng chiến của đồng bào, đồng thời xây dựng cuộc sống vui tươi lành mạnh ở địa phương. Trình độ văn hóa được nâng cao đã góp phần hạn chế các tệ nạn xã hội. Nạn mại dâm do chế độ cũ để lại hầu như không còn trong phạm vi tỉnh Bắc Kạn nói chung và thị xã nói riêng. Việc thực hiện nếp sống mới được phổ biến rộng rãi trong Nhân dân. Việc cưới xin, ma chay đã đơn giản hơn trước.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy Bắc Kạn về công tác quân sự địa phương, thị xã đã tham gia xây dựng bộ đội địa phương, kịp thời bổ sung cho bộ đội chủ lực tỉnh, Bộ; phát triển dân quân du kích xã, tự vệ phổ để bảo vệ địa phương và tham gia các chiến dịch lớn. Chi bộ thị xã thường xuyên quan tâm đến việc xây dựng và củng cố các lực lượng vũ trang này. Sau giải phóng, Ban Chỉ huy thị đội được kiện toàn, thường xuyên có kế hoạch cụ thể về việc củng cố dân quân du kích, động viên thanh niên hăng hái gia nhập bộ đội chủ lực; đồng thời vận động Nhân dân tích cực đóng góp ủng hộ lương thực, thực phẩm cho lực lượng vũ trang.

Thực hiện Sắc lệnh số 126/SL ngày 04/11/1949 của Chính phủ quy định nghĩa vụ quân sự cho nam công dân từ 18 đến 45 tuổi, công tác tuyển quân được xác định là một nhiệm vụ cấp bách. Theo hướng

nhiều chiến trường. Năm 1953, thị xã tuyển được 23 tân binh, trong đó có 3 thanh niên người Hoa xung phong tòng quân, đảm bảo 95% chỉ tiêu được giao.

Ban Thường vụ Trung ương Đảng chỉ rõ: “Việc xây dựng bộ đội địa phương và phát triển dân quân lúc này là góp một phần quan trọng trong việc đẩy mạnh chiến tranh giúp cho chiến lược tích cực cầm cự và chuẩn bị tổng phản công được thực hiện”¹. Thực hiện chủ trương trên và nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc do Hội nghị quân sự liên khu (năm 1950) đề ra, công tác xây dựng lực lượng vũ trang ở thị xã được đẩy mạnh hơn. Thị đội Bắc Kạn đã mở 2 lớp huấn luyện du kích vào tháng 4 và tháng 6/1952; tháng 10/1953, tổ chức một lớp huấn luyện 11 ngày với nội dung vừa nghiên cứu vừa thực tập kế hoạch tác chiến. Qua các đợt huấn luyện, trình độ chính trị, trình độ tác chiến của cán bộ, chiến sĩ được nâng lên một bước. Nhân dân thị xã tích cực tham gia xây dựng lực lượng vũ trang. Nhờ đó, các đợt vận động tòng quân bổ sung cho bộ đội chủ lực tỉnh và bộ đội địa phương đều thu được kết quả tốt. Thị đội còn tổ chức học tập các tài liệu về Quân đội Nhân dân, phát động quần chúng đẩy mạnh kháng chiến, chính sách binh vận, chính sách dân tộc thiểu số. Năm 1953, theo kế hoạch của Tỉnh Đoàn thanh niên, thị xã đã tổ chức cho thanh niên học tập tiêu sử anh hùng quân đội La Văn Cầu, có tác dụng động viên thanh niên xung phong tòng quân chiến đấu.

Nhiều lớp huấn luyện quân sự, chính trị được mở, bồi dưỡng cho cán bộ quân sự địa phương. Ban Chỉ huy thị đội còn nghiên cứu và lập phương án tác chiến bảo đảm đánh thắng nếu địch liều lĩnh mở những cuộc tiến quân vào thị xã.

1 “Chỉ thị về việc xây dựng bộ đội địa phương và phát triển dân quân trong giai đoạn

Trong những năm 1949 - 1954, công tác củng cố, xây dựng Đảng, nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng, tăng cường hiệu lực quản lý của bộ máy chính quyền thị xã được Chi bộ luôn luôn quan tâm thực hiện.

Năm 1949, sau giải phóng, Chi bộ được củng cố, do đồng chí Trần Văn Thăng làm Bí thư.

Từ năm 1950, Trung ương Đảng đã đề ra chỉ thị tạm ngừng phát triển đảng viên để củng cố tổ chức, cơ sở Đảng. Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, từ cuối năm 1950 đến đầu năm 1951 hướng về Đại hội Đảng toàn quốc, các cơ sở Đảng ở thị xã chuyển trọng tâm công tác xây dựng từ phát triển sang củng cố. Các cuộc vận động nhằm củng cố cơ sở và nâng cao chất lượng đảng viên liên tục được phát động. Kỷ niệm lần thứ 20 ngày thành lập Đảng (1950), cùng với các cơ sở Đảng khác, Chi bộ thị xã tiến hành cuộc vận động “Học tập lý luận, rèn luyện đạo đức cách mạng”. Tiếp đó, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 60 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chi bộ đã phát động “Tuần lễ thi đua rèn luyện đảng tính”. Thông qua các cuộc vận động đó, chất lượng đảng viên nâng lên, sức chiến đấu của Chi bộ Đảng thị xã ngày càng tiến bộ rõ rệt.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 của Trung ương Đảng (4/1952), cuộc chỉnh Đảng được tiến hành trong toàn Chi bộ. Chống tư tưởng tư sản, ảnh hưởng tư tưởng đế quốc và phong kiến, nâng cao lập trường giai cấp vô sản, nêu cao ý thức tự phê bình và phê bình là nội dung chính của đợt chỉnh Đảng. Việc chỉnh Đảng đã có kết quả tốt. Một số phần tử xấu bị khai trừ ra khỏi Đảng. Chi bộ Đảng thêm trong sạch, vững mạnh. Quần chúng càng tin tưởng vào Đảng. Hưởng ứng cuộc vận động củng cố tổ chức cơ sở Đảng do Tỉnh ủy phát động, Chi bộ thị xã đề ra nhiều biện pháp tích cực, nhiều vấn đề mới được đặt ra thảo luận trong toàn thể đảng viên. Đó là đường lối cách mạng và

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

đối với mọi phong trào ở cơ sở, phẩm chất và trách nhiệm đảng viên,... Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Chi bộ thị xã đã gắn chặt việc củng cố tổ chức cơ sở Đảng với thực hiện các nhiệm vụ trung tâm của cách mạng như cuộc vận động sản xuất, tiết kiệm, thuế nông nghiệp tạm vay, tuyển quân,... Nhờ có những biện pháp tích cực, Chi bộ thị xã đã lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Chi bộ có 22 đảng viên, phần lớn xuất thân từ các thành phần cơ bản (cô nông và bản nông). Trong đó, nhiều đảng viên vững vàng về chính trị, tư tưởng, có khả năng lãnh đạo, được tổ chức bầu bổ sung vào cấp ủy.

Tháng 3/1953, Chi bộ thị xã tiến hành Đại hội. Đại hội đã đề ra chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp lãnh đạo Nhân dân trong giai đoạn mới. Đại hội ra các nghị quyết quan trọng về công tác Đảng, chính quyền, quân sự, kinh tế, văn hóa, dân vận,...

Năm 1954, dưới sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng, giảm tô giảm tức, cải cách dân chủ được thực hiện ở thị xã. Đồng chí Phạm Văn Tòng - Bí thư Chi bộ bị quy sai trong giảm tô là phú nông (nghỉ công tác, không được sinh hoạt Đảng). Đồng chí Hà Văn Y làm Bí thư chi bộ kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính thị xã.

Từ sau ngày thị xã giải phóng, Chi bộ đã lãnh đạo thành công nhiều mặt công tác, đảm bảo cho thị xã là hậu phương, trạm trung chuyển cán bộ, bộ đội cho các chiến trường, góp phần cung cấp về người và của cho tiền tuyến đánh thắng giặc Pháp.

Công tác cán bộ là vấn đề lớn và quan trọng đối với thị xã, có quan hệ mật thiết tới việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng và phát triển thị xã. Kết hợp với công tác phát động quần chúng, bộ máy lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng được củng cố. Thị xã đã cử nhiều cán bộ đi

thành trong công tác. Những mặt yếu kém của chính quyền và Hội đồng Nhân dân trong thời gian trước, như làm việc chưa có nền nếp, tác phong quan liêu, hình thức,... đã được khắc phục một phần. Những vướng mắc, băn khoăn về tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, thông qua các đợt chỉnh huấn đã được giải quyết về căn bản.

V. Tham gia chi viện các chiến trường

Bên cạnh việc đẩy mạnh sản xuất, xây dựng cuộc sống mới, từ sau ngày giải phóng, thị xã hướng mọi hoạt động vào nhiệm vụ kháng chiến: Huy động dân công phục vụ chiến trường, sửa chữa cầu đường, mua công trái kháng chiến,...

Sôi nổi nhất là huy động dân công phục vụ các chiến dịch và sửa chữa cầu đường. Trong các năm 1951 - 1953, nhiều đợt dân công liên tiếp được huy động làm nhiệm vụ sửa đường, tiếp tế, vận tải, làm lán trại,... Năm 1952, Bắc Kạn đóng góp cho chiến trường Việt Bắc, Tây Bắc 46 vạn ngày công, trong đó thị xã đóng góp 20 vạn ngày. Năm 1953, con số đóng góp còn lớn hơn nhiều. Hằng năm, hàng ngàn con em đồng bào các dân tộc ở thị xã thay nhau có mặt trên các công trường. Có những đợt, toàn bộ đảng viên và cán bộ, công nhân viên được huy động đi dân công. Cuối năm 1953 đầu năm 1954, thị xã Bắc Kạn đã cử hàng trăm lượt người đi phục vụ chiến dịch; thành lập 2 đại đội xe thồ cho chiến dịch. Liên tục trong các chiến dịch: Biên Giới, Trung Du, Đường 18, Tây Bắc, Điện Biên Phủ, thị xã không những đảm bảo mà còn vượt chỉ tiêu huy động đi dân công.

Trong tình hình mới, với vị trí căn cứ địa kháng chiến, vấn đề khôi phục và phát triển mạng lưới giao thông không những là đòi hỏi cấp bách của việc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa địa phương mà còn là yêu cầu to lớn của sự nghiệp kháng chiến. Do đó, ngay sau

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh nhanh chóng khôi phục mạng lưới giao thông, đặc biệt là đường số 3.

Chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn tập trung mọi cố gắng nhằm hoàn thành tốt công tác trung tâm đột xuất này. “Chiến dịch cầu đường lần thứ nhất” do Tỉnh ủy phát động được nhanh chóng triển khai trong toàn tỉnh. Với tinh thần coi việc sửa chữa cầu đường như trực tiếp đánh địch, lập thành tích chào mừng ngày Quốc tế lao động và ngày sinh Bác Hồ (1950), Chi bộ thị xã đã có sự lãnh đạo cụ thể, sâu sát. Các Ban huy động dân công các cấp được thành lập. Đông đảo cán bộ, đảng viên, các cơ quan chính quyền, lực lượng vũ trang và Nhân dân thị xã đều có mặt trên các công trường cầu đường. Hơn 270 km đường và hơn 200 chiếc cầu, cống ở trong tỉnh được khẩn trương sửa chữa xong trước thời hạn là kết quả của gần 5.000 dân công, trong đó có phần đóng góp của Nhân dân thị xã.

Thực dân Pháp càng điên cuồng sử dụng không quân đánh phá các tuyến đường. Tháng 5/1950, chúng bắn phá cầu phao thị xã Bắc Kạn. Sự đối phó bị động này của địch không ngăn cản được nhịp vận chuyển của ta ra tiền tuyến. Trong 6 tháng cuối năm 1950, Đảng bộ và Nhân dân Bắc Kạn nói chung và thị xã nói riêng đã có những cố gắng vượt bậc trong việc sửa chữa giao thông. Để khắc phục những hậu quả nghiêm trọng do các đợt mưa lũ lớn gây ra, ngày 24/10/1950, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn triệu tập Hội nghị quân, dân, chính quyết định huy động khẩn cấp 2.000 dân công cho các công trường, đảm bảo 25 ngày phải thông xe trên các trục đường chính. Những chiếc cầu bị lụt cuốn trôi đã được bắc lại, hàng chục nghìn mét khối đất, đá, do núi đồi sụt lở được dọn sạch khỏi mặt đường, đảm bảo cho xe vận tải cỡ lớn đi lại dễ dàng.

Đầu năm 1951, Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn họp Hội nghị tăng kết công

thời gian trước mắt. Hội nghị đã đề ra những chủ trương và biện pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác giao thông, đồng thời phát huy hiệu quả kinh tế cao nhất đối với những đóng góp của Nhân dân về sức người, sức của trên mặt trận công tác này. Hội nghị Đảng bộ tỉnh quyết định phát động phong trào toàn dân tham gia đảm bảo giao thông, gọi là “Chiến dịch cầu đường lần thứ hai”. Chi bộ và Nhân dân thị xã hưởng ứng chiến dịch sôi nổi. Thị xã đã đề ra nhiều hình thức và biện pháp để huy động lực lượng toàn dân. Nhân dân được học tập chính sách, nhận rõ đi dân công là nghĩa vụ nên mọi người đều hăng hái.

Nhiều thanh niên nam, nữ tình nguyện gia nhập các liên đội thanh niên xung phong làm cầu đường. Thị xã đã thành lập Ban Bảo đảm giao thông vận tải. Ban đã xây dựng được phương án huy động nhân công, vật liệu để giữ vững giao thông thông suốt trong mọi tình huống.

Do có sự lãnh đạo chặt chẽ, với nhiều biện pháp cụ thể, Chi bộ thị xã đã động viên được đông đảo Nhân dân trong thị xã tham gia chiến dịch cầu, đường. Trong năm 1951, toàn thị xã đã huy động được 528 dân công sửa đường dây điện thoại và cầu đường; 281 dân công làm công việc vận chuyển, xay sát, giao tế, xây dựng trường học, với tổng số 15.465 công¹.

Tại Hội nghị tổng kết chiến dịch cầu đường toàn quốc (1951), Bắc Kạn được thưởng nhiều huân chương và vinh dự được đón nhận lá cờ luân lưu “Thi đua khá nhất”. Vinh dự ấy có sự đóng góp to lớn của Nhân dân thị xã.

Năm 1953, thị xã đã huy động được 8 đợt dân công, với 480 dân công, đóng góp 15.788 công. Riêng tháng 10, thị xã huy động 5 thợ rèn, 4 thợ mộc và 9 dân công ra làm cầu treo².

Sang năm 1954, thị xã huy động được 151 dân công xay giã thóc gạo phục vụ kế hoạch điều vận, cùng 43 xe trâu, 106 xe đạp; huy động được 18 dân công làm kho thóc và 26 dân công tiếp tế cho Hội nghị công thương nghiệp.

Mỗi đợt huy động, thị xã đều cử cán bộ chính quyền và đoàn thể ra phụ trách, sau mỗi đợt có tổng kết, lựa chọn đơn vị điển hình, cá nhân xuất sắc để bình nghị khen thưởng. Thị xã còn tổ chức học tập tài liệu huy động dân công mới cho cán bộ ngay tại công trường. Nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Chi bộ Đảng, thị xã luôn huy động đạt và vượt mức chỉ tiêu được giao (năm 1953 vượt mức chỉ tiêu được giao là 107%).

Theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân thực hiện tiết kiệm, từng gia đình lập “hũ gạo tiết kiệm”. Mỗi bữa ăn, Nhân dân lại bớt một nắm gạo hoặc ngô để dành ủng hộ bộ đội. Chị em phụ nữ thị xã lập nhiều thành tích trong phong trào này. Tính từ tháng 12/1950 đến tháng 02/1951, thị xã đã tiết kiệm được 53 ồng ngô¹. Trong năm 1950, thị xã đã thu mua được 500 kg thóc nộp vào kho dự trữ lương thực của tỉnh.

Theo lời Bác Hồ dặn, đồng bào thị xã Bắc Kạn còn tổ chức lập “quán nghỉ cán bộ”. Sau khi tổ chức thi đua giữa đại biểu các hội mẹ chiến sĩ ở Hội nghị liên hiệp phụ nữ toàn tỉnh cuối năm 1950, chủ trương này được thực hiện. Quán nghỉ cán bộ ở thị xã được thành lập từ tháng 12/1950, do Hội Liên hiệp Phụ nữ thị xã tổ chức. Quán nghỉ cán bộ là nơi đón tiếp các anh chị em thanh niên xung phong, bộ đội và cán bộ qua đường. Cán bộ, bộ đội đến nghỉ được sự giúp đỡ về mọi mặt. Các chị còn có sáng kiến lập tủ sách và họa thơ ở quán nghỉ để anh em qua lại có sách báo xem.

Được sự động viên, khích lệ của Đảng và Bác Hồ, mặc dù sau giải phóng, thị xã thường xuyên bị máy bay địch oanh tạc, bắn phá, nhưng dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng và Ủy ban hành chính, Nhân dân thị xã ra sức củng cố, xây dựng thành hậu phương kháng chiến vững mạnh. Với tinh thần “Tất cả cho tiền tuyến”, “Tất cả để chiến thắng”, thị xã đã tích cực bổ sung lực lượng cho quân chủ lực, sửa chữa cầu đường, đảm bảo giao thông. Qua đó, Chi bộ và Nhân dân thị xã góp phần quan trọng vào thắng lợi của Chiến dịch Biên Giới (1950), đóng góp sức người, sức của cho thắng lợi của Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng thị xã giải phóng - hậu phương trực tiếp của chiến trường Việt Bắc và Tây Bắc, Chi bộ đã phát huy truyền thống đoàn kết Nhân dân, tập hợp đồng bào để vừa xây dựng vừa kháng chiến đến thắng lợi.

Chi bộ chú ý xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng hậu phương, phục vụ tiền tuyến, đóng góp vào cuộc kháng chiến của toàn dân tộc. Quá trình lãnh đạo Nhân dân xây dựng thị xã thời kỳ sau giải phóng thể hiện tinh thần độc lập, sáng tạo và sự trưởng thành của Chi bộ ở một cơ sở có nhiều khó khăn, phức tạp.

Chương III

HOÀN THÀNH CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ, BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, GÓP PHẦN CHỐNG MĨ, CỨU NƯỚC (1955 - 1967)

I. Thị xã Bắc Kạn trong thời kỳ khôi phục kinh tế (1955 - 1957)

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (5/1954) đã kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp gian khổ, ác liệt và vô cùng anh dũng của dân tộc ta. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, bắt đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và là hậu phương của cả nước; miền Nam tiếp tục nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ. Mục tiêu chung của hai miền là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Ở miền Bắc, tuy hòa bình đã được lập lại, nhưng hậu quả của chiến tranh hết sức nặng nề. Thị xã Bắc Kạn nằm trong lòng căn cứ địa Việt Bắc, trong kháng chiến chống Pháp bị địch chiếm đóng gần 2 năm. Trong 2 năm đó, quân Pháp đã cướp bóc tài sản của Nhân dân, bắn giết trâu, bò, đốt phá nhà cửa. Vì vậy, thị xã Bắc Kạn tan hoang, kiệt quệ, Nhân dân đói khổ. Sau khi được giải phóng (1949), phải tập trung sức người sức của cho cuộc kháng chiến với khẩu hiệu “Tất cả cho chiến thắng”, nên công cuộc khôi phục thị xã chưa thu được nhiều kết quả. Sau khi hòa bình lập lại (1954) và nhất là trong những năm 1955 - 1957, thực hiện chủ trương của Đảng, thị xã hoàn thành cách mạng ruộng đất và cải cách dân chủ, từng bước khôi phục và phát triển kinh tế.

Thị xã là nơi có khá nhiều người Hoa sinh sống. Trong thời gian này, một số phần tử xấu đã gây tình hình phức tạp như đòi nhập quốc

Hoa. Địa chủ bóc lột đầu dây câu kết với phản động trong vùng để chống lại chính quyền cách mạng. Đầu năm 1955, ở thị xã có hiện tượng mê tín, dị đoan lan rộng, hiện tượng bói toán khá phổ biến.

Đứng trước tình hình ấy, để đảm bảo sự vững vàng của chính quyền dân chủ Nhân dân, Chi bộ Đảng thị xã đã phối hợp với các đoàn thể, mặt trận, các cấp, các ngành lãnh đạo Nhân dân ổn định chính trị, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Trong những ngày lễ lớn của đất nước: ngày thành lập Đảng (03/02), ngày Quốc tế lao động (01/5), ngày sinh của Bác Hồ (19/5), thị xã đều tổ chức các cuộc mít tinh. Trong tỉnh Bắc Kạn, thị xã là nơi diễn ra các cuộc mít tinh mừng các ngày lễ lớn rầm rộ và đều nhất. Qua đó, người dân càng hiểu rõ trách nhiệm của mình đối với việc củng cố chính quyền, đề cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Thị xã đã tổ chức mít tinh hưởng ứng phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ; chống trò hề “trung cầu dân ý” và bầu “Quốc hội” riêng rẽ ở miền Nam của chính quyền Mĩ - Diệm. Cuộc mít tinh này có 860 người tham dự, gửi kiến nghị cho Ủy ban quốc tế giám sát thi hành hiệp định đình chiến. Ngày 20/11/1956, Chi bộ lãnh đạo tổ chức hơn 1.000 người gồm học sinh, bộ đội, Nhân dân mít tinh chào mừng Đoàn đại biểu Chính phủ Trung Quốc, do Thủ tướng Chu Ân Lai dẫn đầu, sang thăm Việt Nam, thể hiện tình hữu nghị hai nước Việt Nam - Trung Quốc, góp phần nâng cao tình đoàn kết quốc tế. Thực hiện nhiệm vụ của Đảng, ủng hộ miền Nam, Chi bộ thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đồng bào, cử một đồng chí đi dự lớp “chống Mĩ, cứu nước” của tỉnh, sau đó tổ chức học tập cho 49 cán bộ và 225 đại diện hộ gia đình của các phố; tổ chức các đợt vận động học tập chính trị, làm nhiệm vụ phòng gian, bảo mật; củng cố khối đoàn kết dân tộc.

Thị xã nhận các bê tông bê máy chính quyền của thị xã đã đa số

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

ra mỗi phố một Ủy nhiệm trưởng (thị xã có 4 Ủy nhiệm trưởng) để triển khai các chủ trương, chính sách của Nhà nước. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, chính quyền đã giải quyết việc tranh chấp trong sinh hoạt bằng biện pháp hòa giải, tạo không khí đoàn kết trong Nhân dân.

Nhờ ổn định về chính trị, đồng bào càng hăng hái hơn trong sản xuất, trong xây dựng thị xã. Năm 1955, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng bào thị xã ra sức tăng gia sản xuất.

Trong sản xuất nông nghiệp, vụ xuân đạt kết quả khá, lúa cấy được 20,1 mẫu, vượt kế hoạch 4 mẫu. Diện tích trồng hoa màu đều vượt 100 - 200%. Thị xã đã thành lập Ban lãnh đạo nông nghiệp gồm 10 người, đại diện của các ngành, để chỉ đạo trực tiếp công tác sản xuất ở các khu phố. Đầu năm 1955, do ảnh hưởng của thiên tai, năng suất lúa thấp, thị xã có gần 100 hộ gia đình lâm vào cảnh khó khăn, thiếu đói. Để khắc phục tình trạng này, Chi bộ Đảng, Ủy ban hành chính, Nông hội tích cực vận động Nhân dân tăng gia sản xuất, trồng thêm hoa màu, các loại cây ngắn ngày để cứu đói. Ban lãnh đạo nông nghiệp đã lập ra các tổ đổi công để tương trợ nhau trong việc cày cấy, làm cỏ,... Hình thức đặc biệt phát triển là đổi công trâu. Năm 1955, thị xã có 4 tổ đổi công. Vụ xuân thực hiện đổi công trâu, với 10 con trâu đảm đương cày 21 mẫu lúa, 40 mẫu hoa màu. Đến năm 1957, số tổ đổi công tăng lên 7 tổ.

Nông hội đã hướng dẫn đồng bào sửa chữa mương, phai, dẫn nước chống hạn; trừ sâu hại lúa, màu; làm cỏ, bón phân theo đúng kỹ thuật nông nghiệp. Các phong trào tương thân, tương ái, các quỹ nông hội, quỹ nghĩa thương đã giúp một số đồng bào qua cơn hoạn nạn. Nhiều gia đình đã tự động quyên góp giúp gia đình thương binh, liệt sĩ, người nghèo đói. Các tổ đổi công ưu tiên những gia đình neo người, gặp khó khăn. Tổng sản xuất Đêi Kỳ đã vận động các gia đình trong nông

Bên cạnh những việc làm thiết thực đó, Chi bộ Đảng thị xã đã có những biện pháp đẩy mạnh sản xuất. Nhân kỷ niệm ngày sinh nhật Bác (19/5/1955), chính quyền thị xã phát động một đợt thi đua sản xuất ngắn ngày. Sản xuất nông nghiệp phát triển, tổng sản lượng tăng nhanh. Năm 1955, tổng sản lượng đạt 36,5 tấn. Năm 1956, tổng sản lượng tăng 10% so với năm 1955. Sản lượng ngô đạt 5,74 tấn; sản lượng khoai đạt 6,6 tấn.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm được chú trọng khâu chăm sóc như làm chuồng, phòng bệnh cho trâu, bò, lợn, gà. Đàn gia súc, gia cầm tăng nhanh phục vụ cho sản xuất và đời sống. Năm 1955, đàn trâu, bò của thị xã có 31 con; lợn 205 con; gà, vịt 1.250 con. Đến năm 1967, đàn trâu, bò đã tăng lên 67 con; lợn 642 con; gà, vịt 1.650 con. Tuy nhiên, việc chăn nuôi lợn vẫn chủ yếu ở các gia đình làm nghề nông. Những hộ làm nghề công thương không chú ý đến việc chăn nuôi lợn. Tỷ trọng xuất chuồng thấp, giá thịt lợn ở thị xã còn cao.

Đối với tiểu thủ công nghiệp và thương nghiệp, một mặt thị xã khuyến khích, động viên người dân vào các hợp tác xã; mặt khác hướng dẫn họ hoạt động dưới sự điều tiết của Nhà nước. Thị xã có hai lò rèn hoạt động tốt, cung cấp công cụ sản xuất và các dụng cụ gia đình, đã ký hợp đồng cung cấp hàng cho Mậu dịch quốc doanh. Để thực hiện chính sách công thương, thị xã đã tổ chức cho Nhân dân học tập đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước. Một số hộ đã chuyển hướng sang buôn bán lâm thổ sản, nông cụ. Mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán đã mở quầy hàng ở các phố trong thị xã. Các hợp tác xã đã đáp ứng một phần những yêu cầu cấp thiết cho đồng bào, chống nạn đầu cơ tích trữ, lũng đoạn thị trường của tư thương. Thị xã đã hoàn thành thuế lợi tức: Năm 1956 đạt tỷ lệ tối đa 22%, tối thiểu 16%. Nhân dân phấn khởi, tin tưởng hơn vào chính quyền cách mạng.

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

Cùng với việc ổn định, phục hồi kinh tế, Chi bộ Đảng thị xã đặc biệt quan tâm lãnh đạo xây dựng đời sống văn hóa - xã hội. Trường phổ thông cấp I được xây dựng ở các phố. Năm 1955, thị xã đã huy động được 2.000 công, xây dựng 4 trường cấp I có từ lớp 1 đến lớp 4. Năm 1957, số học sinh vỡ lòng, học sinh cấp I có 300 em đến trường. Thị xã đã có một trường cấp II thu hút cả học sinh ở vùng lân cận, có cả học sinh người Tày, Nùng, Hoa,... đến học. Đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân thị xã, một trường dân lập được thành lập (gồm 2 lớp 5 đặt tại trường cấp II thị xã).

Tuy nhiên, thời gian này, kết quả học tập của học sinh chưa cao. 107 học sinh thi tốt nghiệp cấp II chỉ đỗ 38 em (thi lại lần 2). Để nâng cao chất lượng dạy và học, Chi bộ thị xã chỉ đạo chấn chỉnh lại công tác giáo dục: Vận động học sinh đi học đầy đủ, khuyến khích các giáo viên dạy tốt, nhiệt tình. Nhờ vậy, chất lượng giáo dục có tăng lên. Số học sinh đạt học lực trung bình ở cấp II là 60%; cấp I là 65% (năm 1957). Thị xã thực hiện tăng cường lực lượng trẻ khỏe cho sản xuất, chuyển một số học sinh học hết cấp II về sản xuất. Lúc đầu, một số học sinh hoang mang, không yên tâm học tập với tư tưởng học xong lại về địa phương sản xuất là xấu. Sau khi thị xã mở đợt tuyên truyền, nói rõ mục đích, các em học sinh cấp II đã ổn định tư tưởng, phấn đấu học tập tốt hơn.

Song song với giáo dục phổ thông, phong trào bổ túc văn hóa, bình dân học vụ ở thị xã diễn ra sôi động. Mỗi phố có một lớp học bình dân (1955). Ban ngày, mọi người hăng hái sản xuất, ban đêm đốt đèn đi học bình dân. Kết quả là 99/150 người đạt trình độ sơ cấp (1956). Lớp 1 (bổ túc) có 157/249 người tham gia. Năm 1957, thị xã phát động đồng bào học tập thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bình dân học vụ. Những buổi học tập về ý nghĩa phong trào bình dân học vụ; về nhiệm

xã. Các hình thức thi đua trong học tập, tổ chức các nhóm học tập diễn ra khắp các khu phố. Phong trào đã phát triển lên một bước. Năm 1957, sơ cấp có 10 lớp, 2 nhóm; lớp 1 đã có 5 lớp với 69 người; lớp 2 có 3 lớp với 32 người đạt yêu cầu. Số lượng giáo viên tăng so với năm trước. Nhiều giáo viên tích cực trong công tác giảng dạy như ông Đỗ Đức Dương,... Phong trào bình dân học vụ đã thu hút đa số đồng bào trong thị xã tham gia. Nhiều cụ cao tuổi, nhiều người có hoàn cảnh túng thiếu (phải kiếm củi bán lấy tiền mua sách) vẫn hăng hái đi học¹. Tuy nhiên, ở thị xã, việc học tập bổ túc văn hóa chưa thực sự trở thành phong trào quần chúng rộng rãi, còn bị gò ép trong một thời gian nhất định; số người ở các cơ quan tỉnh, ngành đóng trên địa bàn thị xã đi học chưa đông đủ.

Các hoạt động văn hóa, xã hội được Chi bộ và Ủy ban hành chính thị xã triển khai, hoạt động sôi nổi. Năm 1955, thị xã chỉ có một đội văn nghệ phục vụ đồng bào. Đến năm 1956, mỗi phố đã tổ chức một nhóm văn nghệ. Nhân dịp tết Nguyên đán, phố Đội Kỳ đã tổ chức diễn kịch phục vụ đồng bào. Hoạt động thể dục, thể thao cũng được đẩy mạnh. Buổi sáng, tại các phố, thanh thiếu niên tập thể thao, thể dục. Hằng tháng, các phố đều tổ chức tổng vệ sinh đường phố, ngõ vườn, khơi thông cống rãnh. Tình trạng gia súc, gia cầm thả rông ngoài đường phố ít đi. Các hủ tục, tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè giảm bớt. Những hình thức, nội dung văn hóa mới đang được hình thành và phát triển.

Chi bộ Đảng, Ủy ban hành chính đã quan tâm đến công tác bảo vệ sức khỏe Nhân dân. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được đẩy mạnh bằng các hình thức: Tổ chức các buổi nói chuyện, treo áp phích, khẩu hiệu ở các nơi công cộng như trường học, cơ quan, công trường; tổ

¹ Cụ Trần Thị Hai tuổi cao, thực hiện lời dạy của Bác còn sống còn học tập, cụ vẫn

chức, duy trì các buổi tổng vệ sinh diệt ruồi, muỗi để tránh các bệnh lây truyền như bệnh cúm, bệnh tả. Năm 1957, thị xã đã lập Ban Phòng bệnh. Phong trào ăn sạch, ở sạch, dùng nước sạch, uống nước đun sôi được phát động trong toàn thị xã. Đồng bào thực hiện tốt việc phòng bệnh. Trên địa bàn thị xã, có một bệnh viện cấp tỉnh, Nhân dân bị bệnh kịp thời được điều trị nên đây lùi được một số bệnh dịch lây truyền¹.

Chỉ trong vòng 2 năm sau hòa bình, bộ mặt thị xã đã có nhiều thay đổi. Công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế thu được kết quả tốt. Cuộc sống của người dân tạm ổn định do trong kháng chiến Chính phủ có chính sách giảm tô, giảm tức, tạm cấp, tạm giao ruộng đất cho nông dân. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ thị xã, nông dân tiếp tục cuộc đấu tranh giai cấp nhằm xóa bỏ hoàn toàn hình thức bóc lột phong kiến. Theo báo cáo của Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Kạn, thị xã có 3 địa chủ, 4 phú nông, sau cải cách đều được xuống thành phần.

Cải cách ruộng đất đã hoàn thành căn bản. Trong khi tiến hành, thị xã đã mắc một số sai lầm như đánh giá quá cao thế lực địa chủ; đấu tố tràn lan, không dựa vào tổ chức Chi bộ Đảng; quy sai thành phần một số gia đình. Đây là tình trạng chung ở các địa phương.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về việc kiên quyết sửa sai và Chỉ thị số 1043-TTg ngày 09/9/1956 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc xét và giải quyết những trường hợp bị xử trí oan trong cải cách ruộng đất”, thị xã đã tổ chức học tập quán triệt trong cán bộ, đảng viên. 19/20 đảng viên đã tham dự. Ban Sửa sai của thị xã được thành lập, gồm đại diện của nhiều ban ngành: Chi bộ có 5 người; Ủy ban hành chính có 4 người; Thị đội có 4 người; Nông hội có 5 người; Hội Phụ nữ có 6 người; Ban Công an có 2 người. Sau khi phổ biến cho cán bộ, Nhân dân hiểu rõ tính chất và tầm quan trọng của công tác sửa sai,

Ban Sửa sai thị xã đã minh oan cho những người bị quy sai, trong đó có 3 trường hợp được xác định là không phải địa chủ, 4 trường hợp được hạ thành phần xuống trung nông và thương nhân, phục hồi đảng tịch và công tác cho một đồng chí. Ở thị xã, không có việc tịch thu tài sản của địa chủ nên trong sửa sai không có khoản đền bù.

Trong quá trình cải cách, sửa sai, các hoạt động của thị xã vẫn phát triển đều. Những người được sửa sai phấn khởi, tin tưởng vào đường lối của Đảng, nguyện suốt đời tận tụy với sự nghiệp cách mạng. Công tác sửa sai thu được thắng lợi. Cán bộ, đảng viên, Nhân dân thông cảm, đồng tình. Phố xá trở lại cuộc sống yên vui, ổn định, từng bước phát triển.

Trong công tác xây dựng lực lượng vũ trang, sau khi học tập Nghị quyết của Tổng Quân ủy, Ban Chỉ huy quân sự thị xã đã đưa những người chây lười, vô kỷ luật ra khỏi hàng ngũ bộ đội, dân quân du kích. Năm 1955, có 93 người trong quân đội (có 19 dân quân). Sau khi sửa sai, Thị đội đã phục hồi danh dự, công tác cho 9 dân quân du kích, trong đó có Thị đội trưởng và 3 cán bộ tiểu đội. Lực lượng vũ trang của thị xã ngày càng được hoàn thiện, nâng cao về chất lượng và số lượng. Các đội du kích thay phiên nhau đi tuần phòng đường phố, canh gác, bảo vệ các cuộc hội họp của Đảng và chính quyền, các buổi biểu diễn văn nghệ, chiếu phim phục vụ quần chúng.

Trước đây, trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Đảng và Nhà nước đã lập thành các khu, liên khu. Sau hòa bình lập lại, các liên khu giải thể. Để tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc và tạo điều kiện cho các dân tộc ở Việt Bắc tiến bộ mau chóng về mọi mặt, Đảng và Chính phủ chủ trương thành lập Khu tự trị Việt Bắc. Chấp hành chủ trương của Trung ương và của Đảng bộ tỉnh, Chi bộ thị xã Bắc Kạn tham gia thành lập Khu tự trị Việt Bắc.

huyện Yên Bình), Thái Nguyên (trừ hai huyện Phổ Yên, Phú Bình) và huyện Hữu Lũng của tỉnh Bắc Giang¹. Từ đây, thị xã Bắc Kạn có thêm sự chỉ đạo của Khu ủy Khu tự trị Việt Bắc.

Việc thành lập Khu tự trị Việt Bắc tuy bước đầu tạo nên bầu không khí hồ hởi, phấn khởi trong Nhân dân các dân tộc ở Việt Bắc; nhưng sau đó bộc lộ một số nhược điểm nên đến năm 1976, sau 20 thành lập, Đảng quyết định giải thể Khu tự trị Việt Bắc. Các tỉnh thuộc Khu, trong đó có tỉnh Bắc Thái trở lại trực thuộc Trung ương.

Trong quá trình lãnh đạo xây dựng thị xã, Chi bộ Đảng luôn chú ý đến công tác xây dựng Đảng, mở các lớp học tập ngắn ngày, bồi dưỡng cho đảng viên về tư tưởng, lập trường cách mạng, làm cho cán bộ, đảng viên thêm tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, gương mẫu đi đầu trong mọi phong trào. Chi bộ thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt (mỗi tháng một kỳ), kịp thời lãnh đạo quần chúng thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng. Từ hoạt động thực tế, tổ chức Đảng thị xã ngày càng được củng cố, kiện toàn. Năm 1956, Ban Chi ủy có 3 đồng chí, đến năm 1957, tổ chức bầu lại Ban Chi ủy gồm 5 đồng chí. Chi bộ đã đúc rút được một số kinh nghiệm bước đầu trong lãnh đạo chính trị, tư tưởng, đời sống, văn hóa,... Nhờ đó, năng lực lãnh đạo của Chi bộ được nâng cao, sức chiến đấu của đảng viên được tăng cường. Đó là thuận lợi cơ bản để tổ chức Đảng thị xã vững bước vào thời kỳ mới.

II. Cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế - văn hóa (1958 - 1960)

Căn cứ vào tình hình đất nước, Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ cơ bản cho miền Bắc là: Đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, trọng tâm là cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá

thể trong nông nghiệp, thợ thủ công và thành phần kinh tế tư bản tư doanh. Kế hoạch 3 năm (1958 - 1960) cải tạo xã hội chủ nghĩa với khâu then chốt là phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, phát triển sản xuất nông nghiệp nhằm giải quyết vấn đề lương thực, trên cơ sở đó nâng cao một bước đời sống vật chất và văn hóa cho Nhân dân.

Tháng 8/1958, Bác Hồ lên Bắc Kạn thăm cán bộ, chiến sĩ, đồng bào. Bác nói chuyện với đại biểu của Nhân dân địa phương tại hội trường của tỉnh về nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 của Trung ương Đảng (11/1958), Hội nghị đại biểu Tỉnh Đảng bộ Bắc Kạn (01/1959) ra Nghị quyết: Đến vụ mùa năm 1959, mỗi huyện, thị xã phải đảm bảo 3/4 số xã có ít nhất 1 hợp tác xã. Đến quý IV năm 1959, có 1/3 nông hộ vào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp; mỗi huyện phải có từ 8 đến 10 hợp tác xã bậc cao; đồng thời chú trọng củng cố cho vững các hợp tác xã đã xây dựng. Riêng vùng cao, tỉnh chỉ đạo mỗi huyện xây dựng thí điểm mỗi nơi một hợp tác xã để rút kinh nghiệm. Tới quý IV năm 1959, mỗi huyện phải có từ 2 đến 6 hợp tác xã rẻo cao¹.

Kinh tế chủ yếu ở thị xã Bắc Kạn là tự cấp, tự túc, gồm nhiều thành phần kinh tế cá thể: nông dân, thợ thủ công, tiểu thương, tiểu chủ. Do đó, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa theo chủ trương của Trung ương là một việc làm cần thiết nhưng rất khó khăn, phức tạp.

Để kiện toàn bộ máy chính quyền, tháng 3/1959, thị xã đã tổ chức bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp. Thị xã được tỉnh chọn làm điểm nên việc thực hiện bầu cử theo đúng từng bước quy định, đảm bảo thời gian. Cán bộ, đảng viên, Nhân dân đều thấy rõ ý thức trách nhiệm của mình, hiểu được quyền lợi, nghĩa vụ đối với việc bầu cử, kết quả có 1.799/2.179 cử tri đi bỏ phiếu. Đợt bầu cử Hội đồng Nhân dân thị xã

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

thu được thắng lợi, Nhân dân đi bầu cử phần khởi, dân chủ, khách quan theo chế độ phổ thông đầu phiếu. 21 đại biểu trúng cử, gồm nhiều thành phần dân tộc (Kinh, Tày, Hoa) và nhiều thành phần xã hội (bàn nông, trung nông, tiểu tư sản, công chức...), tỷ lệ đảng viên trong Hội đồng Nhân dân chiếm gần 50%, có một số ủy viên Hội đồng là nữ. Ngày 05/5/1959, Hội đồng Nhân dân cử ra Ủy ban hành chính thị xã gồm 5 ủy viên.

Song song với kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền, Chi bộ thị xã lãnh đạo các ngành, các cấp, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương nghiệp.

Để triển khai công tác này, Chi bộ đã phân công từng đảng viên, cán bộ cốt cán ở các ngành, các cấp đi sâu, đi sát quần chúng, thực hiện tuyên truyền, vận động quần chúng vào tổ đổi công và hợp tác xã. Thị xã có 3 phố sản xuất nông nghiệp. Phố Đội Kỳ có tổ đổi công phát triển nhất đã được chuyển lên hợp tác xã. Ở hai phố Đức Xuân và Đội Thân, một số hộ vẫn chưa vào tổ đổi công. Thị xã đã cử ra mỗi phố một Ban Vận động gồm 7 người để vận động, thuyết phục bà con vào con đường làm ăn tập thể, từ các tổ sản xuất, tổ đổi công tiến lên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Đến hết quý III năm 1958, thị xã có 8 tổ đổi công với 82 hộ; sang năm 1959 có 90 hộ vào tổ đổi công. Thị xã đã tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng đội ngũ tổ trưởng tổ đổi công, cán bộ Nông hội để nâng cao vai trò lãnh đạo quản lý tổ đổi công và làm nòng cốt trên mặt trận sản xuất nông nghiệp. (Năm 1958, thị xã đã tổ chức một lớp học bồi dưỡng quản lý trong 3 ngày, có 25 người tham dự). Năm 1959, diện tích gieo cấy đều vượt kế hoạch (diện tích lúa Nam Ninh cấy được 26 mẫu, vượt 4 sào). Diện tích trồng các loại hoa màu đạt kế hoạch. Ngô trồng được 137 ồng; sắn trồng được 33.000 gốc; khoai lang trồng được 24 mẫu. Trâu, bò được chăm sóc và bảo vệ tốt; chỉ riêng đàn lợn chưa

Ngày 11/4/1960, Chi bộ thị xã họp bàn về phương hướng sản xuất nông nghiệp năm 1960; về củng cố, phát triển tổ đổi công, vận động nông dân vào tổ đổi công và hợp tác xã. Các tổ chức Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ có kế hoạch vận động bà con vào tổ đổi công. Để có năng suất cao, thị xã mở các lớp huấn luyện, phổ biến cho chị em phụ nữ kỹ thuật cấy kịp thời vụ, cấy dày, làm cỏ, trừ sâu,... Công tác thông tin tuyên truyền cho sản xuất được đẩy mạnh. Công tác thủy lợi như đào mương, phai, đắp đập, làm hồ, ao giữ nước cũng được chú ý. Thực hiện phương hướng đề ra, năm 1960, sản xuất nông nghiệp của thị xã có bước phát triển, bảo đảm kế hoạch chăn nuôi, củng cố phát triển mạnh tổ đổi công. Cuối năm 1960, với việc thành lập được 2 hợp tác xã nông nghiệp là Đội Thân và Đức Xuân, thị xã đã có 104 hộ gồm 467 khẩu vào hợp tác xã, tổ đổi công, đạt 88,3% tổng số hộ nông dân.

Cùng với cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, công thương nghiệp cũng được tiến hành cải tạo. Chính quyền thị xã đã tổ chức cho các hộ công thương nghiệp học tập chính sách của Nhà nước. Riêng năm 1960, thị xã đã tổ chức cho 404 người học tập, chiếm 80% hộ công thương nghiệp. Qua tổ chức học tập và qua thực tế một số hộ đi vào con đường làm ăn tập thể, các thợ thủ công và tư thương đều nhận thấy vào hợp tác xã là cần thiết. Họ không còn bị chèn ép. Nhiều người tự nguyện xin vào hợp tác xã mua bán, hợp tác xã thủ công¹. Các tổ, hộ còn lại qua kiểm tra, thị xã cấp giấy đăng ký kinh doanh, giúp họ hình thành các tổ công thương hoạt động dưới sự hướng dẫn của chính quyền. Đến cuối năm 1960, toàn thị xã có 11 hợp tác xã thủ công với 88 hộ.

Trong cải tạo công thương nghiệp, có 5 hộ thành phần tư sản đã được cải tạo. Hộ in Xuân Thu được đưa vào hợp tác xã hoạt động dưới

¹ Cuối năm 1959, thị xã đã có các tổ sản xuất thủ công nghiệp, thương nghiệp dịch vụ

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

sự lãnh đạo của phòng Văn hóa thị xã; 3 hộ thương nghiệp đã đi vào công tư hợp doanh. Một số hộ vốn ít vẫn kinh doanh cá thể. Tính đến cuối năm 1960, thị xã đã đưa 94,11% số hộ tiểu thương vào con đường làm ăn tập thể.

Trong giao thông vận tải, theo kế hoạch của tỉnh, sau khi được tuyên truyền vận động, những người làm nghề vận tải thô sơ đã tập trung phương tiện (xe trâu, xe ngựa, thuyền, bè,...) để lập những hợp tác xã vận tải. Tỉnh đã thành lập thí điểm ở thị xã một hợp tác xã vận tải đường bộ gồm 44 xe, bước đầu tiến triển tốt. Thấy rõ sự ưu việt của con đường làm ăn tập thể, đến năm 1960, 100% hộ có phương tiện vận tải thô sơ vào hợp tác xã vận tải và hoạt động tốt.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế tư nhân đã căn bản hoàn thành. Hình thức bóc lột tư bản chủ nghĩa bị xóa bỏ, không còn chỗ đứng để phát sinh. Kinh tế xã hội chủ nghĩa đang hình thành, chiếm ưu thế trong toàn bộ nền kinh tế thị xã.

Cùng với sự phát triển về kinh tế theo hướng xã hội chủ nghĩa, sự nghiệp văn hóa, giáo dục xã hội chủ nghĩa cũng được chú trọng thực hiện và có những bước tiến quan trọng. Các hoạt động văn hóa được đẩy mạnh.

Công tác thông tin, truyền thanh, văn nghệ đều hướng vào việc phục vụ sản xuất, giác ngộ cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ban Thông tin thị xã (thành lập tháng 4/1958) hoạt động có hiệu quả. Giáo dục chính trị, phổ biến khoa học kỹ thuật, vệ sinh thường thức, phổ biến nếp sống mới... đã có tác dụng hướng dẫn cán bộ và đồng bào thị xã xây dựng ý thức làm chủ, xây dựng cách sống mới, đạo đức xã hội chủ nghĩa; chống mọi biểu hiện tư tưởng tư sản, theo đế quốc, phong kiến; khắc phục mọi biểu hiện cá nhân chủ nghĩa, bài trừ tư tưởng lạc hậu, mê tín, dị đoan.

Công tác giáo dục đã đạt nhiều thành tích. Nạn mù chữ từng bước được thanh toán. Đến năm 1960, thị xã có 90% dân số trong độ tuổi xóa nạn mù chữ đã biết chữ. Ngành bổ túc văn hóa được mở rộng. Các ngành, các giới tích cực vận động người dân (từ 12 đến 50 tuổi) đi học. Chính quyền thị xã đã bố trí các giáo viên dạy nhiều thời gian khác nhau để tất cả người dân có thể theo học. Phong trào bổ túc văn hóa phát triển ngày một sôi nổi. Năm 1958, thị xã có 17 lớp sơ cấp, gồm 111 học viên; 5 lớp 1 với 59 học viên; 2 lớp 2 với 17 học viên. Đến năm 1958, số người mù chữ trên địa bàn thị xã chỉ còn 21 người. Năm 1959, thị xã được Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc tặng bằng khen. Trong toàn tỉnh, số người vùng cao được thanh toán mù chữ là 3.517 người, trong đó có sự đóng góp đáng kể của thị xã. 12 người ở thị xã xung phong lên vùng cao diệt dốt. Cấp học phổ thông phát triển đáng kể. Số lượng học sinh tăng nhanh. Năm học 1958 - 1959, vỡ lòng có 100 học sinh; năm học 1959 - 1960 có 169 học sinh. Năm học 1960 - 1961, cấp I đã có 10 lớp với 428 học sinh.

Đội văn nghệ của thị xã thường xuyên biểu diễn nhân dịp Tết hay lễ hội, ca ngợi quê hương đất nước, hoặc động viên phong trào quần chúng Nhân dân. Đội đã tổ chức nhiều buổi biểu diễn lấy tiền ủng hộ đồng bào vùng cao đói nghèo hay bị thiên tai.

Phong trào thể dục, thể thao của thị xã sôi nổi, có nhiều buổi tập luyện và thi đấu. Nếp sống văn hóa thể thao lành mạnh đã được phát động trong toàn thị xã.

Công tác y tế, phong trào ăn sạch, uống sạch, ở sạch được triển khai rộng rãi. Tủ thuốc ở các phố được duy trì. Công tác phòng bệnh tốt. Hàng năm, thị xã tổ chức phun thuốc diệt muỗi, ruồi, tổng vệ sinh các nơi công cộng. Năm 1960, ngành y tế thị xã tổ chức thau rửa các giếng nước ăn công cộng, với 703 người tham gia. Nhiều đạt phát động

khang trang, các bệnh hiểm nghèo được đẩy lùi. Trong năm 1958, y tế thị xã đã tổ chức khám chữa bệnh cho 1.170 người. Năm 1960, tiêm phòng bệnh tả cho 415 người.

Để thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng quân đội và củng cố quốc phòng, thị xã đã có sự chỉ đạo sát sao trong việc xây dựng lực lượng hậu bị, củng cố dân quân tự vệ và thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự. Cấp ủy thị xã đã phân công Chi ủy viên chuyên trách về quân sự; thường xuyên củng cố Ban Chỉ huy thị đội, trung đội và tiểu đội; giáo dục ý thức quốc phòng toàn dân. Toàn thị xã có 3 trung đội dân quân tự vệ. Các lớp huấn luyện về kỹ thuật quân sự cho dân quân, tự vệ, du kích được mở. Năm 1958, thị xã đã tổ chức huấn luyện cho du kích với 3 nhiệm vụ: Tham gia quân sự quốc phòng; tiêu diệt thổ phỉ, biệt kích, trấn áp phần tử phá hoại, giữ gìn trật tự trị an; và bảo vệ sản xuất. Thị xã tổ chức thực hiện tốt nghĩa vụ quân sự. Đối với kế hoạch tỉnh giao, năm nào thị xã cũng đạt và vượt mức. Năm 1959, tỉnh giao chỉ tiêu 10 người, thị xã tuyển chọn được 15 người; năm 1960, tuyển được 9 thanh niên vào bộ đội.

Chi bộ Đảng thị xã đã duy trì nền nếp sinh hoạt định kỳ mỗi tháng một lần. Tiến hành củng cố tổ chức Đảng ở các khu phố. Đảng viên đấu tranh tự phê bình và phê bình tốt, nhờ đó, tinh thần đoàn kết nội bộ, ý thức vươn lên của đảng viên trong chi bộ ngày càng cao. Tháng 8/1959, 21 đảng viên của chi bộ đã tổ chức bầu Ban Chi ủy mới gồm 5 đồng chí¹. Chi bộ thị xã đã kiện toàn về mặt tổ chức. Các phố đều thành lập tổ Đảng. Trong năm 1959 - 1960, thị xã có 3 tổ Đảng (tổ 1 ở phố Đội Kỳ có 11 đồng chí; tổ 2 ở phố Đội Thân có 5 đồng chí; tổ 3 ở phố Đức Xuân và Chí Kiên có 5 đồng chí).

Chất lượng đảng viên trong chi bộ được nâng cao. Tháng 4/1960, Đại hội Chi bộ thị xã đã bầu lại Ban Chi ủy¹, củng cố lại tổ Đảng ở các khu phố, cử đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn và đề ra nhiệm vụ tuyên truyền, bồi dưỡng một số đối tượng để phát triển Đảng.

III. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ I, góp phần cùng cả nước chống Mĩ, cứu nước trong những năm 1960 - 1967

Tháng 9/1960, Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội III đã đề ra nhiệm vụ cơ bản của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới là đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Về cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đại hội khẳng định: “Miền Bắc nước ta có đủ điều kiện vượt qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội”. Đại hội đề ra đường lối chung để đưa miền Bắc nước ta tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội và giao cho “Ban Chấp hành Trung ương có nhiệm vụ định ra kế hoạch 5 năm lần thứ I (1961 - 1965), nhằm mục tiêu phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa”.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội III, Đại hội đại biểu Khu tự trị Việt Bắc lần thứ 2 đề ra nhiệm vụ của khu là: “Phát huy truyền thống đoàn kết, đấu tranh anh dũng, lao động cần cù của Nhân dân các dân tộc trong khu để đưa Khu tự trị Việt Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước miền núi tiến kịp miền xuôi, các dân tộc thiểu số tiến kịp các dân tộc đa số, vùng cao tiến kịp vùng thấp, biên giới tiến kịp nội địa, vùng hẻo lánh tiến kịp vùng tập trung, xây dựng đời sống Nhân dân ấm no hạnh phúc, góp phần xây

dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thành cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh giành thống nhất nước nhà”.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng, Nghị quyết các Hội nghị Trung ương và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Khu tự trị Việt Bắc, Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn đã họp và ra Nghị quyết chỉ rõ: “Nhiệm vụ chung của kế hoạch 5 năm lần thứ I ở tỉnh ta là tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội và làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp, ra sức phát huy tinh thần đoàn kết, phấn đấu anh dũng và lao động cần cù của Nhân dân các dân tộc. Trên cơ sở những thắng lợi đã giành được, khắc phục những khó khăn, khuyết điểm, đẩy mạnh thi đua, tập trung lực lượng toàn Đảng, toàn dân phát triển sản xuất mà nhiệm vụ trung tâm là sản xuất nông nghiệp, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, do đó mà nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo nhu cầu ngày càng tăng của Nhà nước và Nhân dân”. Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh là kim chỉ nam cho thị xã thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ I.

Trong nông nghiệp, thực hiện phương châm phát triển nông nghiệp “toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc” là cần thiết, làm cơ sở cho công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, thị xã phát động phong trào thi đua sản xuất cấy hết diện tích, đảm bảo năng suất cao. Trong năm 1961, diện tích gieo cấy lúa đều đạt hoặc vượt kế hoạch. Diện tích gieo cấy lúa Nam Ninh là 26,5 mẫu (kế hoạch là 22,5 mẫu); diện tích gieo cấy lúa mùa là 43 mẫu (kế hoạch là 42 mẫu). Nhờ có sự quan tâm sát sao của Chi bộ Đảng, các cấp, các ngành nên kỹ thuật gieo trồng (đặc biệt là việc trồng lúa) có nhiều bước tiến mới: Công cụ cải tiến được đưa vào sản xuất, phân bón, thủy lợi được chú trọng. Thị xã còn tổ chức các hội nghị chuyên đề về cải tiến công cụ sản xuất, phát huy

Đội Kỳ làm được một guồng nước mới để đưa vào sản xuất). Với những việc làm thiết thực đó, trong nông nghiệp, năng suất lúa ngày càng tăng. Năm 1961, năng suất bình quân của thị xã là 3.500 kg/ha đạt 91,1% kế hoạch, vượt trội so với năng suất bình quân toàn tỉnh (năng suất bình quân toàn tỉnh là 2.064 kg/ha). Chăn nuôi ngày càng phát triển. Thị xã tổ chức các hội nghị chuyên đề về chăn nuôi; điều chỉnh giá trâu, bò, lợn hợp lý theo hướng có lợi cho người chăn nuôi; tổ chức chăm sóc trâu, bò như làm chuồng mới, sửa chữa chuồng, tránh rét cho trâu, bò; thức ăn trâu, bò được chú trọng. Vì thế, số lượng trâu, bò, nghé chết vì đói, rét đã giảm. Đàn gia súc, gia cầm tăng lên qua các năm. Năm 1961, đàn trâu, bò của thị xã có 82 con; đàn lợn có 997 con; đàn gia cầm có 2.780 con. Sang năm 1962, đàn trâu, bò có 87 con; đàn lợn 1.108 con và đàn gia cầm 2.195 con. Năm 1964, đàn trâu có 88 con (đạt 100% kế hoạch); đàn bò có 4 con (đạt 100% kế hoạch); đàn lợn 1.279 con, xuất chuồng được 17.500 kg lợn hơi; đàn gia cầm có 4.860 con. Cùng trong năm 1964, thị xã thí điểm nuôi tằm đã có kết quả.

Bên cạnh việc phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, Chi bộ Đảng thị xã và các cấp chính quyền còn coi trọng phong trào hợp tác hóa thủ công nghiệp, tiểu thương nghiệp. Những người lao động thủ công, buôn bán nhỏ,... được giác ngộ về chủ trương cải tạo, tự nguyện xin gia nhập hợp tác xã sản xuất thủ công, các cơ sở kinh doanh phục vụ sản xuất và thương nghiệp có tổ chức, để cùng toàn dân xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Năm 1962, thị xã có 14 hợp tác xã với 110 hộ (còn 5 hộ làm ăn cá thể). Sáu tháng đầu năm 1963, thị xã thành lập thêm 2 hợp tác xã thủ công, thương nghiệp. Đến những năm cuối của kế hoạch 5 năm lần thứ I, thị xã đi vào xây dựng và củng cố hợp tác xã là chính. Bộ máy quản lý các hợp tác xã được kiện toàn qua các đại hội xã viên. Một số ngành

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

1964 - 1965, thủ công nghiệp đã có 17 hợp tác xã với 529 xã viên. Thị xã thực hiện bán sản phẩm nông nghiệp chế biến cho Nhà nước. Kết quả bán được: 8.290 kg sản khô, 1.840 kg lạc, 25 kg đỗ xanh và 7.540 kg lợn hơi (chỉ tiêu là: 10 tấn sản khô; 2 tấn lạc; 50 kg đỗ xanh; 19 tấn lợn hơi).

Công tác phát triển rừng được thực hiện bằng việc trồng các loại cây công nghiệp, cây ăn quả. Trong 2 năm (1961 - 1962), thị xã trồng được 8.391 cây ăn quả. Tuy nhiên, diện tích canh tác ít, dân số tăng nhanh; mặt khác vì nhu cầu chất đốt ngày càng nhiều, trong khi việc quy hoạch rừng không được chú ý, nên nạn phá rừng gây ảnh hưởng xấu đến vấn đề môi trường, môi sinh. Để khắc phục tình trạng này, bên cạnh việc đẩy mạnh trồng cây gây rừng, chính quyền thị xã đề nghị ty lâm nghiệp thu tiền, bán khoán lâm sản đối với những người ở thị xã khai thác gỗ, củi bán. Năm 1964, thị xã có thông tri bảo vệ đồi trúc Km 2 - thị xã Bắc Kạn¹ và nghiêm cấm việc phá rừng bừa bãi. Thị xã tổ chức đội đốn củi chuyên nghiệp, khai thác có kế hoạch để phục vụ nhu cầu chất đốt của Nhân dân.

Trong kế hoạch 5 năm, Đảng và Nhà nước chủ trương di dân miền xuôi lên miền núi. Vì tâm lý và tập quán lâu đời của người dân nơi đi và nơi đến nên việc thực hiện chủ trương này gặp nhiều khó khăn. Thị xã Bắc Kạn là một trong những điểm Trung ương chọn để di dân từ Thái Bình, Hải Hưng lên. Thực hiện chủ trương của tỉnh, thị xã bố trí người di cư ở xen kẽ trong các chòm xóm, vận động Nhân dân giúp đỡ tranh tre làm nhà trên mảnh đất do địa phương bố trí. Di dân miền xuôi khiến dân số thị xã tăng nhanh. Đầu năm 1963, dân số thị xã có 4.784 người, đến cuối năm 1963 dân số tăng lên 5.138 người. Số người mới đến được sắp xếp nơi ăn chốn ở, vào các hợp tác xã nông

ng nghiệp, thủ công nghiệp. Trong tổng số 26 hộ, 71 nhân khẩu, thị xã đã đưa 2 hộ vào hợp tác xã nông nghiệp, 8 hộ vào hợp tác xã thủ công nghiệp, một số hộ còn lại xếp vào các nghề khác. Đời sống tinh thần, vật chất của đồng bào di cư từng bước được ổn định. Một số hộ phát triển khá (có 2 hộ làm được nhà tốt).

Trong thời gian thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ I, điểm nổi bật nhất trong kinh tế thị xã là lĩnh vực nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp phát triển khá. Người nông dân tin tưởng vào con đường làm ăn tập thể. Một số ngành thủ công nghiệp đang hình thành và ngày càng được củng cố theo hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần đáp ứng một phần không nhỏ nhu cầu của người tiêu dùng. Những thành tích trong lĩnh vực kinh tế của thị xã miền núi đang trên đường xây dựng xã hội chủ nghĩa là đáng trân trọng.

Trên cơ sở kinh tế có bước phát triển, sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế cũng được mở mang. Người dân thị xã được tổ chức xem văn nghệ, nghe đài, đọc sách. Những người làm nghề mê tín, dị đoan, nghiện hút được tập trung để tuyên truyền, giáo dục. Tệ cúng bái linh đình giảm nhiều. Khi ốm đau, người dân tin vào việc chữa bệnh bằng thuốc tây. Thị xã tổ chức tốt việc thông tin, kịp thời đưa ra những khẩu hiệu kêu gọi Nhân dân thực hiện các chính sách xã hội. Chính quyền thị xã tổ chức nói chuyện thời sự; phổ biến Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, nạn tảo hôn, hình thức cưới xin rườm rà, tốn kém được giảm bớt. Quy ước nếp sống mới được phổ biến. Phong trào thể dục, thể thao phát triển mạnh. Thị xã đã có các đội bóng đá, bóng chuyền. Năm 1963, thị xã lập một đội bóng bàn. Phong trào thể dục buổi sáng được duy trì đều đặn. Để thúc đẩy phong trào thể dục, thể thao, thị xã lấy hai phố Chí Kiên và Đức Xuân làm điểm, sau nhân rộng toàn thị xã.

uống thuốc phòng chống bại liệt. Năm 1964, công tác y tế, phòng bệnh, chữa bệnh phát triển. Các phòng khám, trạm y tế xã, các đội y tế lưu động được mở rộng, đã tổ chức nói chuyện phòng dịch tả cho 457 người, tiêm chủng cho 1.815 trẻ em, 1.262 trẻ em được uống thuốc phòng bại liệt, khám thai sản cho chị em... Nhờ đó, một số bệnh hiểm nghèo (sốt rét, tả, đậu mùa) căn bản đã bị đẩy lùi. Một số bệnh như sung phổi, kiết lị, đau mắt được ngăn chặn kịp thời.

Chính quyền dân chủ Nhân dân và các tổ chức quần chúng có những bước phát triển mới. Vai trò lãnh đạo của Chi bộ Đảng đã thể hiện vững mạnh về mọi mặt và có uy tín đối với quần chúng, nhất là sau Đại hội Đảng toàn quốc lần III. Hội đồng Nhân dân, chính quyền thị xã được củng cố, xây dựng trên nền tảng liên minh công, nông do Đảng lãnh đạo, thể hiện rõ tính dân chủ, bình đẳng. Ngày 21/4/1963, thị xã tiến hành bầu cử Hội đồng Nhân dân, với tỷ lệ cử tri đi bầu cử đạt 95,27%. Thị xã có một đại biểu vào Hội đồng Nhân dân Khu. Ủy ban hành chính thị xã được kiện toàn gồm 7 ủy viên. Năm 1964, thị xã đã tổ chức học tập chính trị, nghiệp vụ cho toàn thể các ủy viên Hội đồng Nhân dân và đảng viên; một số đồng chí được cử đi học ở Trung ương và tỉnh nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm chấp hành mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Thực hiện tốt cuộc vận động “3 xây, 3 chống” nhằm cải tiến lề lối làm việc; giáo dục Nhân dân ý thức xây dựng chủ nghĩa xã hội, nâng cao hơn nữa ý thức bảo vệ chính quyền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Thị xã thường xuyên tổ chức học tập các luật về giao thông, về nếp sống mới, bước đầu đem lại kết quả tốt. Việc quản lý hộ khẩu đã đi vào nền nếp. Công tác trật tự, an ninh nhằm bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của Nhân dân, ngăn ngừa tội phạm được triển khai thường xuyên và được Nhân dân ủng hộ. Nhiều gia đình ở xa 2-3 km, không quản đêm hôm, khi phát hiện kẻ

củng cố lực lượng dân quân, tự vệ, bảo vệ. Các đội tự vệ được kiện toàn và hoạt động hiệu quả.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, công tác Mặt trận được đẩy mạnh. Nhiệm vụ của Mặt trận là tiếp tục vận động, giáo dục các tầng lớp Nhân dân thị xã thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ: Xây dựng hợp tác xã, phát triển sản xuất, văn hóa,...

Công tác thanh niên được cấp ủy quan tâm và đặt đúng vị trí. Ngoài sản xuất, thanh niên còn tham gia các công tác quan trọng khác về văn hóa, xã hội, bổ túc văn hóa. Tuy nhiên, thị xã vẫn chưa lập được ban phụ trách thiếu niên, nhi đồng.

Hội Phụ nữ thị xã có nhiều hình thức vận động hội viên và Nhân dân tích cực tham gia sản xuất, gửi tiền tiết kiệm, học bổ túc văn hóa và chấp hành tốt các chính sách của Chính phủ.

Với hệ thống chính trị được củng cố vững mạnh, thị xã luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ đột xuất của Ủy ban hành chính tỉnh. Trong năm 1962, tỉnh phát động một tháng hưởng ứng ủng hộ An-giê-ri, giúp đỡ đồng bào vùng cao. Ủy ban hành chính thị xã phát động toàn dân hưởng ứng bằng nhiều hình thức như ủng hộ tiền hoặc ngày công,... Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, trật tự trị an trong thị xã có bước tiến triển tốt. Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ I, Chi bộ Đảng thị xã Bắc Kạn đã nhận thức rõ mối quan hệ và tác dụng của các cuộc cách mạng: Cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng văn hóa - tư tưởng; trong đó, cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội là cuộc đấu tranh quyết liệt giữa con đường xã hội chủ nghĩa với con đường tư bản chủ nghĩa.

Trên lĩnh vực nông nghiệp, một mặt, thị xã chú trọng đẩy mạnh sản xuất, mặt khác thúc đẩy phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp là rất mới đối với một thị xã miền núi như Bắc Kạn. Nơi đây cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội còn thấp; trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật của xã viên còn yếu; trình độ quản lý hợp tác xã của cán bộ còn non kém... Tất cả những yếu tố đó khiến cho phong trào hợp tác hóa chưa toàn diện, đều khắp. Dưới ánh sáng của Nghị quyết Trung ương và Tỉnh ủy, Chi bộ thị xã chủ trương củng cố một bước các hợp tác xã.

Việc đầu tiên là tiến hành sinh hoạt chính trị, đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục trong cán bộ, đảng viên và bà con xã viên ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa. Năm 1961, thị xã tổ chức học tập về “4 xây, 4 chống” cho toàn thể xã viên hợp tác xã, 90% số xã viên tham dự; học tập thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh... Nhờ cuộc sinh hoạt chính trị, mùa thu năm 1961, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp có chuyển biến tốt. Cuối năm 1961 đầu năm 1962, thị xã có 3 hợp tác xã với 107 hộ; đến cuối năm 1962 đã có 118 hộ¹. Tiếp đó, các cấp ủy, ủy ban lãnh đạo cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật trong các hợp tác xã nông nghiệp. Thị xã lấy Hợp tác xã Đội Kỳ làm thí điểm. Cuối năm 1963, Hợp tác xã Đội Kỳ đã tổ chức học tập cho các cán bộ là chủ nhiệm, đội trưởng để thực hiện tốt cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật. Cải tiến quản lý có ba nội dung chủ yếu (gọi tắt là 3 quản) đã được quán triệt: cải tiến quản lý lao động; cải tiến quản lý vốn và cải tiến quản lý kế hoạch. Qua thí điểm, Hợp tác xã Đội Kỳ được củng cố một bước, thu nhập của xã viên tăng lên. Đại hội xã viên đã đề nghị cấp trên cho chuyển lên thành hợp tác xã cấp cao. Từ mô

hình của Hợp tác xã Đội Kỳ, năm 1964 - 1965, thị xã Bắc Kạn mở rộng xây dựng thêm các hợp tác xã.

Phong trào hợp tác xã ở thị xã có tác dụng giáo dục ý thức làm chủ tập thể theo khẩu hiệu “Hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ”. Sản xuất được đẩy mạnh, lãnh đạo có tiến bộ, đời sống xã viên được cải thiện. Hợp tác xã đã có sức thu hút mọi người. Nhiều gia đình có vườn, đất đã tự nguyện làm đơn gia nhập hợp tác xã. Tính đến cuối năm 1965, thị xã có 3 hợp tác xã với 130 hộ, 590 lao động. Cả thị xã chỉ còn lại 3 hộ chưa vào hợp tác xã.

Trong cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, thị xã Bắc Kạn có những chủ quan, nôn nóng chạy theo phong trào, không tôn trọng nguyên tắc tự nguyện. Đó cũng là tình trạng chung của các cấp bộ Đảng địa phương trên con đường tập thể hóa sản xuất nông nghiệp.

Khi kế hoạch 5 năm lần thứ I đang bước vào giai đoạn cuối, thì ngày 21/4/1965, theo chủ trương của Đảng, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Quyết định số 103-NQ/TVQH “Phê chuẩn việc thành lập các tỉnh Bắc Thái, Nam Hà, Hà Tây và việc sáp nhập xã An Hòa thuộc huyện Thạch Thất tỉnh Sơn Tây (cũ) vào xã Tiên Xuân thuộc huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình”. Theo đó, hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên hợp nhất thành một đơn vị hành chính mới, lấy tên là tỉnh Bắc Thái. Từ đây, thị xã Bắc Kạn trở thành đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh Bắc Thái. Tổ chức Đảng ở thị xã đặt dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái.

IV. Tăng cường công tác quốc phòng, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu chống Mĩ, cứu nước

Trong khi Nhân dân miền Bắc đang phấn đấu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ I thì ở miền Nam, Mĩ - Diệm thực hiện chiến lược “chiến

vĩ tuyến 17. Ý thức về cuộc chiến tranh có thể lan ra toàn quốc, quân dân miền Bắc vừa ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa tích cực chi viện cho miền Nam, tăng cường quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ miền Bắc nếu chiến tranh leo thang của Mĩ - ngụy nổ ra.

Quán triệt tinh thần đó, công tác quốc phòng, xây dựng các lực lượng dân quân, tự vệ được triển khai mạnh mẽ ở thị xã Bắc Kạn theo phương châm vừa ra sức củng cố, vừa tích cực xây dựng vững chắc và xây dựng đúng mức lực lượng vũ trang trên địa bàn. Qua các đợt củng cố, lực lượng dân quân tự vệ phát triển về quân số; ý thức cảnh giác, tinh thần sẵn sàng và sức chiến đấu được nâng cao. Từ năm 1962, thị xã đã tổ chức những lớp huấn luyện chính trị, quân sự ngăn ngừa cho dân quân tự vệ (2 đợt) theo chương trình chung của tỉnh. Kết quả: Loại I đạt 100%, loại II đạt 95% chỉ tiêu đăng ký.

Qua củng cố, lực lượng tự vệ được chấn chỉnh về tổ chức, biên chế thành trung đội, tiểu đội, tăng cường cán bộ và kết nạp thêm đội viên mới. Những người không đủ tiêu chuẩn chính trị hoặc thiếu tư cách đều bị loại ra khỏi lực lượng dân quân, tự vệ. Đến cuối năm 1963, lực lượng dân quân thị xã đã có 140 người.

Dân quân tự vệ thị xã đã có thành tích trong việc trấn áp, lùng bắt các phần tử xấu, phá hoại. Ngày 30/9/1962, ở thị xã, một số phần tử xấu và thanh niên Việt kiều mới về nước tập hợp nhau lại, lập tổ chức "Đảng lý tưởng thanh niên", có điều lệ và âm mưu hoạt động chống phá chính quyền. Với tinh thần cảnh giác cao, quân, dân thị xã đã kịp thời phá tan tổ chức này ngay từ đầu.

Công tác đăng ký, thống kê lực lượng dự bị để phục vụ cho công tác tuyển quân và động viên thời chiến đã thực hiện có kết quả. Từ năm 1963, thị xã căn bản hoàn thành việc xét duyệt lý lịch cho thanh niên đăng ký nghĩa vụ quân sự. Kế hoạch phòng thủ thời kỳ đầu chiến tranh

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

Trong thời gian này, địch đã nhiều lần cho máy bay do thám Bắc Kạn (năm 1961 - 1 lần; năm 1962 - 2 lần). Đêm 23/4/1963, một máy bay Mỹ bay thấp qua thị xã, dọc phố Đức Xuân. Trước những hoạt động do thám bằng máy bay của địch, lãnh đạo thị xã đã cử cán bộ xuống các khu phố nói chuyện, tuyên truyền giúp Nhân dân hiểu rõ âm mưu của Mỹ - Diệm đối với miền Bắc, nhắc nhở toàn dân thị xã cảnh giác, sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu đen tối của kẻ thù.

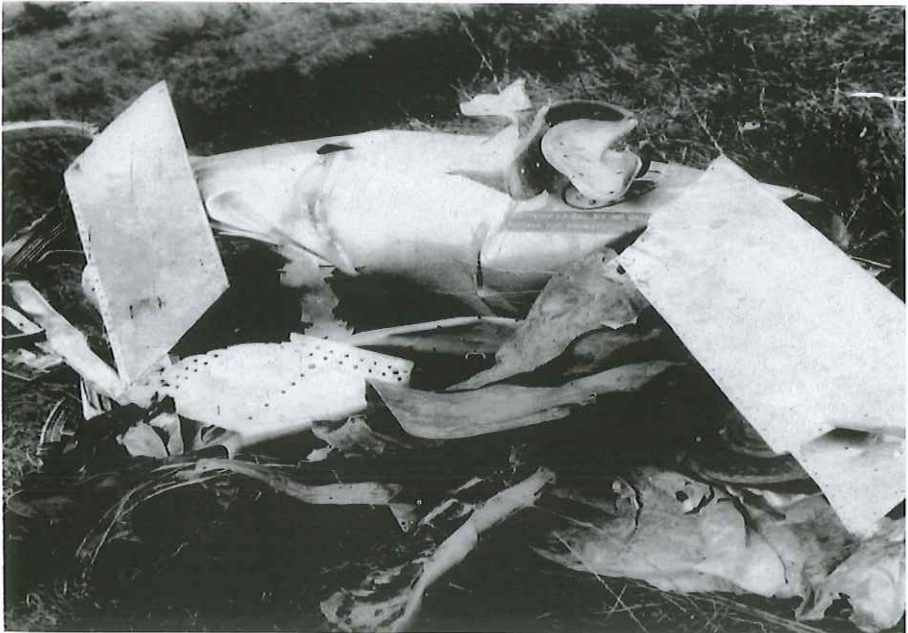
Đêm 04/9/1963, Mỹ - Diệm thả biệt kích xuống Phủ Thông. Quân dân thị xã Bắc Kạn, Phủ Thông đã tiêu diệt và bắt gọn toàn biệt kích ngay từ khi chúng chưa kịp gây tội ác.

Đầu năm 1964, địch đẩy mạnh các hoạt động phá hoại miền Bắc. Trong Hội nghị Chính trị đặc biệt (27/3/1964), Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn dân “đoàn kết nhất trí trước âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ”. Thực hiện lời kêu gọi của Người, quân dân thị xã Bắc Kạn cùng cả nước sẵn sàng chiến đấu. Các đơn vị dân quân tự vệ kiểm tra lại kế hoạch hiệp đồng tác chiến với lực lượng của tỉnh, của Bộ trên địa bàn thị xã.

Tháng 9/1965, quân dân thị xã đã bắn rơi chiếc máy bay Mỹ đầu tiên trên bầu trời Bắc Kạn. Với chiến công này, thị xã góp một phần quan trọng trong chiến công của tỉnh Bắc Thái. Bác Hồ đã tặng cờ “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, ghi nhận chiến công xuất sắc của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ thị xã Bắc Kạn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.



*Tổ súng máy của dân quân xã Huyền Tung
chiến đấu bắn máy bay Mỹ (năm 1965)*





Nhân dân xã Huyền Tung đón nhận cờ của Chính phủ và Ủy ban hành chính tỉnh tặng danh hiệu Đơn vị chiến đấu dũng cảm (năm 1965)



Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái tặng đơn vị chiến đấu giỏi (năm 1965)

Ngày 17/10/1965, đế quốc Mỹ đã cho nhiều tốp máy bay đánh phá thành phố Thái Nguyên và thị xã Bắc Kạn. Tại thị xã Bắc Kạn, vào lúc 11 giờ 15 phút, địch đã dùng 9 tốp máy bay, trong đó có 5 tốp ném 34 quả bom loại 250 kg và 450 kg, bắn nhiều loạt đạn xuống Cầu Phà, kho lương thực, trường lâm nghiệp...

Hướng về miền Nam ruột thịt, thị xã cùng với các dân tộc tỉnh Bắc Thái thực hiện nghĩa vụ của hậu phương đối với tiền tuyến. Công tác tuyển quân của thị xã luôn đạt 100% chỉ tiêu, riêng năm 1967 đạt 109,3% chỉ tiêu.

V. Xây dựng chi bộ Đảng vững mạnh

Trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ I, Chi bộ Đảng thị xã Bắc Kạn đã luôn chú trọng đến công tác xây dựng Đảng, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức đủ sức lãnh đạo thị xã thực hiện kế hoạch đề ra.

Năm 1961, thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chi bộ Đảng thị xã đã tiến hành cuộc chỉnh huấn và vận động xây dựng chi bộ Đảng 4 tốt. Để kiện toàn cấp ủy, ngày 14/12/1961, Chi bộ thị xã đã tổ chức Đại hội bầu Ban Chi ủy mới gồm 5 đồng chí do đồng chí Hà Văn Y làm Bí thư. Chi bộ duy trì nền nếp sinh hoạt, có kiểm điểm và đề ra phương hướng công tác, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, đoàn kết nội bộ. Chi bộ thị xã đã chú trọng công tác chính trị tư tưởng, công tác tổ chức trong Đảng, nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của chi bộ. Nhằm nâng cao nhận thức cho đảng viên, năm 1964, Chi bộ tổ chức học tập Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị về tình hình quốc tế; Báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị Chính trị đặc biệt.

Trong các năm 1961 - 1965, tổ chức Chi bộ không ngừng được củng cố phù hợp với đơn vị và địa bàn công tác của đảng viên: nông nghiệp, các

có 23 đảng viên (4 đảng viên dự bị); năm 1962, Chi bộ có 32 đảng viên (4 đảng viên dự bị); năm 1963, số đảng viên của Chi bộ tăng lên 42 (4 đảng viên dự bị). Cuối năm 1964 đầu năm 1965, chi bộ có 69 đảng viên¹, sinh hoạt trong 7 tổ Đảng (5 tổ thuộc các khu phố, 1 tổ chung ở cơ quan hành chính sự nghiệp, 1 tổ thuộc nhà trường).

Phần lớn đảng viên được bồi dưỡng lý luận qua các lớp huấn luyện chính trị của tỉnh, thị xã. Một số đảng viên là cán bộ chủ chốt được cử đi học trong 5 năm (1960 - 1964) ở trường Đảng Hoàng Văn Thụ thuộc Khu tự trị Việt Bắc. Chất lượng đảng viên tăng lên rõ rệt. Năm 1964, qua phân loại đảng viên: 39 đồng chí đạt loại khá, 25 đồng chí loại trung bình, 5 đồng chí chưa đạt yêu cầu. Những đảng viên loại trung bình, yếu kém được bồi dưỡng, nhắc nhở và uốn nắn kịp thời. Năm 1965, số đảng viên đạt loại khá tăng, không có đảng viên nào yếu và bị kỷ luật nặng.

Sự trưởng thành từng bước của Chi bộ thể hiện trong vai trò lãnh đạo các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội ở thị xã. Chi bộ đã làm tốt vai trò động viên, tổ chức quần chúng thực hiện phong trào sản xuất, hợp tác hóa, chấp hành các chính sách của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, Chi bộ thị xã còn bộc lộ tính thụ động trong khi chấp hành chủ trương, chính sách của cấp trên; công tác phát triển Đảng chưa thường xuyên (đến năm 1964 vẫn còn 11 hợp tác xã thuộc một số ngành nghề ở thị xã chưa có đảng viên²); dân chủ trong sinh hoạt Đảng chưa thực sự được mở rộng. Đó cũng là những hạn chế của nhiều chi bộ cơ sở các địa phương trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ I.

¹ Năm 1964, Chi bộ phố Đội Kỳ có 9 đảng viên; phố Đức Xuân có 9 đảng viên; phố Đội Thân có 14 đảng viên; phố Chí Kiên có 4 đảng viên; phố Minh Khai có 6 đảng viên; hành chính có 12 đảng viên; Dân, Chính, Đảng có 7 đảng viên; trường học có 4 đảng viên; đồn Công an có 4 đảng viên.

Ngày 08/4/1965, trước yêu cầu của nhiệm vụ mới và sự trưởng thành của Chi bộ, Đảng bộ thị xã Bắc Kạn đã được thành lập. Tháng 4/1965, Đại hội lần thứ nhất của Đảng bộ thị xã Bắc Kạn được tổ chức. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã gồm 9 đồng chí, do đồng chí Ngô Quang San làm Bí thư. Đồng chí Hà Văn Y là Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính. Với Đại hội này, Đảng bộ¹ và chính quyền thị xã (ngang cấp huyện, thị) đã hoàn chỉnh thêm một bước.

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ khóa này hoạt động cho đến năm 1967, khi thị xã nhập vào

Chương IV

GÓP PHẦN CÙNG CẢ NƯỚC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1967 - 1990)

I. Tham gia sự nghiệp xây dựng, bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam trong những năm 1967 - 1975

Bước vào năm 1967, một sự kiện quan trọng tác động đến thị xã Bắc Kạn. Để đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, ngày 14/4/1967, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 50-CP “Về việc đặt thị xã Bắc Kạn thành thị trấn Bắc Kạn, trực thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái”.

Trở thành huyện lỵ của huyện Bạch Thông, thị trấn Bắc Kạn vẫn giữ nguyên 6 phố như trước, trực thuộc Ủy ban hành chính huyện Bạch Thông. Đảng bộ và các đoàn thể quần chúng: Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Phụ lão, Thị đội của thị trấn do Huyện ủy Bạch Thông trực tiếp lãnh đạo.

Về tổ chức Đảng, sau khi sáp nhập vào huyện Bạch Thông, theo quyết định của Tỉnh ủy Bắc Thái và Huyện ủy Bạch Thông, Đảng bộ thị trấn Bắc Kạn được thành lập dựa trên cơ sở sáp nhập đảng bộ các ngành, cơ quan, khu phố của thị xã với đảng bộ các cơ quan, ngành của huyện Bạch Thông. Đảng ủy khóa I (1967 - 1970) do Huyện ủy Bạch Thông chỉ định. Đồng chí Nguyễn Văn Rung, Huyện ủy viên, làm Bí thư; đồng chí Nguyễn Văn Mầm, Huyện ủy viên, làm Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính thị trấn. Lúc này, Đảng bộ thị trấn Bắc Kạn có 10 chi bộ với 260 đảng viên, sinh hoạt trong các chi bộ cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã, khu phố, trường học,...

chung của đất nước và yêu cầu của địa phương. Miền Bắc dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng đang chuyển hướng xây dựng, phát triển kinh tế từ thời bình sang thời chiến: Vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, chống cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, vừa ra sức chi viện sức người, của cải cho sự nghiệp giải phóng miền Nam. Thị trấn Bắc Kạn đã thực hiện sơ tán các cơ quan, trường học, xí nghiệp sản xuất. Sự chỉ đạo mọi hoạt động sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu giữa thị trấn và huyện Bạch Thông cần phải được thống nhất. Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ rất nặng nề được đặt ra cho Đảng bộ và đồng bào thị trấn nhằm thực hiện kế hoạch của tỉnh Bắc Thái, của huyện Bạch Thông là: Ổn định đời sống Nhân dân, bảo đảm mọi hoạt động của các cơ quan, đoàn thể đóng trên địa bàn thị trấn.

Những khó khăn mà đồng bào, đồng chí ở thị trấn Bắc Kạn phải vượt qua là rất lớn và phức tạp. Cơ sở vật chất của thị trấn nghèo nàn, đời sống cán bộ, Nhân dân thấp, kinh tế miền núi chưa phát triển, giao thông đi lại khó khăn, hàng hóa tiêu dùng cho Nhân dân khan hiếm. Đảng bộ và Nhân dân thị trấn sớm đối mặt với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Cán bộ, đảng viên dũng cảm chịu đựng mọi hy sinh, nhưng trình độ quản lý còn hạn chế. Những khó khăn này xuyên suốt cả một thời kỳ dài từ năm 1967 cho đến sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Đế quốc Mỹ thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc từ tháng 8/1964 và ngày càng leo thang cuộc chiến tranh đó. Năm 1967 - 1968, chúng sử dụng hàng nghìn máy bay các loại liên tục đánh phá các mục tiêu then chốt ở miền Bắc: điện lực, công nghiệp, cơ sở quân sự, kho tàng nhiên liệu, lương thực, hệ thống phòng không, giao thông vận tải. Tỉnh Bắc Thái nói chung và thị trấn Bắc Kạn nói riêng nằm trong các mục tiêu đánh phá của địch. Trong cuộc chiến tranh phá

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

30 thị xã, thị trấn trên miền Bắc, trong đó có thị xã - thị trấn Bắc Kạn. Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai, mức độ đánh phá của đế quốc Mỹ ở miền Bắc càng ác liệt hơn. Cuối năm 1972, trước khi đánh phá hủy diệt 12 ngày đêm ở Hà Nội, đế quốc Mỹ tiến hành đánh phá ác liệt Hải Phòng, Hà Bắc, Bắc Thái, Vĩnh Phú. Ở Bắc Kạn, địch đánh phá nhiều lần và gây nhiều tội ác đối với Nhân dân. Ngày 18/10/1972, vào lúc 3 giờ 35 phút sáng, máy bay Mỹ ném xuống phố Minh Khai, thị trấn Bắc Kạn 9 quả bom làm chết 4 người, bị thương 5 người, tàn phá nhiều nhà cửa, tài sản. Cùng ngày hôm đó, vào lúc 20 giờ 30 phút, chúng ném 8 quả bom xuống khu vực Khe Máng nước thuộc phố Đội Thân, thị trấn Bắc Kạn - nơi sơ tán của Nhân dân, làm chết 12 người, bị thương 12 người, thiệt hại nhiều nhà cửa, gia súc¹. Tòa nhà 3 tầng được xây dựng đầu những năm 60, công trình kiến trúc hiện đại của tỉnh Bắc Kạn để lại cho Đảng bộ và Nhân dân thị trấn làm trụ sở Ủy ban Nhân dân thị trấn cũng bị bom Mỹ đánh sập một nửa.

Đi đôi với đánh phá bằng không quân, đế quốc Mỹ còn tung biệt kích, gián điệp vào Bắc Kạn. Ở thị trấn, trong thời kỳ này, một số phần tử xấu đã đi biệt tích từ nhiều năm trước, nay thấy xuất hiện tuyên truyền phản động nhằm gây hoang mang trong Nhân dân.

Yêu cầu chuyển hướng xây dựng kinh tế miền Bắc từ thời bình sang thời chiến, chuyển hướng về tư tưởng và tổ chức, tăng cường tiềm lực kinh tế, lực lượng quốc phòng, đảm bảo mọi hoạt động văn hóa, giáo dục, chính sách hậu phương... của Đảng và Nhà nước đòi hỏi Đảng bộ và Nhân dân thị trấn Bắc Kạn phải thông suốt tư tưởng, phải có quyết tâm và nỗ lực lớn để giải quyết nhu cầu thiết yếu đời sống Nhân dân địa phương, đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Vượt qua những khó khăn, Đảng bộ và Nhân dân thị trấn Bắc Kạn dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy Bạch Thông, đã nêu cao tinh thần quyết tâm, anh dũng hy sinh chịu đựng gian khổ, vững vàng trên các mặt trận sản xuất và xây dựng, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, tổ chức đời sống văn hóa, giáo dục nhằm góp sức vào sự nghiệp tiếp tục xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Ngay sau khi ổn định tổ chức, bộ máy chính quyền, các đoàn thể quần chúng, công tác tư tưởng được Đảng bộ thị trấn tiếp tục đẩy mạnh. Công tác tư tưởng được Đảng ủy coi là nhiệm vụ hàng đầu. Theo hướng dẫn của Huyện ủy Bạch Thông, Đảng ủy thị trấn Bắc Kạn đã hướng công tác tư tưởng vào nhiệm vụ tuyên truyền, giải thích những chủ trương, chính sách chung của Đảng và Chính phủ, những chủ trương, chính sách của tỉnh Bắc Thái và huyện Bạch Thông. Thông qua công tác tuyên truyền để vận động đồng bào hăng hái tham gia chống Mĩ, cứu nước, đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp, công nghiệp, phát triển văn hóa, giáo dục. Trên cơ sở làm tốt công tác tư tưởng, cán bộ, đảng viên, đồng bào ở thị trấn đã thực hiện có kết quả những nhiệm vụ và kế hoạch do Huyện ủy Bạch Thông và Đảng ủy thị trấn đề ra trong những năm 1967 - 1990.

Trên mặt trận kinh tế, Đảng bộ và Nhân dân thị trấn đã có nhiều cố gắng, giành được những thành tích lớn. Trước năm 1967, cơ cấu kinh tế nông - lâm - công nghiệp của huyện và thị trấn mới được hình thành. Trong thời kỳ chiến tranh, cơ cấu này được giữ vững và có bước phát triển.

Đối với huyện Bạch Thông và thị trấn Bắc Kạn, nông nghiệp vẫn được coi là hàng đầu. Để đẩy mạnh sản xuất, phục vụ chiến đấu, phong trào học tập hóa tiến bộ được củng cố và mở rộng. Nhiều chuyên gia, kỹ thuật

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

có 11 hợp tác xã tiên tiến. Tiêu biểu là các hợp tác xã: Vi Hương, Tân Tiến, Huyền Tụng, Cao Kỳ, Thanh Mai¹. Có những nơi bị địch đánh phá ác liệt, nhưng phong trào hợp tác xã vẫn lên cao (Huyền Tụng). Tới năm 1975, Bạch Thông có 95,5% số hộ vào hợp tác xã nông, lâm nghiệp. Chỉ còn 9 hộ với 64 khẩu còn du canh, du cư, chưa vào hợp tác xã và 9 hộ với 52 khẩu định canh, định cư². Những hộ này chưa xây dựng được hợp tác xã vì thiếu cán bộ có trình độ quản lý, lãnh đạo.

Từ vụ đông xuân 1970 - 1971, các hợp tác xã ở Bạch Thông đã áp dụng ba cuộc cách mạng và các biện pháp kỹ thuật: Phân bón, thời vụ và giống nhằm thâm canh lúa và cây trồng, nên đem lại năng suất cao. Năm 1971, có 4 hợp tác xã đạt 5 tấn thóc/ha. Năm 1972, có 10 hợp tác xã và 34 đội sản xuất đạt 5 tấn/ha. Năm 1973, có 8 hợp tác xã và 27 đội sản xuất đạt mức đó³. Do đó, lương thực của huyện không những đảm bảo mức sống cho nông dân mà còn làm tốt khẩu hiệu “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người” cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Trong chăn nuôi gia súc và gia cầm, huyện đã đảm bảo sức kéo và thực phẩm cho Nhân dân và cán bộ. Năm 1971, đàn trâu của Bạch Thông lên tới 8.500 con. Do lãnh đạo quản lý thiếu chặt chẽ và sử dụng chưa hợp lý nên đến năm 1974 chỉ còn 7.556 con.

Trong lâm nghiệp, việc kết hợp giữa lực lượng Nhà nước với các hợp tác xã địa phương để trồng và bảo vệ rừng đã được chú trọng. Trong những năm chiến tranh, các đồi cây mạy, bò đề được gieo trồng xanh tốt trải dài từ đèo Giàng đến Dương Quang, thị trấn Bắc Kạn, Cao Kỳ,... Ban Chấp hành Huyện ủy có Nghị quyết số 21 nhằm “xây dựng đưa nghề rừng trở thành ngành sản xuất chính của huyện trong hai năm 1974 - 1975”.

¹⁺² Báo cáo của Huyện ủy Bạch Thông năm 1974 và năm 1975. Tài liệu lưu tại Tỉnh ủy Bắc Kạn.

Năm 1974, đa số các hợp tác xã tích cực chỉ đạo phong trào trồng cây gây rừng tập thể, kết quả là gây trồng mới được 500 ha.

Rõ ràng, phong trào hợp tác hóa và việc chú trọng phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp ở Bạch Thông và thị trấn Bắc Kạn trong thời kỳ có chiến tranh đã giành được những thành tích lớn cả về chính trị và kinh tế. Trong thời kỳ gay go ác liệt, đồng bào các dân tộc vẫn tin vào đường lối làm ăn tập thể, vì nó mang tính ưu việt của hợp tác xã hội chủ nghĩa.

Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ cũng đạt được những tiến bộ. Những hoạt động trên các lĩnh vực này chủ yếu diễn ra ở thị trấn. Trong điều kiện chiến tranh phải sơ tán, nhưng các xí nghiệp, hợp tác xã vẫn duy trì, đẩy mạnh sản xuất. Trước chiến tranh, nguồn điện do xí nghiệp cơ điện cung cấp đã tỏa sáng thị trấn. Trong chiến tranh, xí nghiệp cơ điện vẫn cung cấp điện cho sản xuất, chiến đấu và tiêu dùng ở thị trấn. Bộ phận cơ khí của xí nghiệp đã sản xuất nhiều công cụ cầm tay phục vụ nông dân trong huyện và nhiều nơi khác trong vùng. Xí nghiệp trúc, mây, tre phát huy được lợi thế sẵn nguyên liệu ở địa phương, đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Các xí nghiệp xẻ gỗ, đóng đồ gỗ, xí nghiệp bánh kẹo, làm nước chấm vẫn giữ vững sản xuất, đáp ứng nhu cầu của Nhân dân. Các cửa hàng bách hóa tổng hợp, các hợp tác xã mua bán được tổ chức ở các khu phố để sẵn sàng phục vụ Nhân dân. Các lò gạch, lò ngói phục vụ nhu cầu xây dựng vẫn ngày đêm đỏ lửa. Các hợp tác xã xây dựng, vận tải, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ được duy trì và mở rộng quy mô sản xuất ở nơi sơ tán. Điển hình là các hợp tác xã Quyết Tiến, Quyết Tâm, Việt Hoa, Thăng Long, Thống Nhất, Sao Mai, Bình Minh, Tân Khang, Tân Hương. Trong điều kiện bị địch đánh phá, giao thông ùn tắc, hàng hóa khan hiếm, việc giải quyết nhu cầu đời sống của

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

trương đúng đắn của Trung ương. Chủ trương đó được triển khai tích cực ở Bạch Thông, là một trong những thành tích nổi bật của Đảng bộ và Nhân dân thị trấn Bắc Kạn.

Trong công tác văn hóa xã hội, quán triệt tinh thần cuộc cách mạng văn hóa tư tưởng của Đảng, Huyện ủy có nghị quyết về “Xây dựng nếp sống mới, xóa bỏ tệ tục, bài trừ mê tín, dị đoan, góp phần thúc đẩy ba cuộc cách mạng ở miền Bắc”. Nghị quyết này được giới thiệu, phổ biến trong các chi bộ và Nhân dân bằng hội nghị, trên phương tiện truyền thanh của thị trấn. Hệ thống loa truyền thanh ở các khu phố đã được mở rộng đến một số địa phương khác trong huyện, đưa tin tức về sản xuất, về chiến đấu và chiến thắng ở các chiến trường. Rạp chiếu bóng vẫn được mở. Các bệnh viện, trạm xá, nhà hộ sinh đảm bảo thuốc men, bông băng và đảm bảo chế độ trực của bác sĩ, y sĩ, y tá,... Các cơ quan, ngành, đoàn thể sơ tán cũng như bám trụ tại thị trấn vẫn hoạt động đều.

Mặc dù chiến tranh ác liệt, được Đảng và Chính phủ quan tâm nên công tác giáo dục ở thị trấn Bắc Kạn vẫn phát triển. Các cấp phổ thông I, II, III tiến hành đều đặn việc giảng dạy và học tập. Ngành học bổ túc văn hóa tuy không đều và thường xuyên nhưng vẫn được tổ chức ở thị trấn. Tuy trong cảnh chiến tranh, nhưng ở Bắc Kạn, số học sinh phổ thông và cao đẳng vẫn tiếp tục tăng. Một đội ngũ trí thức con em nông dân, công nhân, cán bộ thuộc các dân tộc ở Bắc Kạn có trình độ đại học, trên đại học đã được đào tạo trong nước và ngoài nước. Nhiều kỹ sư, bác sĩ, thầy giáo, cán bộ giảng dạy đại học là con em các dân tộc ở Bắc Kạn đang công tác trong các cơ quan trung ương, địa phương và trong quân đội đã được học tập và đào tạo trong thời kỳ này.

Đi đôi với sản xuất, học tập, một nhiệm vụ quan trọng lúc này đối với Đảng bộ và Nhân dân thị trấn Bắc Kạn là sẵn sàng chiến đấu, phục

trọng. Các trận địa đánh trả máy bay Mỹ được xây dựng trên địa bàn thị trấn. Bộ đội, dân quân, tự vệ tổ chức trực chiến hằng ngày. Huyện Bạch Thông lấy đại đội tự vệ của lâm trường làm lực lượng cơ động, được trang bị đầy đủ vũ khí, được huấn luyện tốt nên có đủ khả năng thay thế bộ đội chủ lực tỉnh để sẵn sàng làm nhiệm vụ phòng chống biệt kích nhảy dù, bắt giặc lái Mỹ. Lực lượng trực chiến ở thị trấn được trang bị 3 súng cao xạ 12,7 ly và 8 khẩu đại liên. Lực lượng vũ trang của huyện và thị trấn đã góp phần vào thành tích bắn rơi máy bay, bắt sống giặc lái và biệt kích Mỹ - Ngụy. Trong năm 1970, thực hiện cuộc vận động “Xây dựng khu phố vững mạnh” của Huyện ủy Bạch Thông, khu phố Đội Kỳ, Đội Thân, Đức Xuân, Chí Kiên và một số cơ sở đã trở thành những đơn vị dẫn đầu về nâng cao cảnh giác trong quần chúng, sẵn sàng chiến đấu. Công tác phòng chống địch đánh phá được thực hiện triệt để. Đảng ủy đã hướng dẫn đồng bào di chuyển 500 tấn thóc thuộc các kho ở thị trấn đến những địa điểm an toàn. Hệ thống giao thông nối liền giữa thị trấn với các huyện, giữa Bắc Kạn với Cao Bằng và thành phố Thái Nguyên được giữ vững. Nhân dân thị trấn đã đóng góp hàng vạn ngày công sửa chữa cầu đường, các phương tiện giao thông phục vụ sản xuất, chiến đấu. Phong trào “Hũ gạo chống Mỹ” do Hội Phụ nữ ở thị trấn tổ chức, đã lập được 488 hũ gạo góp vào quỹ lương thực ủng hộ bộ đội và tự vệ.

Cùng với phong trào “Ba sẵn sàng”, “Ba đảm đang”, phong trào thanh niên “tòng quân chống Mỹ, cứu nước” được các tầng lớp thanh niên, phụ nữ ở thị trấn Bắc Kạn tích cực hưởng ứng. Công tác tuyển quân đều vượt mức, nhất là vào những năm có các chiến dịch lớn: Năm 1968, quân số tuyển quân ở Bạch Thông đạt 109%; năm 1969 đạt 102,66%¹. Trong những năm chống Mỹ, hàng nghìn lượt thanh niên huyện Bạch Thông và thị trấn Bắc Kạn đã lên đường đi chiến đấu ở các

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

chiến trường miền Nam và làm nhiệm vụ quốc tế. Nhiều con em của quê hương Bắc Kạn đã lập những chiến công xuất sắc. Sau chiến thắng Quảng Trị năm 1972, có chiến sĩ quân đội người dân tộc Tày Bắc Kạn được Nhà nước phong tặng Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân vì đã thông minh, dũng cảm trong việc sửa chữa xe tăng, chiếm xe tăng địch, phục vụ chiến đấu trong điều kiện cực kỳ ác liệt. Nhiều con em Bắc Kạn đã anh dũng hy sinh cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, huyện Bạch Thông và thị trấn Bắc Kạn còn giữ vai trò hậu phương của hậu phương. Ở đây đã tiếp nhận Nhân dân, cơ quan, trường học nơi khác sơ tán đến. Trường Buu điện, Ngân hàng từ Hà Nội đã sơ tán lên đây để tiếp tục giảng dạy và học tập. Các đơn vị quân đội làm nhiệm vụ chiến đấu trên địa bàn được Đảng bộ và Nhân dân thị trấn quan tâm, cung cấp đầy đủ lương thực, thực phẩm, các phương tiện, vật liệu phục vụ cho chiến đấu.

Những thành tích của Đảng bộ và Nhân dân Bạch Thông và thị trấn Bắc Kạn trong sản xuất và chiến đấu, phục vụ chiến đấu là rất lớn và vẻ vang. Đảng bộ và Nhân dân thị trấn Bắc Kạn đã nhận được những phần thưởng cao quý: Huân chương kháng chiến hạng Hai; Huân chương chiến công hạng Hai; Huân chương chiến công hạng Ba; Cờ thưởng luân lưu của Bác Hồ “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”; Cờ thưởng của Chính phủ về thành tích đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Thị trấn có Anh hùng lao động ngành y tế (Vũ Thị Mùi); Nhiều cán bộ, chiến sĩ được Bác Hồ thưởng huy hiệu; hàng nghìn bằng khen, giấy khen cấp khu, quận, tỉnh; hàng nghìn cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân được nhận các phần thưởng khác của Đảng, Nhà nước, Quân đội, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp Trung ương, cấp tỉnh¹.

Những thành tích vẻ vang nói trên trước hết là thuộc về những hy sinh, đóng góp của đồng bào các dân tộc ở thị trấn. Những thắng lợi đó còn gắn liền với vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, công tác xây dựng Đảng bộ, chi bộ vững mạnh là một ưu điểm của tổ chức Đảng ở huyện Bạch Thông nói chung và thị trấn Bắc Kạn nói riêng. Sự sáp nhập Đảng bộ thị xã làm cho Đảng bộ huyện Bạch Thông tăng thêm sức mạnh. Trong nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ huyện Bạch Thông nhiệm kỳ 1967 - 1970, số lượng đảng viên kết nạp trong 3 năm (1967 - 1969) là 394 đảng viên (năm 1967: 135; 1968: 140; 1969: 119)¹. Năm 1970, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh, Huyện ủy mở 4 lớp bồi dưỡng cho 302 đối tượng Đảng, trong đó có một lớp dành riêng cho 30 đối tượng vùng cao, tạo ra một lực lượng hậu bị khá lớn cho Đảng. Riêng trong đợt kỷ niệm ngày sinh của Bác (19/5/1970) có 40 người được kết nạp Đảng, đảm bảo 4 điều kiện, 5 tiêu chuẩn do Trung ương quy định. Đó là những quần chúng ưu tú xuất thân trong nông dân, công nhân, trí thức xã hội chủ nghĩa. Trước nhiệm kỳ 1970 - 1974, toàn huyện Bạch Thông có 37 đảng bộ - chi bộ trực thuộc (21 đảng bộ - chi bộ nông thôn, 16 đảng bộ - chi bộ cơ quan khu vực thị trấn)². Đến Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bạch Thông nhiệm kỳ 1970 - 1974 họp ngày 20/10/1970 đã tổng kết công tác xây dựng Đảng bộ. Báo cáo chính trị của Đảng bộ Bạch Thông trước Đại hội đã nêu rõ: Toàn Đảng bộ đã có 59 đảng bộ, chi bộ trực thuộc với tổng số 1.069 đảng viên³. Trong đó, có 7 chi bộ, đảng bộ đạt tiêu chuẩn 4 tốt, 11 chi, đảng bộ khá, 5 chi, đảng bộ trung bình và 4 yếu

¹ Báo cáo của Huyện ủy Bạch Thông năm 1969.

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

kém. Tổng số đảng viên chiếm 5,9% dân số, trình độ văn hóa từ cấp 1 trở lên. Toàn đảng bộ có 340 đảng viên 4 tốt (chiếm 32,1%), 309 đảng viên khá, 313 đạt trung bình, còn 107 yếu kém.

Trong thời kỳ này, Đảng bộ thị trấn đã tiến hành ba kỳ đại hội. Khóa II (1970 - 1973), đồng chí Nguyễn Văn Rung là Bí thư; đồng chí Lê Thị Cường là Phó Bí thư, kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính thị trấn. Khóa III (1973 - 1975), đồng chí Đào Văn Phùng là Bí thư, kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính thị trấn.

Nhìn bao quát tình hình trong thời kỳ này thì vai trò lãnh đạo của Đảng bộ Bạch Thông nói chung và Đảng ủy thị trấn Bắc Kạn nói riêng đã được khẳng định. Tuy nhiên, Đảng bộ cũng còn những yếu kém, thậm chí có không ít đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ. Vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng ở một số cơ sở không được đề cao. Những yếu kém này thường xảy ra ở các chi, đảng bộ hợp tác xã, khu vực nông thôn.

Tuy những năm 1967 - 1975 là một trong những thời kỳ khó khăn chung của miền Bắc, nhưng do thực hiện đúng đường lối của Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy Bạch Thông, Đảng bộ và Nhân dân thị trấn Bắc Kạn đã vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ của mình. Trong công cuộc xây dựng, bảo vệ miền Bắc, làm cho miền Bắc trở thành hậu phương vững chắc của tiền tuyến miền Nam, Đảng bộ và Nhân dân thị trấn Bắc Kạn đã có những đóng góp xứng đáng. Trong chiến thắng vang dội mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thu giang sơn gấm vóc Việt Nam về một mối có sự đóng góp lớn lao về sức người, của cải, xương máu của đồng bào, đồng chí thị trấn Bắc Kạn và huyện Bạch Thông.

Truyền thống yêu nước, đoàn kết dân tộc, chịu đựng gian khổ

lập tự do của đồng bào, đồng chí trong Đảng bộ thị trấn Bắc Kạn một lần nữa lại được khơi dậy mạnh mẽ trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Những truyền thống đó mãi mãi sáng chói và được viết tiếp trong cuốn sử vàng của Đảng bộ và Nhân dân Bắc Kạn.

II. Cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (1975 - 1990)

Ngày 30/4/1975, với chiến thắng lịch sử vĩ đại của Chiến dịch Hồ Chí Minh, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc thắng lợi. Nước Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới: Hai miền Nam, Bắc thống nhất, cùng quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Cùng với cả nước, Khu tự trị Việt Bắc, tỉnh Bắc Thái và huyện Bạch Thông lại bắt tay vào công cuộc xây dựng quê hương đất nước giàu đẹp theo đường lối Đại hội IV của Đảng và Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ: “Thắng giặc Mỹ ta xây dựng lại hơn mười ngày nay”.

Để tăng cường chỉ đạo, giúp đỡ cơ sở về mọi mặt, sâu sát quần chúng, giải quyết kịp thời những khó khăn cho cơ sở, trong những năm 1976 - 1977, huyện Bạch Thông có chủ trương phân công các ngành ở huyện trực tiếp chỉ đạo xã, thị trấn. Huyện ủy ban hành Nghị quyết số 274-NQ/BT ngày 12/12/1975 “Về việc phân công các ngành ở huyện trực tiếp chỉ đạo xã”, trong đó phân công Phòng Thương nghiệp và liên hiệp xã chỉ đạo hai thị trấn Bắc Kạn, Phú Thông. Thực hiện Nghị quyết 274, cán bộ Phòng Thương nghiệp và liên hiệp xã đã thay mặt huyện bàn bạc với thị trấn để giải quyết mọi mặt công tác đối với những việc mà Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Bạch Thông đã có chỉ thị, nghị quyết.

Với sự hỗ trợ của Phòng Thương nghiệp và liên hiệp xã, cán bộ, đảng viên và Nhân dân thị trấn Bắc Kạn đã ra sức khôi phục và phát

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

tỉnh và cùng Nhân dân cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sau năm 1975, với niềm vui thắng lợi, trong tình hình, đặc điểm mới, nhiệm vụ trước mắt đặt ra cho Huyện ủy Bạch Thông và Đảng bộ thị trấn Bắc Kạn là tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế. Để thực hiện nhiệm vụ này, trước hết phải củng cố, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh. Trong hệ thống chính trị cơ sở, tổ chức Đảng là hạt nhân lãnh đạo phải được xây dựng ngang tầm với nhiệm vụ mới, đủ sức lãnh đạo Nhân dân trên địa bàn thị trấn, sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ chính trị, đáp ứng những yêu cầu trước mắt và lâu dài của tỉnh và Trung ương. Đại hội Đảng bộ huyện Bạch Thông tiến hành sau Đại hội IV của Đảng và Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái nên có nhiều thuận lợi. Căn cứ vào đường lối chung của Trung ương, các chủ trương, biện pháp của Tỉnh ủy, Huyện ủy, Đại hội khóa IV của Đảng bộ thị trấn Bắc Kạn đề ra nhiệm vụ trong thời kỳ mới và bầu Đảng ủy mới, đồng chí Nguyễn Văn Rung làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Nghệ là Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính thị trấn. Chính quyền thị trấn Bắc Kạn là chính quyền cơ sở, nhưng ở địa bàn đông dân cư nhất của huyện, vừa mang tính chất đô thị nhỏ miền núi, vừa phản ánh rõ nét thể chiến lược kinh tế nông, lâm nghiệp - công nghiệp - thương mại, dịch vụ, nên phải được tăng cường hơn nữa vai trò quản lý Nhà nước. Tình hình và đặc điểm thời kỳ sau chiến tranh đòi hỏi chính quyền thị trấn phải tăng cường sức mạnh để quản lý các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng trên địa bàn quy mô ngang tầm cấp huyện. Các đoàn thể quần chúng tập hợp trong Mặt trận Tổ quốc thị trấn. Khi chuyển sang thời bình, nhiệm vụ chính của đoàn thể là vận động tập hợp các tầng lớp Nhân dân, đồng bào các dân tộc đẩy mạnh

sản xuất, phát triển văn hóa, bảo đảm an ninh và sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc trước mọi cuộc xâm lăng của các thế lực đế quốc, thù địch.

Về kinh tế

Đảng bộ và Nhân dân thị trấn Bắc Kạn tập trung vào việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, trong đó ưu tiên thủy lợi, coi đó là biện pháp hàng đầu. Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/HU (1975) của Huyện ủy Bạch Thông là sớm đưa nghề rừng trở thành nghề sản xuất chính, trong những năm 1975 - 1976, Đảng bộ thị trấn đã chú trọng chỉ đạo phát triển nghề rừng, đạt được những kết quả quan trọng. Coi trọng nghề nuôi cá; tăng mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, đẩy mạnh sản xuất của ngành cơ khí nhỏ hướng vào phục vụ sản xuất nông nghiệp; tăng nhanh khối lượng, chất lượng các mặt hàng xuất khẩu trên cơ sở chế biến nông, lâm sản.

Bên cạnh việc củng cố các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thị trấn Bắc Kạn cùng cả huyện Bạch Thông còn chú trọng củng cố các hợp tác xã mua bán (mua những thứ nông dân cần bán, bán những thứ nông dân cần mua), hợp tác xã tín dụng (vay tiền để cho vay). Ở đây, vai trò của hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng càng đặc biệt quan trọng. Trong cơ chế hành chính bao cấp, sản xuất hàng hóa chưa được đẩy mạnh, việc giao lưu hàng hóa giữa các vùng có nhiều hạn chế, thị trấn Bắc Kạn cũng gặp nhiều khó khăn về đáp ứng hàng tiêu dùng thiết yếu cho đồng bào, về vốn đầu tư để mở rộng sản xuất. Việc chú trọng củng cố và phát triển các hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng là đúng hướng nhằm góp phần hỗ trợ đắc lực cho mậu dịch quốc doanh, cũng như các cơ sở Ngân hàng Nhà nước trong việc thu mua, phân phối, quản lý tiền, hàng hóa. Mặt trận phân phối, lưu thông tiền, hàng sau năm 1975 là mặt trận nóng bỏng do sản xuất

hướng vào hoạt động của các hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng. Đó là một chủ trương đúng, có ý nghĩa chiến lược đối với miền núi, thiết thực góp phần tích cực vào phục vụ sản xuất, đời sống, quản lý lao động, quản lý thị trường, thúc đẩy sản xuất, phát triển kinh tế ở thị trấn. Đảng ủy thị trấn đã có những biện pháp tích cực thực hiện chủ trương tổ chức lại sản xuất trong hợp tác xã thủ công nghiệp theo từng ngành, quy mô vừa và nhỏ kết hợp với quy mô liên ngành trong một hợp tác xã.



Cửa hàng hợp tác xã mua bán tại thị xã Bắc Kạn

Công tác giáo dục, văn hóa, xã hội

Sau thời kỳ chiến tranh, yêu cầu của các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, xã hội đòi hỏi rất cao. Nhưng chính sách hỗ trợ chưa đầy đủ cùng với cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giáo dục, văn hóa, xã hội ở vùng núi Bạch Thông, thị trấn Bắc Kạn còn khó khăn, hạn chế. Thực hiện các nghị quyết của Huyện ủy Bạch Thông Đảng ủy

tuổi đi học đến trường; đầu tư theo khả năng để tu bổ, xây dựng mới các trường học; chú trọng vận động phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới; bảo đảm an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn. Công tác y tế phải bảo đảm thuốc chữa bệnh thông thường và khám, chữa bệnh cho các tuyến từ khu phố đến thị trấn, kết hợp Đông - Tây y chữa bệnh trong điều kiện kinh phí có hạn, cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ làm công tác y tế mỏng.

Thị trấn Bắc Kạn ở vị trí chiến lược, trung tâm điểm giữa biên giới và Thủ đô Hà Nội, thành phần dân cư đa dạng nên công tác an ninh, quốc phòng được coi trọng. Tổ chức Đảng ở huyện Bạch Thông và thị trấn Bắc Kạn tiến hành nhiệm vụ này dựa trên chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy Bắc Thái: Xây dựng lực lượng bảo vệ an ninh, quốc phòng vững mạnh lấy địa bàn huyện làm cấp cơ sở. Dựa trên ý thức cảnh giác và sức mạnh của toàn dân, Đảng bộ thị trấn giáo dục cho Nhân dân tinh thần sẵn sàng bảo vệ quê hương, bảo vệ Tổ quốc, đập tan mọi âm mưu và hành động khiêu khích, bạo loạn của phản động, giữ cuộc sống yên bình cho Nhân dân.

Những năm đầu khi chuyển sang thời kỳ cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, huyện Bạch Thông tiếp tục giữ vững sản xuất nông nghiệp trong điều kiện cơ chế quản lý kinh tế chưa chuyển đổi, thời tiết không thuận lợi, giống cây và vật tư, phân bón cho nông nghiệp bị hạn chế. Năm 1977, tổng diện tích lúa của huyện Bạch Thông là 3.527,66 ha, bằng 103% so với năm 1976¹. Thị trấn Bắc Kạn cấy được 587 ha lúa với năng suất bình quân 26,67 tạ/ha/vụ, tổng sản lượng lúa đạt 1.565 tấn². Với tinh thần tích cực, chủ động khắc phục khó khăn, các cơ quan, đơn vị (trên 50 đơn vị) đóng trên địa bàn thị trấn đã tích cực tăng gia tự

¹ Báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông. Tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

túc, cây được 8 ha lúa với năng suất 18,8 tạ/ha, sản lượng đạt 15,66 tấn. Các loại cây trồng khác như khoai lang, lạc, ngô, sắn,... cũng được chú ý phát triển. Kết quả sản xuất nông nghiệp nói trên tuy chưa cao nhưng đã góp phần đáng kể đáp ứng nhu cầu lương thực cho Nhân dân, cán bộ trên địa bàn thị trấn trong hoàn cảnh cả nước thiếu lương thực lúc bấy giờ. Vụ mùa năm 1977, đồng ruộng Bắc Kạn bị hạn hán kéo dài, giữa vụ lúa bị sâu phá hoại nặng, phân bón thiếu trầm trọng (bình quân 582 kg/1.000 m² trong đó có 7,7 kg phân vô cơ). Sản xuất nông nghiệp ở Bắc Kạn chưa tạo ra những giá trị hàng hóa, tự cung tự cấp là chủ yếu. Trong hoàn cảnh đó, Bắc Kạn vẫn thực hiện tốt nghĩa vụ lương thực hằng năm cho Nhà nước (năm 1977, vụ mùa nộp nghĩa vụ được hơn 1 tấn thóc, vụ chiêm xuân nộp được 1,009 tấn)¹.

Thực hiện hợp đồng kinh tế hai chiều giữa Nhà nước với nông dân, thị trấn Bắc Kạn đã vận động các hợp tác xã ký kết hợp đồng đầu tư mở rộng sản xuất, chủ yếu là hợp đồng Nhà nước mua sản phẩm nông nghiệp, nông dân mua một số vật tư phân bón, giống,... Việc làm đó đã góp phần tạo niềm tin, phấn khởi cho nông dân, bước đầu giải quyết được công bằng trong nghĩa vụ đóng góp của nông dân đối với Nhà nước.

Chăn nuôi cũng là một trong những thế mạnh của huyện Bạch Thông và thị trấn Bắc Kạn. Hằng năm, đàn trâu của huyện tăng 8%. Năm 1978, thị trấn Bắc Kạn đã góp phần đưa đàn trâu của huyện lên 8.119 con; đàn bò 88 con và đàn lợn 16.783 con².

Toàn huyện Bạch Thông có 20 cơ sở tiểu thủ công nghiệp, tập trung chủ yếu ở thị trấn Bắc Kạn và thị trấn Phủ Thông (năm 1978 có 15 cơ sở). Giá trị sản lượng của nhiều cơ sở tiểu thủ công nghiệp đạt và

¹ Báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông.

vượt mức kế hoạch doanh thu (năm 1976, cả huyện Bạch Thông đạt 914 nghìn đồng). Năm 1980, chính quyền tỉnh Bắc Thái đã quyết định sắp xếp lao động, củng cố các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp. Những cơ sở có từ trước năm 1975 được củng cố lại, tổ chức thêm các cơ sở chế biến đậu tương, sản xuất dếp nhựa... Nhờ đó, đã tạo thêm việc làm cho hàng nghìn người, góp phần ổn định đời sống Nhân dân.

Lưu thông phân phối là lĩnh vực khó khăn nhất ở Bắc Kạn. Sản xuất có tăng nhưng còn thấp xa so với nhu cầu trong toàn huyện, kể cả những nhu cầu tối thiểu. Trong khi đó, gia tăng dân số ở mức cao, cư dân tập trung ở huyện lỵ ngày càng nhiều. Sau chiến tranh, nhiều người hoàn thành nhiệm vụ trong quân đội trở về địa phương. Cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp đã làm cho sản xuất gặp nhiều khó khăn. Lưu thông hàng hóa nông, lâm nghiệp ách tắc. Tài chính thu không đủ chi, mất cân đối nghiêm trọng. Ngân hàng không phát huy được vai trò hỗ trợ cho sản xuất. Lúc này, Bắc Kạn gặp khó khăn về vốn để mở mang sản xuất hằng tháng, hằng quý, hằng năm. Đời sống những người ăn lương ở Bắc Kạn gặp khó khăn: Lương chậm trả, đồng lương không đủ chi phí tối thiểu trong cuộc sống hằng ngày của cán bộ, công nhân viên chức. Việc quản lý thị trường chủ yếu là theo biện pháp hành chính đơn thuần. Nguyên nhân chính làm cho thị trường ở Bắc Kạn chưa mở rộng là do sản xuất chưa phát triển mạnh; cơ chế quản lý thị trường theo kiểu hành chính không khuyến khích được lưu thông hàng hóa, tiền tệ. Tuy vậy, giữ cho được tình hình giá cả thị trường ở Bắc Kạn trước và sau khi đổi tiền năm 1978 ở mức tương đối ổn định sau một thời gian là một cố gắng rất lớn của Huyện ủy Bạch Thông và Đảng ủy thị trấn Bắc Kạn (thịt lợn trước đổi tiền 17 đồng/kg, sau đổi tiền là 14 đồng/kg).

Sau năm 1975, huyện Bạch Thông và thị trấn Bắc Kạn vẫn chưa

tích trồng rừng đã tăng hơn năm 1976 tới 2,5 lần. Việc quản lý khai thác rừng được chú trọng, xử lý được nhiều trường hợp phá rừng, khai thác gỗ trái phép.

Trong hoàn cảnh gặp nhiều khó khăn về kinh tế, đời sống cũng như trang bị cơ sở vật chất còn hạn hẹp, song công tác giáo dục, y tế, xã hội bước đầu đã được chú ý. Hằng năm, số học sinh tăng lên, chất lượng dạy và học được nâng cao. Trường phổ thông cấp III thị trấn Bắc Kạn tiếp tục đẩy mạnh phong trào học tập ở nhà trường kết hợp với thực tế sản xuất. Phong trào bổ túc văn hóa được duy trì và phát triển trong các cơ quan, xí nghiệp, khu phố ở thị trấn Bắc Kạn.

Đôi với công tác đảm bảo y tế, Đảng bộ và chính quyền thị trấn Bắc Kạn đã chỉ đạo khắc phục khó khăn, tạo điều kiện cho các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn hoạt động thuận lợi, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong điều kiện xa bệnh viện tỉnh và các bệnh viện trung ương. Các gia đình thuộc diện chính sách như thương binh, liệt sĩ, người già neo đơn được quan tâm chăm sóc. Các dịch bệnh nguy hiểm không xảy ra.

Những năm sau khi nước nhà thống nhất, tình hình xã hội ở thị trấn Bắc Kạn cơ bản ổn định. Song, những tệ nạn xã hội như mê tín, dị đoan, nghiện hút, trộm cắp,... có lúc còn diễn ra phức tạp. Do sự quan tâm lãnh đạo của Đảng ủy và chính quyền, cùng các ngành, các đoàn thể và sự ủng hộ của Nhân dân trong phong trào xây dựng nếp sống văn hóa mới, nên thị trấn Bắc Kạn không xảy ra những vụ việc nghiêm trọng.

An ninh quốc phòng trên địa bàn thị trấn Bắc Kạn được giữ vững và tăng cường. Những chiến sĩ rời tay súng ở chiến trường chống Mỹ, cứu nước trở về làm nòng cốt cho lực lượng dân quân tự vệ. Lớp thanh

tô đẹp thêm truyền thống bất khuất bảo vệ Tổ quốc. Trong năm 1976, Bắc Kạn tuyển quân trong điều kiện nghĩa vụ thời bình, vượt kế hoạch được giao 14%. Đó là kết quả của sự khơi dậy tinh thần yêu nước trong công tác lãnh đạo giáo dục, vận động của Đảng bộ, chính quyền, các đoàn thể Nhân dân thị trấn.

Trong bước chuyển giai đoạn, Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ... đã đoàn kết nhất trí, tạo nên một hệ thống chính trị ổn định. Đảng bộ thị trấn kế thừa truyền thống và kinh nghiệm của thời kỳ trước để vươn lên thực hiện vai trò lãnh đạo toàn diện. Từ khóa V đến khóa VIII, đồng chí Nguyễn Văn Rung liên tục làm Bí thư Đảng ủy; đồng chí Nguyễn Văn Nghệ, Phó Bí thư, giữ chức Chủ tịch thị trấn. Khi đồng chí Nguyễn Văn Rung nghỉ hưu, đồng chí Nguyễn Văn Nghệ làm Bí thư Đảng ủy và đồng chí Nguyễn Hữu Minh làm Chủ tịch thị trấn. Tính liên tục của lãnh đạo cấp ủy là một yếu tố góp phần làm ổn định nội bộ Đảng bộ thị trấn. Toàn Đảng bộ đoàn kết gắn bó, thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động. Qua đó, làm tăng thêm niềm tin của đồng bào các dân tộc thị trấn đối với sự lãnh đạo của Đảng. Tuy vậy, việc không thay đổi cán bộ cấp ủy đã tạo ra sức ỳ, thụ động và có phần bất cập trong công tác lãnh đạo và quản lý. Nhưng tình trạng đó không phải do tham quyền cố vị, mà là do cơ chế cũ không đổi mới cán bộ đã kéo dài cả một thời kỳ chưa được thay thế. Trong điều kiện khó khăn: Cơ sở hạ tầng xuống cấp một cách nghiêm trọng; cấp quản lý chưa tương xứng với quy mô và tốc độ đô thị hóa; các công trình phúc lợi công cộng nghèo nàn, sự quan tâm đầu tư của tỉnh và Trung ương cho thị trấn nhiều năm không thỏa đáng; song Đảng bộ và Nhân dân thị trấn Bắc Kạn không có tư tưởng trông chờ, thụ động, ỷ lại cấp trên. Với phương châm khai thác hết khả năng của mình. Đảng bộ Bạch Thông - thị trấn Bắc Kạn trong thời gian này

tưởng, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa với kết quả chưa lớn, chưa nhiều, nhưng có ý nghĩa tạo đà cho những năm sau, không bị bất ngờ khi đất nước bước vào cuộc chiến tranh biên giới và chuyển sang cơ chế mới.

Suốt mấy chục năm, Nhân dân các dân tộc Việt Nam đã cảm sùng chống giặc ngoài, thù trong, sau năm 1975 tưởng rằng nền độc lập dân tộc sẽ không bị đe dọa, Nhân dân yên tâm xây dựng đất nước, nhưng công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế chưa được bao lâu, thì Chiến tranh biên giới Tây Nam và Chiến tranh biên giới phía bắc lại nổ ra. Bắc Kạn trở thành tuyến hai cho cuộc chiến đấu bảo vệ biên cương của Tổ quốc.

Do bị các phần tử xấu kích động về cái gọi là “Việt Nam xua đuổi người Hoa”, năm 1978, một số người Hoa ở thị trấn Bắc Kạn, vốn cùng cộng đồng người Việt làm ăn sinh sống đã lâu đời, nay hoang mang, dao động, lo sợ chính quyền ta đàn áp, xua đuổi. Các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể tích cực vận động, đấu tranh làm rõ chân lý nên đại bộ phận gia đình người Hoa ở thị trấn mong muốn ổn định sinh sống trên đất nước Việt Nam, không mắc mưu những kẻ lừa bịp, dọa nạt. Thị trấn Bắc Kạn và thị trấn Phủ Thông là hai nơi có đồng bào Hoa sinh sống thì chỉ có 5 hộ người Hoa bỏ nhà cửa để đi Trung Quốc. Một số hộ phân tán về các xã trong huyện Bạch Thông.

Khi Nhân dân Việt Nam đang phải chống lại cuộc chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam, chủ nghĩa bá quyền - bành trướng trong giới cầm quyền Trung Quốc có động thái ủng hộ tập đoàn “Khome đỏ”, tiếp đó có những hành động khiêu khích, chống phá và xâm lấn Việt Nam. Trước tình hình đó, ngày 11/01/1979, Huyện ủy Bạch Thông ban hành Chỉ thị số 02- CT/BT về “Tăng cường đề cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu”.

cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc trên địa bàn thị trấn phải thường xuyên đề cao cảnh giác, quản lí chặt chẽ hộ khẩu, kịp thời đập tan mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu.

Ngày 17/02/1979, Trung Quốc phát động cuộc chiến tranh xâm lược trên toàn tuyến biên giới phía bắc. Quân và dân ta, trực tiếp là quân dân 6 tỉnh biên giới phía bắc đã đứng lên chiến đấu ngoan cường để bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Đảng bộ, chính quyền, các đoàn thể Nhân dân thị trấn Bắc Kạn đã tổ chức nhiều cuộc mít tinh lên án hành động xâm lược biên giới, hưởng ứng cuộc tổng động viên của Quốc hội, của Chính phủ, cổ vũ tinh thần quyết tâm chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của các đơn vị đang chiến đấu trên tuyến đầu. Quân dân Bắc Kạn đã huy động hàng vạn ngày công để phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, đã xẻ núi, đào hào chuẩn bị các trận địa để ứng phó với mọi tình thế.

Đóng vai trò tuyến giữa, quán triệt Chỉ thị số 08-CT/BT ngày 03/3/1979 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Thái về việc đón tiếp, giúp đỡ đồng bào vùng có chiến sự đến sơ tán, thực hiện những chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ huyện Bạch Thông, thị trấn Bắc Kạn đã đón hàng vạn bà con ở các tỉnh biên giới sơ tán, giúp đỡ họ ổn định cuộc sống. Sức mạnh tinh thần, tình yêu thương đùm bọc lúc hoạn nạn đã nâng cao ý chí quật cường của quân dân Bắc Kạn, tô đẹp thêm truyền thống đoàn kết của đồng bào các dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhà cửa tranh tre được dựng tạm để đón bà con sơ tán. Nhiều gia đình ở thị trấn đã nhường nhà, giường chiếu, nhường áo sẻ cơm giúp đỡ bà con, nhất là người già và trẻ em. Số lượng người sơ tán về Bắc Kạn đông, đời sống sinh hoạt khó khăn, nhưng do công tác y tế chăm sóc sức khỏe được thực hiện tốt, nên tránh được các bệnh dịch trong thời tiết đang chuyển

Khi Tổ quốc lâm nguy, thanh niên lại xung phong lên đường đi chiến đấu. Hưởng ứng lời kêu gọi tổng động viên cứu nước, chỉ trong một thời gian ngắn, hơn 300 thanh niên Bắc Kạn đã rời ruộng đồng, núi rừng, trường học, cơ quan lên đường nhập ngũ để bảo vệ Tổ quốc¹.

Với tinh thần cảnh giác cao, có sẵn thể trận chiến tranh Nhân dân được xây dựng cả trong và sau khi đất nước kết thúc chiến tranh chống Mỹ, thị trấn Bắc Kạn nhanh chóng xây dựng được một tiểu đoàn dân quân tự vệ. Đây là lực lượng vũ trang nòng cốt của thị trấn, sẵn sàng cùng Nhân dân thị trấn chiến đấu và phục vụ chiến đấu tại chỗ. Đồng thời, thị trấn bổ sung một đại đội vào tiểu đoàn của huyện Bạch Thông lên chiến đấu ở phòng tuyến tiền tiêu. Hàng trăm con em của huyện Bạch Thông và thị trấn Bắc Kạn có mặt và lập công trên các tuyến lửa ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Tuyên, Hoàng Liên Sơn². Nhân dân, dân quân tự vệ Bắc Kạn đã đào hàng chục km đường hào, ngày đêm tuần tra giữ gìn an ninh, trật tự, bảo đảm làm trong sạch địa bàn.

Đảng bộ thị trấn đã lãnh đạo Nhân dân thực hiện xuất sắc nhiệm vụ là một hậu cứ của tuyến trước và trạm trung chuyển về phía sau. Tuy còn nhiều khó khăn về đời sống, Nhân dân Bắc Kạn, nhất là các hội mẹ chiến sĩ đã quên góp ủng hộ lực lượng vũ trang và đồng bào biên giới hàng triệu đồng, hàng chục tấn hàng hóa lương thực và dụng cụ sản xuất.

Là địa bàn trung chuyển cho biên giới, Nhân dân các dân tộc Bắc Kạn ngày đêm tích cực sửa chữa cầu đường, đảm bảo an toàn cho xe, pháo, quân đội đi lại, tổ chức các đội cứu chữa thương binh.

Trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thị trấn Bắc Kạn và toàn huyện Bạch Thông vẫn đảm bảo sản xuất. Năm 1979, diện tích gieo

trồng đạt 1.237,2 ha, năng suất đạt 20,14 tạ/ha/vụ, tăng hơn năm 1978 là 0,8%. Tổng sản lượng của huyện là 2.576 tấn¹.

Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ cũng như trong cuộc chiến tranh biên giới lần này, thị trấn Bắc Kạn xứng đáng là địa bàn đã góp phần tích cực làm nên thắng lợi của cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Những vết thương của chiến tranh chống Mĩ xâm lược chưa kịp hàn gắn thì lại thêm những vết thương của chiến tranh biên giới phía bắc, nên trong những năm đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX, cả nước nói chung và Bắc Kạn nói riêng gặp nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội. Chiến tranh biên giới phía bắc sớm kết thúc, song Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Bắc Kạn vẫn tiếp tục chiến đấu chống lại chiến tranh tâm lý, thù hằn dân tộc, chiến tranh phá hoại về nhiều mặt của các phần tử phản động thường xuyên xảy ra dọc tuyến biên giới. Hậu quả của chiến tranh không dễ trong vòng mấy năm mà khắc phục được, thêm vào đó cơ chế quản lý kinh tế của thời chiến tranh là hành chính, bao cấp, mệnh lệnh chậm được thay thế. Do vậy, tình hình kinh tế huyện Bạch Thông và thị trấn Bắc Kạn chậm phát triển. Tình hình y tế, giáo dục, dân số, giải quyết chính sách cho các đối tượng được hưởng, tạo việc làm cho những người lao động, ... còn gặp nhiều trở ngại. Chính sách đầu tư có trọng điểm theo quy mô xây dựng lớn ở những khu công nghiệp, đô thị làm việc đầu tư cho Bắc Kạn chưa được quan tâm đúng mức. Tính chất nông, lâm nghiệp xen kẽ, cơ cấu kinh tế nông - lâm - công nghiệp, dịch vụ ở Bắc Kạn chưa được xác định rõ; quy hoạch tổng thể cho phát triển thị trấn Bắc Kạn theo tính chất một đô thị miền núi chưa có. Tất cả những khó khăn trở ngại trên đã dẫn tới việc trong suốt những năm 80 của thế kỉ XX, cùng cả nước, Bắc Kạn lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội. Sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

công nghiệp, lâm nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu của địa phương và kế hoạch của Nhà nước. Các lĩnh vực đời sống, từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng đều có biểu hiện “xuống cấp”. Tệ nạn xã hội như nghiện hút, cờ bạc, trộm cướp... đã diễn ra trên diện rộng và len lỏi sâu vào nhiều gia đình, nhất là lớp thanh niên.

Yêu cầu phát triển sản xuất, giữ vững an ninh, trật tự và khắc phục mọi khó khăn là những vấn đề trọng tâm trong lãnh đạo, quản lý và cũng là phương hướng tổ chức vận động các phong trào quần chúng Nhân dân của Đảng bộ thị trấn Bắc Kạn. Đây là một thử thách lớn phải vượt qua. Đảng ủy khóa VII, khóa VIII (do các đồng chí Nguyễn Văn Rung, Nguyễn Văn Nghệ là Bí thư); khóa IX, khóa X (do đồng chí Lê Đăng Phụ làm Bí thư, các đồng chí Nguyễn Anh Cư, rồi tiếp đó là Nguyễn Quân là Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị trấn) đã phát triển và tích cực thực hiện các yêu cầu, phương hướng đó.

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Đảng bộ và Nhân dân thị trấn Bắc Kạn tiếp tục phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn. Cùng với huyện Bạch Thông, thị trấn Bắc Kạn đã góp phần đảm bảo diện tích gieo trồng đạt 99,8%. Năng suất lúa bình quân năm 1983 là 24,5 tạ/ha với sản lượng cả huyện là 9.328 tấn, vượt mức so với năm 1982¹. Năm 1983, Bắc Kạn đưa diện tích trồng rau chuyên canh lên 10 ha, tăng 3 ha so với năm 1982. Năm 1984, diện tích gieo trồng cây lương thực tăng 3,5% so với năm 1983. Chăn nuôi tiếp tục gia tăng, riêng đàn dê của huyện trong năm 1983 tăng gấp hai lần năm 1982. Năm 1984, đàn trâu tăng 400 con, đàn lợn tăng 1.000 con so với năm 1983².

Lâm nghiệp của huyện và thị trấn thời kỳ này gặp khó khăn. Giá trị lâm sản của huyện Bạch Thông (trong đó có thị trấn Bắc Kạn) đạt

thấp do giá cả khai thác chưa thích hợp, tỷ lệ lao động nghề rừng trong các hợp tác xã chưa được chú trọng. Tuy đã ngăn chặn được một phần nạn phá rừng (năm 1983, tỷ lệ phá rừng chỉ bằng 69% so với năm 1982), nhưng lại bị cháy rừng nhiều hơn, trong đó rừng trồng bị cháy 20 ha. Việc tổ chức khai thác còn lỏng lẻo, thất thoát. Tỉnh và huyện đã có kế hoạch kịp thời khai thác, bảo vệ, kiểm tra thu hồi nhiều gỗ cho Nhà nước¹. Năm 1984, trồng rừng của huyện, thị trấn đạt 92% kế hoạch (khoảng 245 ha)².

Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp tiếp tục được duy trì, củng cố theo hướng Nhà nước bán nguyên liệu, vật liệu, sau đó thu mua thành phẩm. Những ngành nghề chủ yếu ở thị trấn Bắc Kạn được sắp xếp lại, có chính sách thu hút thêm những người có tay nghề khá, có vốn và công cụ sản xuất vào các tổ chức sản xuất tập thể. Đây là biện pháp tích cực để tiếp tục phát triển sản xuất.

Hàng năm, các tuyến đường trong huyện và thị trấn được sửa chữa, nâng cấp. Các hợp tác xã vận tải phát triển thêm các phương tiện thô sơ (xe trâu, xe ngựa) đi các tuyến ngắn để vận chuyển nông sản, vật phẩm, kể cả vận tải hành khách từ Bắc Kạn đi Phủ Thông và Bắc Kạn đi Cao Kỳ trong lúc còn thiếu phương tiện cơ giới và xăng dầu.

Lưu thông phân phối vẫn là lĩnh vực gay gắt nhất ở Bắc Kạn. Giá cả thị trường lên cao, chưa khuyến khích được sản xuất. Thị trường thiếu hàng, sản xuất thiếu nguyên, nhiên liệu, thiếu vốn. Để ổn định đời sống, đẩy sản xuất đi lên, Đảng bộ và chính quyền thị trấn Bắc Kạn chủ trương tăng cường công tác quản lý thị trường, giáo dục và vận động cán bộ, Nhân dân chấp hành pháp lệnh thuế công thương nghiệp, quyết không để thất thu thuế, nhất là đối với các hộ buôn bán phải đăng ký kinh doanh và thu nộp đúng, đủ thuế theo pháp luật.

Việc mở “đột phá khẩu” trong lĩnh vực lưu thông, phân phối bằng biện pháp cải cách giá - lương - tiền trong phạm vi cả nước (chuyển phần lương hiện vật thành tiền theo giá mới vào lương từ năm 1985) trong điều kiện nước ta lúc đó gặp nhiều khó khăn, nên đã không có kết quả. Chỉ vài tháng sau khi thực hiện, giá cả trên thị trường tăng ở mức cao liên tục, đồng tiền mất giá hàng ngày. Tuy biện pháp trên ít nhiều đã gây biến động trong lưu thông phân phối, ảnh hưởng tới đời sống xã hội ở Bắc Kạn; nhưng ngay sau đó, chợ Bắc Kạn được sắp xếp lại; Công ty ăn uống, dịch vụ Bắc Kạn được thành lập... đã góp phần đưa tình hình thị trường giá cả ở Bắc Kạn đi vào xu hướng ổn định hơn. Đó là một nhân tố kích thích sản xuất chuyển sang cơ chế quản lý mới: Cơ chế thị trường hàng hóa, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tháng 12/1986, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI diễn ra tại Hà Nội. Đại hội đã hoạch định đường lối đổi mới toàn diện, sâu sắc và triệt để, xác định nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân trong những năm 1986 - 1991 là tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế lớn: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đã đáp ứng đòi hỏi bức thiết của đất nước và nguyện vọng của Nhân dân. Nghị quyết Đại hội mở ra những định hướng lớn cho các địa phương tập trung khai thác mọi nguồn lực để thoát khỏi khó khăn, đổi mới và phát triển.

Quan triệt tư tưởng đổi mới của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Đảng bộ thị trấn Bắc Kạn đã dần dần đổi mới sự lãnh đạo đối với công tác quản lý kinh tế theo hướng bảo đảm cho sản xuất phát triển, trong đó chú ý cho hàng hóa lưu thông, hạch toán kinh doanh, mở mang ngành nghề, khuyến khích Nhân dân sản xuất, kinh doanh...

biểu hiện rõ tính giao thời của cơ chế quản lý cũ và mới. Thị trấn Bắc Kạn lại là nơi có vị trí thông thương từ miền ngược xuống miền xuôi, từ các thành phố, đồng bằng lên miền ngược, cho nên thị trường khá phức tạp. Tuy nhiên, tình hình thị trường trong thời kỳ này đã mở ra những tiền đề quan trọng để về sau Đảng bộ vạch ra và thực thi những luận chứng kinh tế về các mặt nông, lâm, công nghiệp,... trên địa bàn huyện Bạch Thông và thị trấn Bắc Kạn.

Ngày 22/3/1990, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Thái đã duyệt luận chứng đầu tư trồng rừng tạo nguồn nguyên liệu cho xí nghiệp trúc Bắc Kạn, với diện tích trúc là 60 ha, mây là 350.000 ha, tổng số vốn đầu tư là 218 triệu đồng. Ngày 12/4/1990, Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt luận chứng kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng cơ sở chế biến lâm sản và xí nghiệp gỗ Bắc Kạn với số vốn đầu tư 106 triệu đồng¹.

Theo đà chung của tình hình phát triển kinh tế hàng hóa cả nước, cả tỉnh, thị trấn Bắc Kạn bắt đầu chuyển mình, khởi sắc, ngày thêm sầm uất.

Trong thuận lợi vẫn còn nhiều khó khăn. Việc khẩn trương tiếp tục khắc phục hậu quả chiến tranh, việc đổi mới cơ chế quản lý thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển đòi hỏi Đảng bộ và Nhân dân thị trấn Bắc Kạn phải nỗ lực nhiều mặt.

Công tác đảm bảo an ninh, quốc phòng, an toàn chính trị, xã hội trong tình hình mới phải được chú ý và tăng cường hơn. Đảng ủy và chính quyền thị trấn đã thuyết phục, giải thích và có những biện pháp tích cực vận động 17 hộ người Hoa gồm 106 khẩu định cư ở những xã mà họ đã tự đến trước chiến tranh biên giới. Các cấp, các ngành ở thị trấn Bắc Kạn thường xuyên đẩy mạnh chống chiến tranh phá hoại, tổ chức nhiều đợt khảo sát các địa bàn trọng điểm để đề ra kế hoạch, biện

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

pháp giữ vững an ninh, trật tự. Các lực lượng vũ trang trên địa bàn huyện, thị trấn gồm bộ đội, công an, dân quân, tự vệ thường xuyên luyện tập theo các phương án hiệp đồng tác chiến bảo vệ khu vực.

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế tiếp tục được củng cố, phát triển theo đường lối chung của Đảng. Phong trào nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới ở cơ quan, khu phố đã phát huy tác dụng tốt đối với một đô thị - thị trấn đang phát triển. Phong trào vận động kế hoạch hóa gia đình được Đảng ủy, chính quyền và các đoàn thể quan tâm duy trì. Trong thời kỳ này, tỷ lệ tăng dân số hằng năm ở Bắc Kạn còn khoảng 1,6%, đánh dấu những cố gắng lớn của Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân, của ngành y tế và nhất là Hội Phụ nữ.

Các trường lớp phổ thông được tăng cường cơ sở vật chất, phần đầu giảm học ca 3. Tỷ lệ học sinh đi học cao. Tỷ lệ bỏ học ở cấp I và cấp II giảm. Hằng năm, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các trường phổ thông ở Bắc Kạn đạt khá. Năm học 1982 - 1983, Trường phổ thông trung học Bắc Kạn đạt tỷ lệ tốt nghiệp 93%. Trường Trung cấp Sư phạm, giáo sinh tốt nghiệp gần 70%. Trường Văn hóa dân tộc nội trú được xây dựng thêm trường sở, thu hút đông con em đồng bào các dân tộc, luôn luôn được Đảng ủy, chính quyền các cấp, các đoàn thể quan tâm.

Đảng bộ giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị ở thị trấn. Thời kỳ này, Đảng bộ đã phát triển tới 380 đảng viên. Tổ chức Đảng, từ Đảng ủy, đến các Chi ủy, đội ngũ đảng viên không ngừng phấn đấu, rèn luyện trưởng thành qua các thời kỳ chiến tranh, trong hòa bình xây dựng. Họ luôn luôn "đứng mũi chịu sào" lãnh đạo các tầng lớp Nhân dân, tập hợp quần chúng trong Mặt trận Tổ quốc, thực hiện các nghị quyết của Huyện ủy và Đảng ủy thị trấn. Số đảng viên và chi bộ đạt tiêu chuẩn 4 tốt chiếm tỷ lệ ngày càng cao. Đa số đảng viên trong Đảng bộ...

được tăng cường nhiều đồng chí có kiến thức văn hóa, có trình độ lý luận và kinh nghiệm thực tiễn, có năng lực lãnh đạo thu phục quần chúng. Đảng bộ luôn luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng bộ thị trấn là một trong những Đảng bộ ở huyện Bạch Thông và tỉnh Bắc Thái nắm bắt nhanh nhạy chủ trương của Trung ương và của Tỉnh ủy, quán triệt các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về kinh tế, văn hóa giáo dục, an ninh quốc phòng, chính sách miền núi... Từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, Đảng bộ thị trấn Bắc Kạn đã chuyển nhanh sang cơ chế quản lý mới theo hướng đổi mới tư duy kinh tế, khắc phục những hạn chế để vươn ra khỏi cơ chế quản lý kinh tế hành chính, bao cấp. Đảng bộ thường xuyên đánh giá thực trạng kinh tế thị trấn, rút ra những đặc điểm kinh tế - xã hội ở một thị trấn miền núi, từng bước xác định cơ cấu kinh tế trong thời kỳ đổi mới. Căn cứ vào tình hình, đặc điểm của địa phương, Đảng ủy xác định cơ cấu kinh tế của thị trấn Bắc Kạn trong thời kỳ này là thương mại, dịch vụ - công - nông, lâm nghiệp. Trong quá trình đi lên, từ cơ cấu đúng hướng đó, Đảng bộ dần dần điều chỉnh phù hợp với tình hình chung và với bước phát triển của địa phương.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân thị trấn không ngừng vươn lên làm tốt vai trò quản lý Nhà nước. Bộ máy quản lý của chính quyền phát huy được năng lực, hiệu quả quyền lực và sức thuyết phục của mình trên tất cả các mặt, đặc biệt là tổ chức, hướng dẫn Nhân dân chấp hành Hiến pháp và pháp luật Nhà nước, đi dần vào quản lý theo luật pháp. Việc bố trí cán bộ, phân công công tác cho cán bộ trong bộ máy chính quyền hợp lý hơn theo yêu cầu của công việc; chú trọng đức, tài, kết hợp các độ tuổi, đồng thời chú ý trẻ hóa, tăng lực lượng cán bộ là giáo viên, cán bộ khoa học kỹ thuật để

★ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BẮC KẠN (1943 - 2019)

phòng, chống tham ô, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác, được Nhân dân tin cậy. Tuy vậy, bộ máy chính quyền thị trấn vẫn còn công kênh, chông chéo, việc tinh giản biên chế gặp khó khăn.

Ở thị trấn Bắc Kạn, vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh rất quan trọng. Quán triệt quan điểm sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc là của toàn dân, nên các tổ chức quần chúng, phong trào quần chúng phải đa dạng hóa và phong phú, sinh động. Phương hướng hoạt động của các đoàn thể, các phong trào là động viên sức mạnh của tất cả các lực lượng, các tầng lớp Nhân dân xây dựng thị trấn Bắc Kạn giàu đẹp. Trong các đoàn thể, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Mặt trận Tổ quốc. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc ở thị trấn Bắc Kạn được đổi mới nên năng động, linh hoạt hơn và bám sát được chủ trương của Đảng ủy. Thông qua các kỳ đại hội, các đoàn thể, tổ chức quần chúng được kiện toàn về tổ chức và phương hướng hoạt động. Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ đối với các đoàn thể được tăng cường.

Đến năm 1989, Bắc Kạn đã qua 22 năm là cấp thị trấn huyện lỵ. Suốt thời gian đó, thị trấn Bắc Kạn đã thay đổi nhiều mặt. Số dân của thị trấn Bắc Kạn đã phát triển tới 13.705 người (1989). Trên địa bàn thị trấn đã có 9 đơn vị của tỉnh Bắc Thái, 12 công ty xí nghiệp của huyện Bạch Thông, 5 hợp tác xã sản xuất, kinh doanh và nhiều cơ sở kinh doanh, văn hóa, giáo dục, y tế thuộc cấp thị trấn quản lý. Hệ thống thương nghiệp và dịch vụ ở thị trấn có xu hướng phát triển nhanh với khoảng 500 hộ tư thương kinh doanh, buôn bán trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Thị trấn được mở rộng và hình thành rõ rệt hai vùng nội thị và ngoại thị.

Tốc độ đô thị hóa ở thị trấn Bắc Kạn theo hướng Nhà nước và